

Trương quốc Dụng

張國棟

(1901) 廣東省番禺縣人
1925 年畢業於廣州
1928 年畢業於香港
1930 年畢業於上海
1935 年畢業於南京
1940 年畢業於重慶

THỐI THỰC

KÝ VĂN

NGUYỄN LỢI và NGUYỄN ĐỒNG CHI

dịch và chú thích

PHAM THỊ GIEM

Phạm Thị Giem

TRONG
Tủ sách dịch
TÂN VIỆT
1944



CÙNG ĐỌC, CÙNG CHIA SẺ

Tên sách : THỐI THỰC KÝ VĂN

Tác giả : TRƯƠNG QUỐC DỤNG

Dịch và chú thích : NGUYỄN LỢI và NGUYỄN ĐỒNG CHI

Nhà xuất bản : TÂN VIỆT

Năm xuất bản : 1944

Nguồn sách : scmn-vietnam.blogspot.com

Đánh máy : green@

Kiểm tra chính tả : Tào Thanh Huyền, Vũ Minh Anh,
Nguyễn Huy Hoàng, Vũ Minh Anh

Biên tập chữ Hán – Nôm : Trương Vĩnh Tiến

Biên tập ebook : Thư Võ

Ngày hoàn thành : 29/12/2019

**Ebook này được thực hiện theo dự án phi lợi nhuận
« SỔ HÓA 1000 QUYỂN SÁCH VIỆT MỘT THỜI VANG
BÓNG » của diễn đàn TVE-4U.ORG**

**Cảm ơn tác giả NGUYỄN LỢI, NGUYỄN ĐỒNG CHI và
nhà xuất bản TÂN VIỆT đã chia sẻ với bạn đọc những
kiến thức quý giá.**

MỤC LỤC

TIỂU SỬ TRƯƠNG-QUỐC-DỤNG (1801-1064).

CHƯƠNG I : TRƯNG KỲ

CHƯƠNG II : TẠP SỰ

CHƯƠNG III : VẬT LOẠI

TRƯƠNG QUỐC DỤNG
THỜI THỰC KÝ VĂN
NGUYỄN LỢI và NGUYỄN ĐỒNG CHI
dịch và chú thích
Trong *Tủ sách dịch*
TÂN VIỆT
1944

CÙNG BẠN ĐỌC

Trương-Quốc-Dụng là một đại biểu cho cái khí-tiết của nhà nho về cận-đại. Một bộ sách của một người như thế viết ra, đúng về mặt văn học, tự nó có cái giá-trị đáng bảo tồn. Huống chi, « Thoái-thực ký-văn » còn chứa bao nhiêu tài liệu có thể giúp người sau trong việc nghiên-cứu về thời cổ. Thế nhưng...

Thế nhưng thầy Mạnh có dặn : « Tin hết sách không bằng không sách ! » Chúng tôi mong các bạn cũng nên nhớ kỹ lời dặn đó, khi đọc đến những chuyện mà theo ý chúng tôi chỉ là những chuyện hoang đường.

Chúng tôi sẽ được cảm ơn... Vì như vậy trong lòng chúng tôi sẽ hết băn-khoăn khi cho ra mắt các bạn tập tùy bút của Trương-Quốc-Dụng.

Nhà xuất bản Tân Việt

TIÊU SỬ TRƯƠNG-QUỐC-DỤNG (1801-1064)

Từ tỉnh lỵ Hà-tĩnh đi về phía đông nam ước 5 cây số đi qua đò Đồng-Môn là đến phần đất tổng Hạ-Nhi thuộc phủ Thạch-Hà. Đây chỉ là một bãi đất bồi tự lâu đời dính vào chân núi Nam-Giới. Đồng chua nước mặn dân sự nghèo túng. Giúp vào sức đất, phần nhiều thôn dân ngoài công việc nông phổ còn phải đi góp phân người ¹ một nghề bị lắm kẻ khinh bỉ. Chỗ ấy là nơi chôn rau cắt rốn của Trương-Quốc-Dụng 張國用.

Trương ra đời ở làng Phong-Phú năm 1801, tên chữ là Nhu-Trung 柔中. Sinh trưởng trong một gia đình vào bậc trung lưu, chuộng Hán học ² Trương lên 4 tuổi đã bắt đầu theo đòi nghiên bút. Nhờ có trí thông minh và có cha rèn cặp nên năm 25 tuổi đã giạt giải hương cống (1825) đến năm 1829 đậu luôn cả tiến-sĩ số 4 dưới triều vua Minh-Mệnh.

Bước hoạn đồ của Trương cũng thăng trầm nhiều nổi. Bắt đầu đi Tri-phủ Tân-Bình (Gia-Định) năm 1830. Năm sau vừa về làm Lang Trung bộ Hình được ít lâu thì bị lỗi cách tuốt chức và phải hiệu lực ở bộ Lại (1832). Tháng 6 năm 1833 lại phải tòng quân đi đánh đảng Lê-Văn-Khôi, dưới quyền Tam tán Trương-Minh-Giang. Sau khi bình định, Trương được thăng dần từ chức Chủ sự lên đến Án sát Quảng-Ngãi (1837) rồi đổi ra Hưng-Yên (1840) tiện đường

ghé thăm nhà. Tự lúc làm quan đến nay mới về quê lần này là một.

Vua Thiệu-Trị nối ngôi cha (1841), Trương được về kinh giữ chức Tả thị lang bộ Lễ. Rồi như con chong chóng, được hai năm, đổi qua bộ Lại (1843) kế bộ Hình. Năm sau vừa cải sang bộ Công. Thăng đến Tả tham tri (1846).

Bắt đầu triều Tự-Đức (1848) Trương được giữ nhiều việc quan trọng : kiêm cả giảng sách hầu vua, coi việc Khâm-thiên-giám và viện Hàn-Lâm. Năm sau từ bộ Công lại thiên sang bộ Binh. Nhân ông cụ ở nhà 80 tuổi (1851), được phép về ăn mừng thọ. Từ đây Trương thỉnh thoảng được đi chấm trường thi Hội và các trường thi Hương ngoài Bắc. Ông cụ nhà chết năm 1854, Trương về đình ưu, sau ba năm được thăng Thượng thư bộ Hình kiêm cả chức Phó tổng tài Quốc sử quán. Năm 1862 đảng Tạ-Văn-Phụng hoạt động ở Quảng-Yên có cả Cai tổng Vàng và giặc Tầu giúp sức, Trương vâng lệnh đưa lính Thanh Nghệ, với chức Hiệp thống đi đánh ở Quảng-Yên. Không may đến năm 1864 thì bị tử trận, được triều đình ban tên thụy là Văn-Nghị 文誼 với hàm Đông-Các Đại học sĩ.³

Trương tính liêm khiết ngay thẳng, lúc ở bộ Hình có nhiều án được ông giải oan. Lại là một nhà nho có nghị lực. Đọc tác phẩm của Trương ta thấy một điều hai điều thường nhắc đến Trương-minh-Giảng Nguyễn-Xuân, v.v... tỏ ý khâm phục cái nhân cách của các người đó. Nhưng cái gì cũng hay tự quyết. Theo Đặng-Xuân-Bảng là người chứng kiến trận

Quảng-Yên thì cái chết của Trương cũng tự mình gây ra vì trước đó Đặng đã can :

- Đóng đồn đây ba mặt kề sông, nước thủy triều lên lỡ ra thuyền giặc thừa cơ kéo vào đánh tập hậu thời mình thua, nên dời quân chỗ khác.

Trương đáp :

- Ta đóng đồn ở đây nghĩa là bệ thủy trận, quyết đánh thù tử, người không có can đảm cho người về đóng quân giữ sông Bạch Đằng.⁴

Trương ưa rượu, hiếu học, ở trong quân thứ vẫn không sao nhãng việc đọc sách. Trong thời làm quan, được đi khắp Trung Nam, Bắc và Cao-Mên nên kiến văn lịch duyệt khá nhiều. Theo « *Đại-Nam nhất thống chí* » thì Trương còn tinh về thuật số như chiêm tinh học. Về môn này có lẽ Trương được chân truyền ở ông nội mình⁵. Và cái học thần bí ấy ngay ở vùng phủ Thạch Hà còn thấy một đôi nhà như họ Vũ Tá là một.⁶

Tác phẩm của Trương có bộ « *Thối Thực Ký Văn* », 4 quyển gồm có những bài bút ký giá trị về mặt sử liệu xã hội Việt-Nam ở thế kỷ thứ XVIII, XIX. Thể tài như một quyển bách khoa nhỏ, chia ra các mục :

- *Trung-Kỳ* : kể những việc lạ điềm kỳ.
- *Tạp Sự* : các kiến văn vật.
- *Vật Loại* : những thường thức về động, thực vật.
- *Chế Độ* : khảo chế đồ cũ.
- *Nhân Phẩm* : các danh nhân nước nhà.

- *Phong Vực* : tức địa dư phong tục.
- *Cổ tích phụ Sơn xuyên* : tức đền chùa thành trì núi-sông.

Nói tóm lại cũng tương tự như một vài loại sách bút ký của Tàu mà tác giả đã được đọc. Sách soạn xong khoảng năm 1849-50 chưa xuất bản lần nào chỉ lưu truyền bằng cách chép tay. Bởi vậy các mục trên sắp đặt có khác, tùy từng bản chép. ⁷

Ngoài ra, còn có quyển « *Trương Nhu Trung Thi Tập* » là một tập thơ chữ Hán. ⁸

CHƯƠNG I : TRƯNG KỲ ⁹

Đời truyền : khi sinh vua Lê-Thánh-Tông, bà mẹ là Thái hậu họ Ngô chiêm bao thấy đến chỗ ở của Ngọc hoàng, người sau này chỉ vào một tiên đồng mà bảo :

- Cho mày làm con người này.

Tiên đồng dùng dằng không chịu đi, bị Ngọc hoàng trong cơn giận lấy hốt đánh vào trán. Đến khi tỉnh dậy, sinh ra vua Lê Thánh, trên trán tựa như có vết ; đêm ngày khóc không thôi. Có một đạo sĩ tự xưng có phép làm cho trẻ khỏi khóc. Mới mời vào xem. Đến nơi đạo sĩ vỗ trẻ mà bảo :

- Thượng đế sau có truyền cho thêm nước Chàm nữa.

Đứa trẻ nín, không khóc nữa.

Năm quý mão (1783), Tây Sơn đánh đảo Côn Lôn, thuyền đội của vua Thế-Tổ Gia-Long phải chạy ra biển, trong thuyền thiếu nước uống đã bảy ngày. Tướng sĩ đang lo khát bỗng thấy đầu thuyền, nước trên mặt biển đen trắng phân rõ, bên nước trắng có sợi vọt ra, ném thử thấy ngọt, bèn múc vào để dùng. Từ đó lòng quân thêm hăng, các kiệt nghe tin đều hưởng ứng, mới biết có trời giúp. Việc ấy cũng một loại như việc Hán-Cao-Tổ gặp trận gió ở Tuy-Thủy và Hán-Quang-Vũ gặp nước băng ở sông Hồ-Đà. ¹⁰

Tiên hiền đã bảo :

- Quỷ thần là dấu của tạo hóa, là lượng năng của hai khí âm dương.

Bởi vì có khí ấy thì có lý ấy nên Quỷ thần cũng là một cái lý mà những dân tư của dân quê mùa đều không có. Xem hai việc đền Tản-Viên và đền Hưng-Đạo dưới này thì biết quỷ thần không ra ngoài chính lý. Núi Tản-Viên ở vào đất hai huyện Bất-Bạt, Minh-Nghĩa thuộc Sơn-Tây hình tròn như cây tán, cao ngút, trấn ngự một phương. Từ đỉnh đến chân núi đều có đền thờ. Đền ở đỉnh núi, ít người tới. Những khi kỳ đảo tế tự đều làm lễ ở đền chân núi. Các tỉnh ở Bắc-Kỳ gần núi đều thờ thần ấy. Tỉnh Ninh-Bình có một làng, lúc trước thờ Liễu-Thăng, trước đền có một cái hồ, không ai dám tới đó tắm giặt, nếu lẫm mà phạm đến thì bị bệnh chết. Có một người học trò đi qua nhân nóng nực xuống tắm ở đó. Đến khi về nhà trọ y bị chứng nóng rất nguy, chủ quán hỏi thì y đáp là có tắm ở hồ ấy.

Chủ quán nói :

- Thế thì thầy lẫm rồi, thật khó chữa.

Người ấy nói :

- Ông Liễu-Thăng nếu có thiêng há vì sự lẫm lạc mà làm chết người ư ? Nếu tôi có chết xin để bút giấy ở đầu giường để tôi kiện họ. Sau ba ngày mà không sống lại thì sẽ chôn.

Người học trò quả chết. Chủ quán làm y theo lời. Sau một đêm, người ấy sống lại thuật chuyện rằng :

- Đầu tiên tôi tới kêu ở đền Đỉnh-Tiên-Hoàng, thì thần truyền qua kêu ở đền thần Tản-Viên. Tôi đến nơi, nấp đơn vào, thấy thần sau này cho người đòi Liễu-Thăng đến, quở rằng : Tướng thua trận như anh được hưởng hương hỏa là

may, lại dám giết những người vô tội à ? Bèn sai truất miếu thờ mà tha cho tôi về.

Từ ấy đền Liễu-Thăng mất thiêng, rồi người ta cũng bỏ không thờ tự nữa.

Quân nhà Trần phá giặc Nguyên, bắt được bọn Ô-Mã-Nhi, trong đó có một tỳ tướng tên là Phạm-Nhan có yêu thuật, dao búa không thể làm chết được. Kịp khi thấy mặt Hưng-Đạo Đại-Vương mới chịu chết. Tục truyền quý Phạm-Nhan hay quấy hại đàn bà con gái. Nay đền Hưng-Đạo ở xã Vạn-An thuộc huyện Phượng-Nhãn (Bắc-Ninh) vốn là phủ đệ của ông, rất là linh dị, hễ đàn bà mắc bệnh tà đi qua đó thì tránh đi, chứ không dám lại gần. Có kẻ mắc bệnh tà đem đến ông xin chữa. Người bệnh đến nơi liền ngã xuống đất, một chốc sống lại mà bệnh thì lành.

Ở Hà-Nội có làng Kinh-Khê, khi trước thờ thần Tam-Lang. Triều Thiệu-Trị năm nhâm dần (1842) người làng ấy tới trình quan rằng thần làng ấy là một vị thần tà dâm, hay làm đàn bà con gái mắc quý thai, xin bỏ đi mà thờ một vị thần khác. Quan truyền cho thờ Đại Vương Hưng-Đạo...

Hơn một tháng người làng mới tới đến làm lễ, có một người ứng đồng lên nói :

- Bảo ta dâm quý là vô lý, đã lấy tội mà phế bỏ lại dám tới đây tranh với ta. Hôm nay có điều lạ bảo với người làng chớ có thốt.

Đêm ấy quả nghe ở ngoài đồng có tiếng kêu rằng :

- Hương hỏa trăm năm có tội gì mà đuổi.

Bỗng có trận gió lớn từ đền ra, cây cỏ đều ào ào, dần dần ra đến ngoài đồng, dường như cách xa đuôi. Tiếng ấy rồi cũng mất. Từ đó người làng mới yên.

Đền Lý Ông-Trọng ở xã Thụy-Hương thuộc Từ-Liêm Hà-Đông rất linh dị. Đòi nhà Lê có Nguyễn-Mại¹¹ làm Đốc trấn Sơn Tây. Trong làng ấy có một người mất trộm, khi tới đền cầu khẩn thì thấy những đồ vật của mình mất ở trong đền. Người ấy sợ hãi đem việc đó trình với ông. Người sau này bắt làm đơn rồi sai lính cầm trát về đòi thần tới xét hỏi. Lính đến nơi thì thấy kẻ trộm đã chấp tay phủ phục dưới đền. Dân xã lấy lọng và hương án rước lư hương tới công đường. Ông Mại cứ án cật hỏi, nói phô có điều bất tôn với thần, ai nấy phải lạy và khuyên giải mới thôi. Rồi đem tên trộm khép án. Về sau, ông Mại bị Trịnh-Cương giết, cháu là Cử, Tuyển bị diệt tộc, người ta cho là vì khinh dể thần thiêng nên bị báo thù.

Nguyễn-Mại lại có lần bổ Hiến-sát Nghệ-An. Mới đến, trước hết đi yết đền thần Tam-Tòa¹², sau mới yết đền Mai-Hắc-Đế. Tuần sau ứng đồng lên trách rằng :

- Yết thần Tam-Tòa trước ta, sao bản quan dám khinh ta thế ?

Ông trả lời :

- Vì Mại thấy trong sách cúng liệt thần Tam-Tòa ở trên ngài, chứ tôi đâu dám khinh. Vả lại ngài quật khởi xưng vua chưa được mấy lâu đã bị diệt, có oai linh gì đủ làm cho người ta sợ.

Thần nói :

- Bản quan không kính ta, ta làm chết cho coi !

- Nếu ngài đang sống mà làm tôi chết sợ cũng là phải, nay ngài chết rồi lại làm tôi chết nữa thì ngài trước tôi sau, có sợ gì.

Thần bèn lặng. Ông Mạ không tin quỷ thần, đại loại như thế.

Không nên siểm nịnh mà cũng không nên lờn dễ quỷ thần. Làng Thần-Dầu ở phía Bắc Hoàn-Sơn có đền thờ ông Bảng Nhãn họ Lê ¹³. Buổi quốc sơ có người xã Cao-Lao (Quảng-Bình) làm Tri bộ, có lần cưỡi ngựa đi qua trước đền.

Người tùy tòng ngăn lại :

- Nghe rằng đền nay rất thiêng, xin ông xuống ngựa.

Người kia đáp :

- Biết đâu ta lại không bằng ông Bảng ấy, xuống làm gì.

Bèn cứ đi qua, liền bị ngã ngựa, khi về tới nhà nằm ốm không dậy được, người ta kêu ông là Tri bộ Lăn vì tục gọi vấp ngã là « lăn ».

Ôi ! Những thần linh mà người thờ là danh sơn đại xuyên giúp lợi thi trạch cho người và các chư hầu, khanh sĩ vốn có công đức với dân. Thần vẫn không lấy sự người lờn dễ mình mà tác họa, chỉ vì những kẻ tiểu nhân không biết kiêng sợ làm trái lẽ đi, để mang nhục rồi bị người cười.

Đời truyền Tô-Hiến-Thành nhà Lý khi đang làm một chức quan nhỏ, ở trong một xóm, nóc nhà liền lu với nhau.

Một hôm, thấy người hàng xóm phía đông cách bờ giậu phơi áo, nhà phía tây lấy trộm đi. Tô trước vẫn tưởng là áo của nhà ấy, sau đó một chốc, nhà phía đông thấy mất áo ra kêu van chửi bới. Tô hiểu, nhưng chưa muốn nói ra vội. Rồi thấy người mất áo tới đền trong xóm để nộp với thần. Đền ấy vốn có tiếng linh ứng. Tô định bụng để xem thử ra làm sao. Được một tuần nhật¹⁴ không thấy có hiệu quả gì cả.

Ông bèn bảo người trong xóm hủy đền không tế tự nữa và nói :

- Gọi rằng thần, sở dĩ ngăn hoạn nạn cho dân, bây giờ nhà kia mất của kêu van với thần mà không được thì còn thờ làm gì.

Cả xóm còn ngờ, ông sai quăng lư hương mà khóa cửa đền lại, bảo nếu có lỗi gì thì một mình ông chịu trách nhiệm. Đêm đến, người vợ thấy thần báo mộng :

- Sao lại bỏ ta không thờ, ta sẽ làm chết đứa con nhỏ cho coi.

Người vợ tỉnh dậy nói với ông, ông không nghe. Năm ngày sau, đứa nhỏ quả chết. Tuy vợ khẩn cầu mà ông cũng không nghe.

Hôm khác, người con đầu ông lại chiêm bao thấy thần giận dữ nói rằng :

- Mau mau nói với cha mà thờ ta lại, không thì ta làm chết thêm đứa em thứ của mày.

Con trưởng tỉnh dậy, xin cha và người trong xóm cũng tới xin mãi mà ông nhất thiết không nghe. Được ba ngày

đưa con thứ lại chết.

Thần mới ngự đồng lên bảo Tô rằng :

- Nếu biết sớm mà thờ ta lại thì đâu đến nỗi thế.

Tô đáp :

- Chết sống có mệnh, kia như đứa có tội thần còn không bắt nó, huống chi làm tôi người thường ru. Chỉ quen dọa đàn bà vô tri chớ dọa ta sao được.

- Người chưa tin ta, không chịu trả sự thờ cúng cho ta chết rồi mới biết.

- Thờ cúng thì không thể được, còn muốn làm chết ta thì làm, nhưng hẹn kỳ cho biết.

- Năm ngày tự khắc biết.

Năm ngày qua mà không có việc gì cả, ông Tô bèn đốc xuất xóm ra triệt hạ đền. Thần lại ứng đồng ra từ tạ :

- Thần vốn không giết được ai, chỉ biết được mệnh người sống hay chết. Hôm trước hai đứa con của người là mệnh đã đến ngày chết, ta có được biết, nhân đó mà dối người vậy thôi ! Người thiệt là một kẻ chân chính ngày sau sẽ gánh được việc lớn. Nhưng người chưa nghĩ đến nơi, đại phạm việc gì cũng cốt ở kiên nhẫn. Đứa trộm áo người, cũng có biết, người còn... nín câu nói của mình thế sao lại không nên nín cái chết cho nó. Trộm một cái áo, người khép nó vào tội gì ? Mà đứa mất áo tới cầu ta xin bắt cho chết, người có nghe theo chẳng ? Nhưng đã lấy việc ấy trách ta thì ta sẽ bắt tên trộm áo phải đau chùng nhẹ vài ngày là đủ.

Ông Tô mới nói :

- Như lời ngài nói bây giờ rất có lý, sao chẳng thờ ngài, nhưng ngài dọa tôi thì không được.

Bèn thờ phụng lại như xưa.

Tên trộm cũng đau đầu vài ngày rồi khỏi. Ông Tô sau làm quan đến chức Thái úy là một bậc danh thần.

Vua Trần-Thái-Tông có lần cầu tự. Đạo sĩ đốt tấu xong, dậy nói rằng :

- Đã xin được với Thượng đế rồi, ngài sai đồng tử là Chiêu-văn giáng sinh.

Kịp khi sinh ra bên cánh tay Trần-Nhật-Duật có chữ « Chiêu Văn ». Nhân đó phong Nhật-Duật làm Chiêu-Văn-Vương, sau thành một danh tướng.

Vua Lê-Thái-Tổ có lần chiêm bao thấy đang tế ở dưới núi, trên núi có cắm cờ vàng. Hôm sau có Hoàng-Sát tới yết và người này sau thành danh tướng.

Bùi-Cầm-Hổ¹⁵ (bắt cọp). Đô ngự sử đời Lê khi sắp ra đời, người cha mộng thấy một con hổ gầm ở sân. Giật mình tỉnh dậy thì vừa bà vợ ở cũ, mới đặt cho tên ấy.

Làng Tĩnh-Thạch (đá làm tỉnh ngộ) thuộc huyện Thiên-Lộc¹⁶ Hà-Tĩnh thuở xưa là làng Đồng Tĩnh, có Hà-Công-Trinh khi hàn vi, có lần say rượu nằm ngủ trên hòn đá bên đường, mộng thấy có người tới khuyên rằng : « *Sao không về đi học bỏ uổng mất cái tài lỗi lạc* ». Ông ta tỉnh dậy, trở về theo đòi nghiên bút thi đậu đến tiến sĩ¹⁷ Sau khi quy hiển mới đổi tên làng.

Triều Lê-Hồng-Đức có Đỗ Nhân đi thi hương cùng với bạn đi thi trọ một quán, đêm đến nghe ngoài cửa có tiếng kêu « hử », ra xem thì không thấy gì cả, vào nói với bạn rằng : « *Bất tri kỷ mà hử* »¹⁸. Kịp khi vào thi, đầu đề bài phú là Ngư phủ nhập đào nguyên (bác chài vào cõi đào nguyên) vần thứ hai có câu : 宅浮水面方恣意其所為 ; 路失塵寰忽不知其何許. « *Trạch phù thủy diện, phương tứ ý kỳ sở vi ; Lộ thất trần hoàn, hốt bất tri kỷ hà hử* ». Nghĩa là : « *Nhà trên mặt nước muốn đi đâu thì đi ; đường quên cõi trần chẳng biết thế nào đây* ».

Quan trường chấm đến câu ấy cho rằng có thần giúp. Câu này cũng giống như câu của Tiền khi¹⁹ : 曲終人不見 ; 江上數峯青. « *Khúc chung nhân bất kiến ; Giang thượng số phong thanh* ». Nghĩa là : « *Khúc hát hết rồi người đâu chả thấy, chỉ thấy trên sông mấy ngọn núi xanh* ».²⁰

Giáp-Hải người xã Sính-Kế, huyện Phượng-Nhãn, lúc trẻ có lần chết đuối ở sông mà không biết là mình chết. Thấy dinh phủ quân quan không khác gì dương gian, hỏi người gác cửa rằng :

- Quan lớn ngồi trong đó là ngài nào ?

Đáp :

- Ông trạng họ Lương đó.

Giáp nói là học trò của ngài xin vào yết kiến. Người ấy đưa vào Lương trông thấy bảo rằng :

- Con tới đây làm gì, phải trở về.

Giáp lạy mà rằng :

- May gặp quan thầy ở chỗ này, xin ngài thu nạp dạy dỗ cho.

Lương đáp :

- Con không biết, đây là nơi thủy phủ không ở được. Ta lúc sinh tiền thường soạn khoa giáo cho nhà chiến, bị quỷ phải ở đây đến ba trăm năm mới hết hạn đày. Công danh con sau đây theo một lối khác, nên về mau mà học, đừng ở đây lâu.

Giáp lạy tạ, Lương sai người đưa về. Giáp lên khỏi mặt nước thì sống lại về nhà. Sau thi với nhà Mạc (1538) đậu Trạng nguyên, làm quan đến Thượng thư cho đến hưu trí.

Nguyễn-Văn-Giai người xã Thu-Hoạch ²¹ huyện Thiên-Lộc. Bà mẹ lúc có mang, một hôm đi gánh nước ban đêm, có ngôi sao sa vào ấm nước rồi sinh ra ông. Ông ăn khỏe gấp mười người thường. Có lần đi đường, nghỉ đêm ở đền thần núi Đồng-Cổ vừa gặp kỳ tế thần. Cả đêm người làng làm thịt trâu, xong đặt vào trước bàn thờ rồi để tâm vào việc hát xướng, đến sáng ngày sắp sửa tế thì thấy thịt đã bị ăn vào bậy bạ, họ lấy làm lạ, kịp khi thấy Nguyễn-Văn-Giai đang ngủ say trên chỗ thần tọa, họ toan trói lại thì thần ứng đồng lên nói rằng :

- Chúng mày chớ có lễ, người này là bạn của ta mới tới, ta lấy đồ lễ đó để thiết đãi ngài và những người đầy tớ.

Người làng khi ấy đối với ông hết sức kính trọng. Nguyễn sau đi thi đậu đầu Tiến-sĩ, làm quan đến Thượng thư kiêm nắm quyền cả 6 bộ, phong Lễ-Quân-Công.

Có một sứ Tàu sang ta thấy ông, rồi bảo :

- Ông này là tinh khí ngôi sao « Tất », ở nước nhỏ lấy gì ăn cho đủ.

Khi ông còn tại chức có lần Trịnh-Tùng bị bệnh chết đã một đêm rồi sống lại, thuật chuyện lại rằng :

- Ta thấy đi đến một chỗ cung điện rất nghiêm trang, chính giữa có một cái giường bỏ trống như để thờ Đế thần, phía đông phía tây đều có giường cả, giường phía tây cũng để trống « *chỉ có Nguyễn-Văn-Giai ngồi giường phía đông* ».

Người này dắt ta đi đến dưới thềm sẽ bảo :

- Tôi đã xin với (Thượng) đế rồi, giặc Mạc chưa trừ xong, hãy cho Tùng ở lại làm việc cho nước Nam.

Vì đó mới được trở về. ²²

Nay dân huyện Thiên-Lộc có thờ thần Hồng-Lĩnh đại tướng (?) là Nguyễn-Văn-Giai vậy. ²³

Ở duyên hải thường có thờ Tử-Dương-Hầu Thành-Quốc công. Đó là hai người đều làm tướng nhà Mạc mà đền thờ thì chung một chỗ. Xét ở sử truyện thì không thấy tên Thành-Quốc công. Có thuyết bảo là Nguyễn-như-Khuê. Còn Tử-Dương-Hầu họ Phạm tên Tử-Nghi quán làng Thiên-Lôi xã Vĩnh-Niệm, tổng An-Dương thuộc Hải-Dương. Người sau này vốn sức khỏe dân xứ đông bắc đều qui phục. Khi Mạc-Phúc-Hải chết, Phúc-Nguyên còn trẻ, Tử-Nghi muốn lập Hoảng-Vương là Mạc-Chính-Trung mà không được, bèn cùng Thành-Quốc-công làm loạn, bắt hiếp Chính-Trung đuổi Phúc-Nguyên. Bắt đầu mới lấy được thành Thăng-Long thì

đã bị Lê-Bá-Ly đánh đuổi, bèn đưa Chính-Trung ra giữ đất Ngự-Thiên tức là Hưng-Nhân ²⁴ bây giờ, nhưng lại bị thua với Mạc-Kinh Điển phải chạy ra chiếm cứ An-Quảng. Bấy giờ nhà Mạc phía nam đang chống cự với quân Thanh Hóa nên không có sức, Tử-Nghi bèn hùng cứ các hải đảo đánh cướp châu Khâm của Tàu, người nhà Minh đánh không nổi, đưa thư sang trách Phúc-Nguyên. Kinh-Diển mới cho người lừa Tử-Nghi rằng : Phúc-Nguyên đã chết, rước Chính Trung về thay, rồi thừa cơ giết được Tử-Nghi, đưa thủ cấp sang cho nhà Minh, đi đến đâu thì dịch tễ nổi lên, người và súc vật chết hết nhiều, người nhà Minh phải trả lại. Nay cửa biển Phú-Tài ²⁵ ở Bình-Định có đền thờ rất là linh nghiệm. Cửa biển ấy thường bị cát bồi cạn, khi nào có thuyền nhà nước ra vào thì quan địa phương phải tới đền cầu nguyện, cách một đêm thì khai thông, thuyền đi rồi lại cạn như cũ. Mới đây, bộ Lễ nghi định các thần đều bỏ tước hiệu công hầu, mới phong sắc là « *Tử Dương Thành Phủ Quân* ». Thì tựa hồ một người chứ không phân biệt.

Đời Lê, ở làng Đông-Ngạc ²⁶ có Đỗ-Thế-Giai lúc còn trẻ theo học với thầy trong làng. Một hôm rủ bạn học đi đánh bạc, khi qua đền thần ở xóm lân cận có vào cầu (cho được bạc). Nào ngờ bị thua trở về trách thần rằng :

- Đã cầu khẩn mà không giúp thì hưởng khói hương của người đời mà làm gì ?

Nói rồi lật úp lư hương xuống mà đi.

Về sau người và súc vật ở xóm ấy không yên. Thầy bói đoán là thổ thần xuất ngoại. Họ bèn mời đạo sĩ về phụ

thành hoàng.

Thần ứng đồng lên bảo :

- Ta bị ông Đổ-Thế-Giai đuổi đi, mà ông ấy thì học với thầy ở làng kia, nên vì ta tới xin với thầy ấy.

Họ theo lời. Thầy học hỏi thì Đổ kể hết đầu đuôi. Thầy lấy làm lạ nhưng cũng trách quở. Đổ nói :

- Đã thế thì cho về đền ?

Từ ấy trong xóm mới yên. Đổ sau làm đến chức Thư phủ, thế vị lừng lẫy.

Hiệp biện Đại học sĩ là Đặng-văn-Hòa ²⁷ có kể chuyện rằng :

Hồi ông làm Hiệp biện ở Thanh-Hóa, trong bộ phát sắc thần ra, có một làng thờ Liễu-Hạnh công chúa tới rước sắc, ông nhân bảo :

- Nghe tiếng bà linh ứng lắm, vậy có phép gì cho tôi thấy chẳng ?

Nói đoạn thì giữa sân bỗng chốc có chớp rạch, trời đang trưa, nắng to mà gió máy ùn nổi, một chốc rồi tan. Liễu-Hạnh công chúa là con gái họ Trần ở huyện Thiên-Bản ²⁸ thuộc Nam-định, mới về nhà chồng được vài năm thì chết, rồi giáng làm thần ở núi Tam-Điệp và núi Vân-Cát, có khi lại hiện ra người. Nay đền núi Sùng ở xã Cổ-Đam thuộc Thanh-Hóa là chỗ bà giáng làm thần ở đó.

Tỉnh Quảng-Ngãi có đền ở Thụ Phổ thờ Trấn Quận công nhà Lê là Bùi-Tá-Hán ²⁹ Lê-văn-Duyệt có lần tới đó bắt cọp,

vây ba mặt còn một mặt gần đèn để trống, nói rằng :

- Mặt ấy thì gửi cho thần.

Đến khi đuổi cọp thì thấy cọp nép ở cạnh đèn không động đậy gì cả. Lại xã Ngoại-Thiên-Lộc³⁰ thuộc huyện Thiên-Lộc có đền Ông-Sóc thờ vị thần là Ô-Trà-Sơn. Đền ấy không biết bắt đầu từ buổi nào, từ trước lại nay cũng chẳng có sự gì lạ. Gần đây hai năm dậu và tuất núi Hồng-Lĩnh có con cọp dữ. Huyện Thiên-Lộc và Thạch-Hà bị nó hại đến vài trăm người.

Một hôm giữa ban ngày cọp lội sông Nghèn qua phía nam, chưa được nửa sông thì dân bờ bên kia hò hét đuổi cọp, cọp phải trở lại, đến xã ấy (Ngoại-Thiên-Lộc) giết mất hai người đi đường, rồi vào trong làng. Người làng hoảng hốt không biết làm thế nào vội vàng chạy vào đền cầu khẩn hồi lâu mới ra, thì thấy cọp nép dưới gốc cây ở bên cửa đền mà đã chết rồi.

Dân xã Dương-Luật phủ Thạch-Hà (Hà-Tĩnh, thờ thần Chiêu-Trưng³¹ ở núi Nam-giới. Đầu mùa thu năm canh thìn (1820) người trong xã có kẻ chiêm bao thấy thần bảo dịch khí sắp nổi, răn người làng đi ra ngoài, tự giữ gìn với nhau, cũng đừng dung người ngoài đến ở. Đến cuối thu dịch nổi bốn bên mà làng ấy vô sự. Năm gần đây, trong làng ấy có con đồng xưng là bộ hạ thần Chiêu-Trưng đi chữa bệnh cho người ta, cũng có kẻ ngẫu nhiên mà lành nên được người ta tin theo. Người ấy về đến dưới đền, tự nhiên miệng mũi máu tươi vọt ra mà chết. Đền Chiêu-Trưng ở Triều khâu³² cũng rất thiêng. Miệt Vân-Tán có người nhà giàu vợ chết đã

chôn rồi. quý cứ hiện hình về giữa ban ngày đến cửa thì biến mất. Sau thường về quấy nhà ấy, cầu cúng mà không yên. Người chồng bèn trai giới đến đền mà làm lễ ba ngày mộng thấy thần hứa sẽ trừ đi cho. Mới mất.

Tiên Phạm-Viên là con Phạm-Chất ở huyện Đông-Thành (Nghệ-An) làm Thị lang đời Lê, sinh được vài năm mà không biết nói. Lên 8 tuổi đi chơi rong, người ta có khi gặp ở trên núi phía tây huyện, có khi gặp ở trong núi Hồng-Lĩnh. Khi Phạm Chất chết, có về chôn cất tế lễ đủ bốn phận làm con, xong rồi lại đi. Đoạn tang rồi thì đi biệt không biết nơi nào. Tương truyền Viên có làm bài phú Tịch cư ninh thể bằng quốc âm, câu nào câu nấy đều có khi cốt xuất trần ³³ Sau có Nguyễn-Quỳnh ³⁴ người làng Bột-Thượng phủ Hoảng-Hóa (Thanh-Hóa) tự phụ tài giỏi khinh dễ người đương thời.

Một hôm ở Thăng Long về đến chợ Mía ở ngoài trấn Thanh Hóa gặp một sĩ nhân cùng đi hỏi rằng :

- Ngài có phải là Nguyễn Quỳnh tiên sinh chăng ?

Quỳnh đáp :

- Phải !

Lại hỏi :

- Nghe tiếng ngài đã lâu, làm ơn cho tôi xin một bài thơ.

Quỳnh thấy nói đường đột lấy làm lạ mới hỏi :

- Con cũng có biết làm thơ à ?

- Tôi khi bé có học làm thơ, dẫu không hay nhưng thấy người đời làm ít có bài vừa ý, (bây giờ) muốn biết mực

thước của tay thợ cả.

Quỳnh giận và ngạo mạn mới rằng :

- Đã như thế thì ta cùng làm thi.
- Nhưng xin tiên sinh cho biết cách thức kỳ hạn.

Nhân trước mặt có cầu gỗ lim (từ chỗ đang đi đến cầu) không đầy mười dặm, Quỳnh hẹn :

- Vừa đi vừa làm đủ 100 vắn, ai nấy cũng phải lấy vật gì để nhớ số vắn, tới cầu thì phải xong.

- Nếu không xong thì thế nào ?
- Đạp ngã xuống bên cầu.

Kịp khi tới cầu, người kia làm đủ trăm vắn mà Quỳnh mới được có 60, chưa kịp tạ thì đối thủ đã đạp ngã lăn xuống bên cầu mà bảo :

- Từ nay chớ lừa người nhé !

Quỳnh mới biết là dị nhân, vội vàng chấp tay tạ rằng :

- Kẻ mắt thịt không biết thần tiên xin ngài chỉ giáo.

Người nọ nói :

- Ta không giấu với người, người có biết giữa trần có Phạm-Viên chăng ?

Quỳnh lạy xin đi theo. Người nọ lại bảo :

- Người tục duyên chưa hết không tiện đi, hãy về cố tu luyện, có ngày hội ngộ.

Quỳnh từ đấy đi chơi tùy thích, không màng đến danh lợi nữa.

Lại huyện Thanh-Chương (Nghệ-An) có Nguyễn-Trọng-Mỗ³⁵ và huyện Đông-Thành có Nguyễn-Hưng-Hàn hai người kết bạn, cùng nhau luyện khí, tịch cốc vào núi cầu đạo, gặp Phạm-Viên, người này bảo :

- Các anh không có tiên cốt. Anh Mỗ nên về học lối làm quan, còn anh Hàn thì kiếm một nghề nuôi miệng cũng đủ.

Sau ông mỗ thi đậu Tiến sĩ làm quan đến Thị lang bộ Lại mà Hàn thì giỏi phong thủy, song cũng ít lấy đất cho người, ưa đi vợ vẫn một mình như người điên. Trong huyện Đông-Thành có chợ Gò, (Khu thị) ở cạnh làn núi Di-Lặc, một hôm đang sớm, chợ mới có mười người. Hàn đã hơn 70 tuổi cầm gậy đuổi đánh người đi chợ và rằng :

- Chúng bay chạy mau không thì chết.

Người đi chợ chạy tan rồi lại họp. (Ông ta đuổi đi) như thế đã vài lần. (Cuối cùng) Ông bảo :

- Ta mệt quá ! Bay không đi đi, cái chết đã sắp đến rồi đó.

Người ta chẳng hiểu ý tứ thế nào lại đổ ông ta say rượu. Được một chốc chợ họp được vài mươi người thì hòn lèn rơi đè chết hết. Chợ ấy sau mới dời đi chỗ khác. Hàn ở trong làng, một hôm, làng tế thần ở đình, ông cũng đi dự hội rồi lên vào bàn thờ xách bài vị thần ra đi, đến khi người làng biết, đuổi theo được vài dặm gần kịp thì ông ta bảo rằng :

- Chúng bay sao không ngảnh lại ? Bây giờ đuổi đến chỗ nào rồi ?

Chưa dứt câu nói, họ đã nghe tiếng lao xao ở sau, ngảnh lại thấy đình đã cháy, chữa không nổi, lại cháy lan đến vài mươi nóc. Đình rồi cũng dời đi chỗ khác. Lại một ngày, Hàn đi làm địa lý, sai đầy tớ mang một quan tiền đi theo. Dọc đường có đứa ăn mày khúm núm van xin.

Ông ta giơ gậy bảo :

- Mày há miệng ra để tao đâm một cái, nếu chịu được thì tao cho quan tiền này.

Đứa ăn mày ngỡ nói chơi cũng há miệng, bị Hàn làm thiệt, đâm một cái chảy máu ra, nằm lăn rên rỉ.

Ông ta bảo :

- Nguyên tao làm chơi, không ngờ già yếu, tay không giữ nổi cái gậy, trúng phải mày đau. Nhưng mày dói đến thế được một quan tiền chẳng ăn thua gì. Chỗ mày ngã xuống đó có người đời xưa chôn vài chĩnh tiền ở dưới đất, mày đào lên mà lấy.

Đứa ăn mày theo lời đào lên, quả được.

Đời Lê, có Bùi-Sĩ-Tiêm, lúc bé mồ côi, nhà nghèo mà tính lại hào dật. Khoảng 17, 18 tuổi đi cày cho người chị, một hôm gà mới gáy đầu, ông vác cày ra đồng, thấy giữa đồng có gian nhà cỏ rộng rãi có mấy nữ kỹ đang hòa nhạc, người xem có đến vài trăm người. Trên giường có một cô gái dung sắc đoan lệ và áo quần rất đẹp. Bùi biết là quý, nhưng không sợ, đặt cày xuống lèn vào lên giường cùng ngồi xem nhạc. Cô gái vẫn ngồi đoan trang không nói. Một chốc mới bảo :

- Quý thầy sau có khoa hoạn đến đây làm gì.

Nói đoạn biến mất cả, chỉ còn một mình Bùi ngồi trên đất. Bèn trở về theo học, sau đậu Hoàng Giáp đầu bảng, làm quan đến Thị lang.³⁶

Đời Lê có Phạm-Đình-Trọng³⁷ làm Thượng thư ở trấn Nghệ-An, khi đi hành hạt, có bọn Tà hơn 100 người đến lay. Ông ta hỏi việc gì ?

Thưa rằng :

- Chúng tôi không có việc gì, chỉ thấy trạng mạo ngài giống như tượng thần Ngũ-Hồ³⁸, thiệt là dị nhân, nên tới bái yết ngài đó thôi.

Phạm có lần đau mụn ở vai hơn một năm không khỏi, trong bụng lấy làm nghi, vừa có người đi sứ Tàu, ông cạy vào xem tượng thần Ngũ-Hồ. Người ấy quả thấy chỗ vai tượng thần có tróc một miếng sơn bèn tu bổ lại, đến khi trở về thì mụn ông đã khỏi, khẩn ra ngày lành tức là ngày sửa tượng đã xong vậy. Phạm ở Dinh Cấn (Hà-Tĩnh) một đêm mộng thấy có người mời tới nhà uống rượu mà nhà ấy có người đàn bà góa gần 70 tuổi, nhà cũng tầm thường, khách khứa thì chỉ một mình ông, người đàn bà ân cần mời mọc rất cảm tình. Đến khi tỉnh dậy thì đồ ăn còn dính ở miệng, nhớ cả lối đi ngõ vào và trạng mạo người đàn bà nọ. Ông lấy làm lạ liền thay lột ra đi, hỏi những làng ở bốn bên dinh quả gặp được người đàn bà trong mộng. Hỏi thì nói rằng (bà ta được) một đứa con trai 13 tuổi thì chết, chính hôm qua là ngày giỗ của nó. Tính năm nó chết lại là năm Phạm sinh.

Ông bèn mời người đàn bà về nhà phụng dưỡng rất hậu. Vài ngày trước khi chết, Phạm đang ngồi giữa nhà, có con rắn bằng cánh tay đủ năm sắc bò lên giường kê trên đầu gối ông. Ông vẫn nói cười với khách như thường, một chốc rắn mới bò đi.

Đời Lê có Nguyễn-Huy-Oánh³⁹ đậu thám hoa làm quan Thị Lang. Người cha của ông đậu Hương cống ở làng Tràng-Lưu, tổng Lai-Thạch (Hà-Tĩnh). Xóm giềng có người thợ cưa cũng chung một ngõ. Một hôm người thợ ở xã Phù-Thạch⁴⁰ về làng, đến đám đồng đầu làng thì trời đã tối, thấy hai người học trò, một người độ 17, 18 ; một người độ 14, 15 cùng nhau vừa đi vừa nói chuyện, người thợ theo sau nghe nhiều chuyện không hiểu, chỉ nhớ được tên người lớn là Xưởng, bé là Vịnh.

Khi đã đến ngõ (nhà, người thợ) thấy người lớn bảo người bé rằng :

- Anh đây đã đến nhà anh ở, còn em ưa tiêu dao thì đi.

Đáp rằng :

- Hãy tạm biệt ít lâu, mười hai năm ta sẽ tái ngộ.

Nói xong đều không thấy đâu nữa.

Người thợ về tới nhà, vừa người vợ sinh được đứa con trai. Và rất mừng muốn đặt tên là Xưởng nhưng chưa quyết. Sớm mai tới nhà ông Hương cống toan nói chuyện thì vừa biết vợ ông Cống cũng đêm ấy sinh được đứa con trai. Người thợ ngạc nhiên, ban đầu còn nghi, một chốc gặp ông

Cống bèn xin ông đặt tên cho con và hỏi ông mới sinh con trai đã đặt tên chưa ? Ông Cống trả lời :

- Tôi chưa rảnh việc nhưng vừa mơ, nghĩ đặt cho nó tên Xưởng.

Người thợ thất sắc chào về. Xưởng là tiểu danh của Huy-Oánh.

Phạm-Vĩ-Khiêm ⁴¹ ở xã Đặng-Điền (Nghệ-An). Xã ấy có núi Lập-Thạch. Dân ở đó đến đêm thường nghe tiếng đọc sách. Kịp khi Phạm sinh ra, tiếng đọc bèn mất. Phạm từ bé thông minh hơn người, đời bấy giờ cho là thần đồng.

Đời Lê có Phan-Phái-Hầu Nguyễn-Phan ⁴² Nhà mẹ ở làng Bột-Thượng, thuộc Hoảng-Hòa. Thuở bé học với cậu, ông hay rong chơi thường bị cậu răn bẻ, bèn bỏ đi. Trong xóm có đền Chân-Vũ, Phạm tới, vào đền lấy mấy đồng tiền ở trong lụng ra chỉ vào vàng giấy ở trên hương án rồi đánh bạc với thần, hện rằng thần được thì thần lấy tiền, tôi được thì tôi lấy vàng giấy.

Ông ta đánh được, mới nói rằng :

- Hãy để đó vài ngày nữa tôi sẽ lại lấy.

Rồi đi.

Hôm sau tới thì vàng giấy ấy đã bị người thủ từ đốt mất rồi. Phan trách thần rằng :

- Ông đã thua tôi sao lại sai hện, tiêu mất bạc thua với tôi rồi ?

Liên cầm viên gạch đánh vào đầu gối tượng thần ít cái lại hện trong ba ngày phải đền đủ không thì lại đánh nữa. Rồi lại đi.

Đêm hôm ấy người thủ từ mộng thấy thần bảo :

- Ta bị đứa con trẻ làm rối mà nó cũng là quý nhân ta phải nhịn cho rồi. Mầy có đốt vàng giấy nhớ biện đủ số để nó khỏi quấy nữa.

Người ấy theo lời. Hôm sau Phan tới thấy có vàng giấy cười mà rằng :

- Đã chịu thua thì thôi, tôi cũng không dùng thứ ấy làm gì.

Sau ông làm quan có phép trị quý. Mỗi lần năm ngũ, có khi đến năm bảy ngày, trong nhà đóng cửa lại, giữa sân có trồng cây đa, người nhà rình nghe trên cây gió thổi thành tiếng tức là chừng ông giậy, mở cửa mới dám vào. Người ta có bệnh hoạn hay việc gì thì đem tiền giấy hương rượu tới cửa cầu khẩn rồi dò khi ông ra vào mà xin, ông gật đầu cho thì được việc, nếu không thì thôi, chứ không phải dùng bùa thuốc gì. Án-sát Khánh Hòa là Nguyễn-Hữu-Đô có kể chuyện một làng gần làng ông, đất làng ở bên sông thường bị lở, họ tới xin với ông Phan, ông ta cho một cái thẻ gỗ đem về cắm ở trên bờ, cát mới bồi lại không lở nữa.

Huyện Kỳ-Anh (Hà-Tĩnh) có Phạm-Hoành cũng thông thần, ông ta làm chức Thư vệ thờ Điện-Quân công đời Lê. Ai có tật bệnh tới xin với ông, ông hứa cho thì khỏi. Ông chết rồi người ta lập đền thờ nay ở làng Sơn-Triều. Miền đó khi có thủy hạn cầu đàn (ở đền ấy) nhiều phen ứng nghiệm.

Người miền Kỳ-Anh là Nguyễn-Quyên biết được việc kiếp trước. Ông tự kể chuyện kiếp trước là người Bắc-Ninh, khi bé khá thông dĩnh, 14 tuổi thì bị chứng nóng rồi hôn mê đi. Một đêm thấy ra cửa đi tựa như vô bệnh, được vài dặm thì tối đen như mực, gió lạnh thấu xương, mới biết là chết, trong chỗ tối đi được nửa giờ dần dần lại sáng như ban ngày, chỉ không thấy mặt trăng, mặt trời mà cỏ cây cũng khác với nhân gian. Thấy trước đường có một người ở cách bờ sông, có vài nóc nhà tranh cắm cờ như là đồn ải, bên cạnh có chợ họp chừng vài trăm người. Ông sức nhớ khi sinh tiền có nghe người kể chuyện luân hồi rằng người ta chết tất có người làm chủ bắt ăn « cháo mê hồn », cho nên đến khi sinh kiếp khác thì không biết việc trước nữa. Y giả đây là chỗ làm cháo mê hồn chẳng ? Thuở bé ông từng biết bơi nên mới đi lánh theo bờ sông, trông sang cờ đồn không thấy nữa mới lội sang bến đò rồi bị lính tuần bắt được giải vào trước ông quan âm. Nơi này giống như phủ nha trên dương gian nhưng binh vệ cũng thưa thớt.

Đến nơi không dám ngửa mặt lên nhìn, nghe người ngồi trên công đường quả rằng : « *Đứa gian dân này phải phạt làm súc vật* ». Rồi sai dắt đi.

Cái thân bấy giờ phải làm con nghé ở nơi dơ bẩn rất khổ. Khi mới mọc sừng thì hay báng người nên bị làm thịt. Lại đến chỗ cũ, quan âm lại quả :

- Nó còn gian xảo không chừa, cho tái sinh lại thế gian trả lại bản thân cho nó.

Rồi ngảnh bảo tả hữu soát cung lộc, cung thọ thế nào thì một viên lại thưa rằng :

- Đậu tiến sĩ làm quan Thừa chính, thọ 72 tuổi.

Quan âm truyền dắt đi, đến một nhà vào bậc thường, vợ chồng đàu độ 40 tuổi, sinh vài bận mà không nuôi được, người vợ chuyển sinh đã có vài ngày, vừa sinh con trai ông đầu thai vào, mừng mà cười lên.

Người vợ kinh hãi mà rằng :

- Quỷ quái gì còn lại đây quấy nhiễu.

Chồng đang bữa củi vôi chạy lại cầm dao chém đi. Lại bị dẫn đến chỗ trước. Quan âm quả rằng :

- Phải giữ thân làm trọng chứ, đã khinh xuất như vậy thì giảm quan lộc cho đậu tiến khoa và bớt tuổi đi một kỷ.

Rồi giục dắt đi mau không được trễ.

Tức thì thấy hai tên lính dắt đi, chui rừng vượt hiểm, đến thì thai vừa lọt lòng, hai tên lính nhét ông ta vào miệng đừa trẻ. Ông ngảnh lại thấy hai chân đi đường bị gai gổc đâm cho rách toạc. Một chốc thì thấy tai điếc mắt mờ, tay chân mềm nhũn, miệng cũng cứng đơ. Quyên 19 tuổi đậu Hương cống cuối đời Lê. Ông còn nhớ đợc cha mẹ, làng ở và thầy học ở kiếp trước. Khoảng năm Gia Long mới chết.

Khoa Nhâm thìn (1772) niên hiệu Cảnh-Hưng nhà Lê sắp sửa thì Hội, có Tham tụng Nguyễn-Nghiêm ⁴³ đàng đợc mệnh (vua cho) nghị, chiêm bao thấy có sứ giả mời đến một sở công chấm bài, đồng sự có hai ông quan. Viên lại trình lên hai quyển trong đều viết ba hàng chữ mực,

hàng thứ nhất chữ « phúc đức », hàng thứ hai chữ « phụ mẫu », hàng thứ ba chữ « bản thân ». Một quyển thì hai hàng « phúc đức » « phụ mẫu » để khuyên son mà hàng « bản thân » thì số toẹt cả. Còn quyển kia thì ba hàng đều điểm son cả. Hai ông quan kia đều nói : một khuyên với một số, khấu đi hai điểm, còn dư một khuyên nữa muốn đặt nó lên trên. Nguyễn nói :

- Triều đình lấy nhân tài, chính để ngày sau ra sắp đặt thi hành, quyển này bản thân đã bị số mà lại lấy, dùng cách gì cho điểm cho hợp, sao lại để lên trên.

Hai ông ngẫm nghĩ hồi lâu rồi nói :

- Ông nói cũng phải, song thiên tào có cho những nhà có phúc đức cha ông trước, phải lục đến con cháu họ, bắt đả dĩ cho nó xuống cuối cũng được. Khoa ấy Hồ-Sĩ Đông⁴⁴ đậu đầu mà Lưu-Tiếp⁴⁵ đậu cuối.

Sau hành trạng của hai người không giống nhau như trong mộng.

Bùi-Tồn-Trai⁴⁶ có kể ngày ông ta đi thi hội đến trường đệ tử có một người mặc đồ lính đi chung quanh chỗ ông làm bài từ sớm đến tối, đưa đồ ăn cho cũng không ăn, đến tối lại thu xếp giùm những đồ nghiên chiếu đưa ra khỏi cửa trường rồi mới đi. Hỏi họ tên chỗ ở thì không trả lời, chỉ nói rằng lính đội Trung-Hùng ở Nghệ-An.

Có Tú tài là Trương-Xuân-Dục kể chuyện ông ta có người bạn tên là Hồ quán ở Hưng-Nguyên (Nghệ-An) làm Tham luận. Đầu đời Nguyễn, Hồ theo làm bề tôi Đặng-Trần-

Thường bấy giờ người này làm Bình tào Thượng thư ở Bắc thành. Một đêm, Hồ mộng thấy đi giữa trời nắng, mệt quá vào nghỉ trong quán, chủ quán là một ông lão tóc râu lốm đốm, dựa ghế ngồi, sau vách có treo bức tranh con cọp trên bàn có trái dưa đỏ. Ông thấy ông lão không phải dạng nhà quê bèn mở ấm nước và nói đi đường khát nước vào xin uống.

Ông lão hỏi :

- Anh có phải đang cầu làm quan chăng ?

Đáp rằng phải. Mới mời ngồi gọi tiểu đồng cắt dưa mời ăn. Ông mới nuốt miếng dưa thì thấy đau bụng không chịu nổi, lăn lộn rên rì. Ông lão sai tiểu đồng lấy vài viên thuốc cho ăn liền mưa ra miếng dưa và lành. Nhân bảo :

- Trong bụng anh không chứa nổi một miếng dưa còn muốn cầu làm quan rư.

Hồ không bằng lòng về câu nói ấy, trả lời :

- Tôi quả là đứa bất tài, may cậy vào quan trường để mong được chút phẩm cấp đó thôi.

Ông lão nói :

- Quan trường của anh có phải Đặng Trần Thường không ? Người ấy cũng như bức tranh con hổ trên vách. Ta mới làm bài thơ đọc cho anh nghe nhé :

可憐孤鳳向南飛
纔到天中翅已離
三島石人眠未起
將軍猶在發聲期

*« Khả liên cô phụng hướng nam phi.
Tài đáo thiên trung kỳ dĩ ly.
Tam-Đảo thạch nhân miên vị khí
Tướng quân do tại phát thanh kỳ ».*

Nghĩa là : *« Khả thương chim phụng bồ côi bay vào Nam. Mới đến giữa trời thì cánh đã lìa. Người đá ở núi Tam-Đảo ngủ chưa dậy. Tướng quân còn đang thời kỳ nổi tiếng ».*

Hồ không giải ra được, xin chỉ bảo. Ông lão rằng :

- Người đá ấy rồi có quan hệ với họa phúc quan trường của anh.

Hồ cả sợ, xin chỉ chỗ người đá. Ông lão cũng vạch ra giữa đất mà bày cho. Đến khi tỉnh dậy, nhớ hết những điều trong mộng, nói lại với ông Thường ; người này sai ông ta đến núi Tam-Đảo theo như trong mộng tìm đào quả được người đá rồi đốt yểm đi. Sau không Thường bị họa.

Cha Phan-Khiêm-Hanh ⁴⁷ gặp việc gì cũng hay biết trước. Ông ấy bị bệnh được một ngày rồi bảo vợ con làm cơm rượu mời họ hàng làng xóm đến, ông ngồi giữa nhà bảo con cháu sắp hàng vào lạy. Bảo con rằng :

- Mầy phải chăm học chớ bỏ hư nghiệp nhà, nhưng có trọc đầu mới đậu được.

Sau Hanh sắp đến kỳ thi, bị đau nặng mới khỏi, người nhà phải cạo trọc cho. Khoa ấy ông đậu Tiến sĩ.

Ông nội tôi là Trãi-Hiên tiên sinh ⁴⁸ không ưa đạo Phật và thuật số, cuối đời Lê đậu Hương cống, thường làm thơ có

câu : 彭祖若生還一老, 孔明不死亦三分. « *Bành-Tổ* *nhược sinh hoàn nhất lão ; Khổng-Minh bất tử diệc tam phân* ». Nghĩa là : « *Bành Tổ nếu sống đến nay cũng làm một ông lão ; Khổng Minh không chết thì nước cũng chia ba* ».

Ấy là câu thơ thương đời vậy. Tiên-sinh không chịu luôn kẻ quyền quý, bị Đoàn Nam (Vương Trịnh Khải) bắt giam. Thơ gởi cho bạn thân có câu : 何當龍福改, 此是我歸期. « *Hà đương « Long Phúc » cải ; Thử thị ngã qui kỳ* ». Nghĩa là : « *Khi nào phúc lớn hay là làng Long Phúc đổi thay là kỳ tôi được về* ».

Người ta nghĩ là danh sĩ chưa nỡ hại. Đến khi họ Trịnh bị diệt, tiên sinh mới được về. Xã tôi xưa gọi là xã Long Phúc (Nguyễn-Huệ) có tên giả là Phúc, nhân đổi là Long Phú, nay mới đổi làm Phong-phú. Tiên sinh ở nhà, có một đêm người nhà nghe ngoài ngõ có tiếng xe ngựa ra thì không thấy gì cả. Lúc ấy tiên sinh ngủ mê chưa dậy, người nhà nghi và lạ, sớm mai hỏi thì đáp :

- Bạn của ta là Thái thú họ Hứa tới hỏi thăm ta đó.

Tả-Ao giỏi địa lý, đời truyền rằng : Lúc đầu người ta chưa tin. Ở Thanh-Hóa có làng kia có tiếng là làng văn học, một hôm đang họp làng, ông ta mặc áo rách mang đũa vào tự xưng là thầy địa có chôn được một huyệt khoa giáp, có ai dùng thì để cho. Người làng đều khinh, nhân nói :

- Chúng tôi không dám mong mỏi, chỉ có ông Cống Nguyễn-Điều đang muốn kiếm cát địa, thầy tới đó hỏi.

- Điền là một người thô lậu bị người làng khinh lại vừa hôm nay không có mặt ở đây, nên họ nói bỡn như thế.

Ông ta giả làm cách không biết, hỏi ngõ vào nhà ông Điều. Người ta cũng chỉ cho. Ông đi tới nơi hỏi :

- Đây có phải nhà ông Điều chẳng ?

Điều ra hỏi :

- Thầy hỏi tôi việc gì ?

Ông rằng :

- Tôi có được nghe các ông làng mách ông muốn tìm cát địa nên lại đây làm cho ông một huyết đất.

Ông kia cười mà rằng :

- Người làng lấy tôi mà đùa bỡn thầy đó thôi, chứ tôi được như thế này là đủ rồi có dám cần đến đất tốt đâu ?

- Ông nghĩ như vậy vẫn tốt song người làng ai cũng muốn cho ông được khá, và đất tốt cũng không phải tìm ở đâu xa, bần đạo xin vì ông đi xem mấy ngôi mộ tiền đại, có ngôi nào chưa hợp phép địa lý thì thay đi, phí tổn chẳng qua hết chừng 500 tiền mà tương lai sẽ phát phúc không mất lễ tạ gì nữa, ông sợ gì mà không làm.

Điều lấy làm lạ về câu nói ấy mới lưu thầy lại để đi xem mộ tổ, chỉ cải táng một ngôi. Xong ông ta đi có dặn riêng với Điều rằng :

- Đất này rồi có hiệu nghiệm ngay. Chờ xem khi nào trên mộ có máu chảy tức là kỳ phát phúc.

Ông này tuy không tin cho lắm nhưng cũng lạ về lời dặn của thầy nên sớm nào cũng đi thăm mộ. Một người trong làng nghe thủng câu chuyện ấy, đêm đến lấy huyết lợn rưới

lên mộ. Rạng ngày Điều tới thấy vẩy trong lòng nghi hoặc, trở về thì thầy địa đã tới nhà bèn mừng rỡ mời mọc nói chuyện ; khoa ấy quả Điều đỗ tiến sĩ.⁴⁹ Từ ấy ai cũng trọng Tả-Ao như thần mà ông ta cũng chẳng khinh thường để đất cho người ta. Nhưng đó là ông cũng dùng thuật để lừa người thôi. Khi tôi lên 16, 17 tuổi có một người ở lối xóm, nhà, cũng đủ ăn, vợ chết vào lúc cuối năm, chỗ chôn thì đầu mộ có thửa ruộng đã cấy lúa mà ruộng có nước chừng vài tấc ; sau khi táng rồi ba ngày, tôi với Hiệu sinh nhà Lê là Trần mỗ, và Tú tài (mỗ), cả đêm đều nằm nghỉ ở nhà ấy. Sáng dậy chủ nhà với con trai đi thăm mộ về nói ở đầu mộ đến giữa ruộng nước không đầy năm thước có ba hòn máu tròn lớn bằng cái bát, sắc máu tia tia. Ai cũng lấy làm lạ. Hai ngày sau tôi tình cờ đi ngang chỗ ấy, thấy máu đã tan lẫn với bùn hãy còn có vết đen. Tháng ba năm sau nhà ấy chết mất một đứa con, sáu bảy người trong nhà lần lượt đau ốm, nghiệp nhà sa sút, đến khi hết tang, mới cải táng đi chỗ khác. Việc ấy lại là một lý thế nào không thể hiểu được.

Vũ-khắc-Kiệm⁵⁰ lúc đầu du học Bắc Thành có thuê một cái nhà để trọ, nhà ấy thường có ma, bấy lâu vẫn đóng cửa, Kiệm không biết. Mới ở được vài ngày, ông ta đang ngồi một mình đọc sách bên đèn bỗng nghe có tiếng rên ở trên rường nhà, ngửa mặt lên nhìn thì thấy có một người bạn vũ phục ngồi ở trên giường tay cầm cây dao tự cắt bắp vế của mình máu chảy xuống đất.

Kiệm nói :

- Anh làm gì thế, có oan uổng điều gì thì nói, chứ ta đây những loài ma quỷ không thể dọa được.

Người nọ mới nháy xuống đặt cây dao tự kể rằng :

- Tôi là lính nhà Thanh theo Tổng đốc Tôn Sĩ-Nghị sang đây chết ở chỗ này, bị người ta làm nhà lên trên dày dậm luôn luôn, di hài không yên, không biết nói với ai nên phải thường làm sự quái gở. Bây giờ ngài đã biết nỗi oan uổng của tôi, nhờ ngài giúp cho tôi với.

Kiệm hỏi :

- Di hài ở đâu ? để ta nói với chủ nhà cất đi cho.

Con quỷ nọ chỉ chỗ mộ lạy tạ rồi biến mất. Ngày hôm sau Kiệm nói với chủ nhà, đào lên được một bộ xương và cây dao, liệm lại chôn đi chỗ khác, nhà ấy mới yên. Kiệm sau làm đến Tri huyện.

Đang buổi dịch tễ rất khốc hại, có khi một nhà chết đến vài người, ai cũng cho là truyền nhiễm song cũng do số mệnh cả. Hiệp Biện đại học sĩ họ Hà ⁵¹ ở bộ Hộ có kể chuyện rằng :

Năm canh thìn (1820 (?)) bệnh dịch cả phát, ông Hà đang ở Kinh, trọ ở nhà hàng Đông-Gia có ông Cống là một người cùng xóm, trọ ở Sử quán. Một hôm ông ta bị bệnh dịch mê man đi không biết gì nữa. Bỗng thấy mình đi ở phố chính đông ở trong thành, dọc đường gặp một bậc quý nhân có quân gia vài mươi người.

Thấy ông, người nọ bảo :

- Người này tương lai làm đến Đại học sĩ sao lại đi đây ?

Rồi bảo một người vừa gặp ở bên đường rằng :

- Đi bắt tên Mỗ người cùng xóm với người này, chớ chúng mày lằm rồi !

Ông Hà được trở về, mới tỉnh dậy thì đầy tớ nói rằng chết đã được nửa đêm rồi. Ông bệnh bớt dần rạng mai sai người đi hỏi thăm ông Cống mỗ thì người này chết lúc nửa đêm.

Năm Kỷ Sửu (1829) tôi và bạn là Trần⁵² đi thi Hội. Cùng đi còn có Cử nhân Nguyễn-Khắc-Khoan⁵³ ở xã Tĩnh-Thạch, Hồ-Vĩnh-Trinh⁵⁴ ở xã Chi-Châu và Phó-bảng Nguyễn-Hữu-Thường⁵⁵. Đến quán Thanh-Lương vừa trời tối chia nhau trọ ở các quán. Sáng mai dậy đi, thấy ông Trần kể chuyện khi đêm chiêm bao thấy ngồi giữa nhà, ngoài sân có ba con vịt có một người ở ngoài đi vào bắt một con đưa cho ông ta mà con vịt ấy thì què một chân. Ai cũng cho là điềm tốt.

Tôi cũng đoán : « vịt » (鴨) què một chân thì giống chữ « giáp » (甲), ba vịt tức là « tam giáp » Khoa ấy ông Trần quả đậu « đệ tam giáp ». Đến ngày vinh quy, tôi cùng ông Trần và ông Phó hiển sát họ Bùi⁵⁶ đi với nhau. Bấy giờ vào tháng bảy, dọc đường miệt Hoảng-Lễ gặp trận mưa dông. Gần đường có miếu thần, ba người ghé vào, tôi và người đầy tớ ông Bùi đều vào đó, chỉ có vài người đầy tớ của ông Trần chậm lại sau, không biết chủ mình ghé vào đây, cứ một mạch đi thẳng. Chúng tôi ở trong miếu trông ra thấy họ cởi cả khăn áo, chạy loăng quăng hình như đuổi cái gì, rồi lại cứ đi như trước. Chỗ ấy là đường núi, làng ruộng cày cấy

thì xa. Đến khi tạnh mưa, chúng tôi mới ra đi, đến quán Hỏa-Hiệu thấy họ đang nghỉ ở đó mà hành lý có ba con vịt. Tôi sức nhớ lại câu chuyện trước, nhân nói rằng : « Chắc có một con què ». Xem lại thì quả nhiên.

Năm quý tỵ triều minh-Mệnh (1833) tôi đang hiệu lực ⁵⁷ ở bộ, trợ tại quan Đông-Gia, một hôm mộng thấy mình ở trạm Biên-Long quan quân canh đóng rất nghiêm. Tuần vũ tỉnh Biên-Hòa là Vũ-Quỳnh ⁵⁸ và Án sát Lê-Văn-Lễ ⁵⁹ cũng tại đây cả.

Phía nam nhà trạm có chợ Gò (Khư thị) ông Vũ đang ngồi ở hàng cơm bên chợ, tôi tới hỏi thăm rồi cùng uống rượu, một chốc thấy có viên lại cầm phong bì giấy vàng tới, trong có bản sổ viết tính, ông ta cầm lấy sai viên lại mượn ấn quan Án rồi ngảnh lại hỏi tôi :

- Tôi để mất cái ấn quân phòng đã có tau trong sổ này để chịu tội, nay mượn cái ấn quan Án để đóng, có hợp phép chăng ?

Tôi đáp :

- Gần đây hể quan viên chưa cấp ấn có thể mượn ấn của quan đồng liêu để áp vào giấy má, bên cạnh phải kể rõ việc ấy.

Ông nói :

- Phải, tôi cũng có kể rõ sau tập.

Nhân cầm bản sổ đưa cho xem, tôi thấy trong sổ chữ viết đầy đến vài tờ mà không nhớ nói việc gì. Xem xong,

vừa viên lại đưa ấn đến, ông Vũ tự áp lấy rồi giao phong số cho viên nợ và dặn rằng :

- Đưa cho quan Án nhờ ngài phát đệ cho ta.

Một chốc nghe tin ông Vũ bị giáng nhị cấp lưu⁶⁰. Đến khi tỉnh dậy không đoán ra thế nào. Hạ tuần tháng 5 năm ấy, bắt đầu nghe nghịch Khôi (Lê-Văn-Khôi) làm ngụy, tôi phải đi tòng quân, mồng 4 tháng 6 lên đường khoảng giữa Khánh-Hòa và Bình-Thuận. Nghe tin Biên-Hòa đã thất thủ các quan tỉnh phải lui về giữ Hưng-Phúc (nay là Biên-Long). Được vài ngày nghe tin ông Tuần Vũ đã lấy lại được Biên Hòa mà ông Lê-Văn-Lễ hãỵ còn ở Hưng Phúc. Ngày 27 tôi tới trạm Thuận-Biên, ông Lễ cũng vừa bỏ Hưng-Phúc chạy đến đó. Ngày 28, quan quân phá giặc ở Biên-Long nhân lưu lại đó để chỉnh đốn công việc. Tôi cũng ở trong trạm. Ông Vũ đang đóng ở Biên-Hòa, tin tức quân lính qua lại chưa thông. Ngày 30, mới nghe Biên-Hòa lại bị thất thủ. Mồng 1 tháng 7, ông Vũ trở về đến đây (Biên-Long) quả nhiên ngồi trong hàng cơm bên chợ, hôm sau tôi tới hỏi thăm, hết thảy theo như mộng thấy lúc trước. Mà ông Vũ cũng bị giáng nhị cấp lưu.

Khoa canh tý (1840) triều Minh-Mệnh, tôi làm Giám khảo⁶¹ trường Hà-Nội, Phó Đô-ngự-sứ là Nguyễn-Công-Trứ thì làm Điển thí.⁶²

Đến trường nhằm ngày nhập trường, ông ta bảo tôi rằng :

- Đêm trước tôi nghe trong vi có tiếng ngậm vịnh không biết là thế nào.

Khoa này trường Hà được 14 Cử nhân. Đến khoa thi Hội năm tân sửu (1841) triều Thiệu-Trị có các ông : Bùi Tuấn (giải nguyên trường Hà khoa canh tý)⁶³, Trần-Vỹ⁶⁴ Ngô-Điền⁶⁵ và Vũ-Văn-Lý⁶⁶ đều đậu.

Đến khoa thi Hội năm nhâm dần (1842), các ông Hoàng-Đình-Tá⁶⁷, Phan-Đình-Dương⁶⁸ lại đậu.

Trong số 14 người (đậu Cử nhân) mà có đến 6 người đậu Tiến sĩ. Các trường thi hương hồi gần đây ít được như thế.

Khoa nhâm dần triều Triệu-Trị, tôi đi Điền thí trường (thi Hương) Hà-Nội, kỳ hạn của trường ngặt quá, chằm quyển cả đêm ngày không được nghỉ. Có một hôm, kỳ trường ba, chằm quyển đã được hơn một nửa, tôi bị nhức đầu và mắt, lui vào phòng công để nghỉ, lưu Phó khảo họ Vương⁶⁹ lại thí viện, mờ sáng tôi tới thí viện thì rèm chưa mở.

Wương đang ngủ say, nghe tôi đến vội dậy bận áo, chưa kịp nói chuyện, ông ta đã ngảnh lại hỏi người Thể sát đứng bên cạnh rằng :

- Con chim quốc tử quy ấy đã thả ra chưa ?

Người ấy chưa kịp trả lời, tôi thấy ông ta nói thế, nhân hỏi ngang :

- Chim quốc ở đâu mà được ?

Ông ta nói :

- Ban đêm nó chạy vô trong viện bị chúng bắt được, tôi không nỡ giết nên bảo thả ra.

Tôi cười rằng :

- Không của ông cũng được như tử sản ⁷⁰ đó ! Đã có lòng nhân từ, sao không tự mình thả lấy, lại để cho chúng làm thịt, còn hỏi làm gì ?

Người Thế sát khi ấy cũng mỉm cười tạ rằng :

- Tên lính không biết, nó đã làm thịt mất rồi.

Nét mặt ông Vương khí giận. Tôi nhân nói bõn để giải hòa rằng :

- Ban đêm trong viện đèn đuốc sáng choang, lính và lại đông đúc, chim quốc vô cố vào càn, vậy là nó tự làm nó chết.

Hay là ông Nguyễn Đình-Vũ có con em đi thi, đã bị trường ta sổ toẹt rồi chẳng ? Nguyên ông Nguyễn là người Hà-Nội, trước làm Án-sát Thái-Nguyên, mình hơi gầy, người ta gọi ông là « Đỗ-Vũ » ⁷¹. Lúc chấm quyển trường ba xong rồi, khoa này trường Hà-Nội gạch cử nhân 23 người lật lấy chỉ được 18 quyển đến khi phê trên dưới, tôi phê đến quyển thứ 17, còn một quyển nữa chưa hạ bút, tình cờ mắc ngành đi việc khác, ông Phó khảo cầm lấy dở ra xem, tôi ngành lại hỏi thế nào ? ông ta không nói gì, chỉ lấy mặt quyển mà bày lên trước án tôi ngồi. Nhân đó tôi dở ra xem lại, trong bài có vài câu rất không vừa ý, mới phê xuống đầu hạng Tú tài, khi đã dán phách tên họ quyển này vào thì ra quyển của Đỗ-Độ vậy. ⁷²

Khoa bính ngọ triều Triệu-Trị (1846) tôi lại đi Điền thí trường Hà. Một hôm Giám sát là Nguyễn-Kim-Thuận nói với tôi đêm trước ông ta mộng thấy một vị quý nhân với lính hầu chừng vài mươi tên tới thi viện, tôi (Trương-quốc-Dụng) mời ngồi, lính hầu nghiêm túc. Ông Thuận có nhìn trộm người ấy thì bình nhật chưa từng quen biết. Ông có hỏi riêng người lính hầu thì bảo là Tích-Quang. Ông Thuận cũng không biết Tích-quang là người nào. Xét sử thì đời nhà Đông-Hán có Tích-quang làm Thứ sử Giao-Chỉ đem lễ nghĩa ra dạy dân. Từ Hán đến nay có hơi vài ngàn năm. Ý giả ông ta thuở xưa làm quan ở đây, có công dạy dân, nên khí thiêng hãy còn ở trong hơi tiếng chẳng ?

Tỉnh Gia-Định có Tổng đốc là Nguyễn-Đức-Hoạt ⁷³ và Bõ-Chánh Nguyễn-cư-Sĩ ⁷⁴, chỉ trong một tháng lần lượt bị bệnh chết. Mới đây có Phó Lãnh binh Đoan-Quang-Mật tới chơi, tôi hỏi về bệnh tình của Tổng đốc Nguyễn thì ông ta kể rằng :

Việc ấy cũng chẳng biết là thế nào ? Nguyên quan Tổng đốc, một hôm đi hành hạt, khi về, cưỡi voi qua trước mộ ông Lê-Văn-Duyệt có một viên hiệu bầm rằng :

- Trước các quan sĩ đi tới đây cũng phải xuống ngựa, xếp cờ im trống.

Ông đáp :

- Ta từ khi làm Tổng đốc thì cưỡi voi và cờ trống là sự thường.

Rồi dục cứ đi. Đến khi về dinh, đêm ấy cảm bệnh, hoảng hốt không thường, cách hai hôm sau, lính nha dậy sớm thấy trong dinh có cây mộc côn cắm ở giữa sân không biết từ đâu lại.

Có người tới thưa với ông Nguyễn-Cư-Sĩ, ông Nguyễn nói :

- Nó là một kẻ có tội, làm gì được người ta nên bệnh ?

Rồi ông này cũng đổ bệnh như quan Tổng-đốc. Lại có viên ngoại lang bộ Binh là Vũ-văn-Trung kể chuyện : Có làng Thạch-Bi mua cái nhà cũ của ông Lê-văn-Duyệt, đưa về làm miếu thần, làm xong, ngày yên vị, thần ứng đồng lên rằng :

- Miếu này là nhà của bậc quý nhân trước, ta không ở được gian giữa, nhưng đã làm xong thì thờ ta ở gian phía tây cũng được.

Những câu chuyện ấy sai ngoa không đủ tin, song Lê-văn-Duyệt mới đây đã được ân xá và lục dung đến con cái, hoặc giả ở trong u minh có khí thiêng hiện ra, cũng chưa biết được. Sách Phong tục Thông ⁷⁵ có nói :

- Thấy quái mà không lấy làm quái, thì quái tự mất.

Đầu đời Gia-Long có Trấn thủ Hải-Dương là Nguyễn-Văn-Án ⁷⁶ phá tháp ở Đồ-Sơn để lấy gạch đá làm dinh (tự nhiên) có một vật hình như tấm lụa trắng từ trong tháp bay ra. Được hơn một tháng, Nguyễn cảm bệnh, trong dinh thường hiện quái, có khi ban đêm ở trên nóc nhà thấy phảng phất có ánh sáng. Bọn liêu tá cũng sợ, muốn cầu

đào, có người đem việc đó nói với ông, ông không nghe. Một đêm, ông đang đắp chăn nằm nghe đàng góc nhà có tiếng dế dần dần đi tới giường, ông lặng rinh thì bỗng chốc có một vật hình như người đè trên mình ông, vội cuốn chăn bọc lấy được, vật ấy dần dần rút lại bằng cánh tay, ông đánh chết ngay, dỡ ra xem thì là một con chuột bạch, lấy lửa đốt đi, quái mới tuyệt. Bệnh rồi cũng khỏi.

Đầu đời Minh-Mệnh, tỉnh Hanoi có Cử nhân là Trương Mạn⁷⁷ đi thi Hội qua huyện Quỳnh-Lưu Nghệ An thấy giữa đường có sáu bảy bô lão cầm hương sáp lại đón rước. Ông ta lấy làm lạ, hỏi việc gì thì họ đáp rằng : Làng chúng tôi cách đây có hơn 10 dặm, đêm qua có vài người trưởng lão trong làng cùng mộng thấy : người làng đang hội họp, cả kẻ chết lẫn người sống. Họ rủ nhau đi rước thần Thành hoàng, hỏi thần ở đâu tới thì họ đáp là : sớm mai có ông Cử Trương Mạn đi thi Hội có qua đây ; ấy là vị thần Thành Hoàng của làng ta, và kể cả hình dáng dáng nên chúng tôi tới đây đón rước ngài. Nhân mời về làng. Ông không nghe. Họ bèn làm xôi gà mời ông rất thành kính. Ông chối không được phải thọ hưởng mà đi. Việc ấy cũng chẳng biết được cố gì.

CHƯƠNG II : TẠP SỰ

Con Trịnh-Kiểm là Cối chính thị trưởng nam, đã nắm binh quyền của cha, sau bị em là Tùng cướp lấy. Đó là cũng có ý trời vì mẹ Tùng là con gái của Triệu-Tổ-Tĩnh Hoàng đế (Nguyễn-Kim). Buổi Thái-Tổ Gia-Dụ Hoàng đế (Nguyễn-Hoàng) khai cơ ở Thuận-Hóa, Tùng tuy có lòng ghen ghét mà còn có ý sợ, kịp khi vương nghiệp đã định, họ Trịnh không thể thả mưu kế gì được nữa :

- Cái gì ra tự mây sẽ trở lại với mây. Nhà Trần nhờ đàn bà mà được thiên hạ sau cũng vì đàn bà mà mất thiên hạ.

Vua Lê-Thái-Tổ lúc đầu mượn danh hiệu Trần-Cao, đến buổi nhà Lê trung suy, giặc cỏ tên là Trần-Cao gây mối họa.

Người đời Nguyên có câu :

- Được thiên hạ ở đứa con trẻ, đến khi mất cũng ở đứa con trẻ, còn phàn nàn gì.

Tuy là lời nói chơi, nhưng tóm lại thì đạo trời vay trả có như thế. Nước Nam ta từ khi có vua chúa đến nay chỉ có Bản triều (Nguyễn) được nước là rất chính đáng. Đang hồi nhà Lê trung suy, Triệu-Tổ rước vua Trang-Tông về làm vua. Đến khi đức Thái-Tổ Gia-Dụ dựng nước ở Thuận-Hóa, dành công chúa nhân được hai trăm năm, họ Trịnh tuy liếm mép ở cái vạc Lê mà không dám động. Nếu không thế thì tôi Lê mà đời không đợi đến anh em Nguyễn-Huệ. Kịp khi họ Lê đã bị Tây-Sơn diệt, Thế-Tổ-Cao-Hoàng đế (Gia-Long) bèn dẹp loạn lấy lại chính thống, trời cho, người theo, chẳng những

nước Nam ta từ Lê về trước không được như vậy mà nước Tàu từ Hán về sau cũng không ai kịp.

Đứa tiểu nhân không biết mệnh trời nên nó không sợ. Trịnh-Sâm giết Thái tử nhà Lê là Duy-Vỹ, bấy giờ giữa ban ngày mà tối đen. Gương trời không xa như thế, loạn thần tặc tử sao chẳng sợ thay ! (Người ta nói rằng con Sâm là Cán, trạng mạo giống Duy-Vỹ).

Ngược chính của Tây-Sơn bị Quốc triều ta khu trừ đi được, nhưng nó sở dĩ bùng cái độc ra là vì Nguyễn-Chỉnh bày đường. Anh em Nhạc Huệ tuy kiệt liệt, nhưng chưa biết hư thực phía bắc thế nào cả. Chỉnh tự nghĩ tài của mình không được thi thố ở cố quốc nên bỏ vào theo Tây-Sơn khuyên đánh Trịnh.

Họ bảo Chỉnh :

- Nhân tài của đại quốc có nhiều người, dễ khinh động đâu được.

Chỉnh đáp :

- Phía Bắc chỉ có một mình Chỉnh tôi thì đã tới đây rồi, ngoài ra đều không đủ sợ.

Họ rằng :

- Không sợ ai cả, chỉ sợ ông, thì sao ?

Chỉnh nghe nói thì thất sắc nhưng sau cũng vì họ đem sức ra trừ nhà Trịnh. Chỉnh đã không biết chọn chỗ đậu, chịu dưới cánh họ ôm ấp, sau tuy gia tiếng phù Lê để tự lập, làm cừ địch với họ mà có thể được ru. Mới biết cuộc đời khi sắp trị thì trời sinh ra vua thánh tôi hiền để mở vận thái cho

thiên hạ ; khi sắp loạn thì lại sinh bọn hung tợn giảo hoạt để un khói biển trong nước. Dầu là việc người mà cũng là khí hóa của trời nữa.

Huệ ra đánh bắc, giả xưng quốc tính (Nguyễn) mượn tiếng phù Lê. Bấy giờ người ta đang chán họ Trịnh tiếm bức. Khi tờ biên thư ⁷⁸ đến dân Nghệ-An ngày đêm trông mong rằng : « Chúa cũ của ta đã tới ». Quân lính của họ cũng nghiêm chỉnh, của dân tở hào không phạm, ai cũng tin theo.

(Chúa Trịnh) phát binh chống cự thì dân nói :

- Sao mà chống với chúa cũ ta.

Rồi họ trì hồi không đi.

Đến khi mộ lính, ai không về phe đảng họ Trịnh thì không đi, nên Huệ, Chinh đánh một tiếng trống như vào chỗ không người. Đến khi Nhạc ra, quốc dân mới biết họ lừa dối. « *Trong nước có đánh nhau rồi sau người ngoài mới đánh* ». Chính là thế đó.

Huệ xin được vào triều cống ở Tàu rồi, bèn sai Chấn ⁷⁹ thay mặt cho mình, đó là do Phúc-Khang-An bày đường. Khi đã đến Yên-Kinh vào yết vua, vua cho một bài thơ để tỏ lòng yêu. Khi Huệ chết, vua Thanh sai sứ sang điếu tế, con Huệ là Trát ⁸⁰ lại sai đầy tớ giả làm tang chủ đem sứ giả đến trước mộ một cung phi họ Trịnh tuyên đọc và tế. Những việc làm cũng khá buồn cười, nhưng xem như Đại thần nhà Thanh đã nói : biết dối mà cũng để chịu. Thì không những một anh Phúc-Khang-An bày ra.

Huệ giết Vũ-văn-Nhâm. Nhâm tự nói vô tội. Huệ bảo :

- Không cần tội trạng, chỉ vì tài mảy hơn ta, không thể cho sống được.

Nhâm bèn than rằng :

- Ta diệt nước người, phá nhà người, chết có thừa tội, dám oán gì nữa.

Xưa Ngụy-Hác-Chiêu bảo con rằng :

- Ta từng làm tướng mới biết tướng không nên làm. Ta mấy lần bối mả người để lấy gỗ làm quân khí. Sau khi ta chết, nên táng lạo thảo cho mau tiêu, chớ dùng quan quách.

Đại loại cũng như việc trên. Nhưng mà Tào Tháo làm 70 cái mỗ mả mà thầy của... sau cùng bị người ta phá tan, có trốn đâu được !

Lê-Chất nhậm chức tổng trấn Bắc thành tới từ biệt Lê-văn-Duyệt và rằng :

- Bộ hạ ngài có ai hiểu việc, cho tôi xin một người.

Duyệt sai Bạch-Xuân-Nguyên đi và nói với Chất rằng :

- Nó là người rất biết việc, nhưng sai bảo được thì dùng không được thì giết đi, chớ tiếc.

Như Bạch-Xuân-Nguyên khi ở Phiên-An (Gia-định) bọn giặc Khôi vốn làm tôi tớ Lê-văn-Duyệt, Bạch xử với họ nóng nảy quá mới chọc lòng giận của họ ra, không những thân của Bạch bị chết mà còn làm phiền binh lực của triều đình

đến mấy năm mới yên. Cho nên có câu : « *Loạn là do lời nói gây nên* ».

Trước vài ngày, Khôi làm loạn có Cai đội Đỗ-văn-Thanh biết chuyện bèn trình với Tổng đốc Nguyễn-văn-Quế. Quế nói lại với bố chánh Bạch-xuân-Nguyên. Bạch rằng :

- Chẳng qua loài chuột nói phét thôi, chớ làm gì được.

Đã không để ý phòng bị, lại nói với người ta rằng :

- Đỗ-văn-Thanh nói Khôi muốn giết ta, hãy để mặc nó, xem có làm gì được ta.

Đến khi giặc đã vào thành tìm bắt Đỗ-văn-Thanh giết trước.

Năm Quý tị triều Minh-Mệnh (1833) trung tuần tháng năm trong thành tỉnh Định-Tường ⁸¹ một đêm trông thấy ở phía đông bắc tự nhiên trên trời sút ra một lỗ, trong có ánh sáng như lửa bốc lên, một chốc rồi mất. Đến ngày 18, tỉnh Phiên-An xảy ra loạn Lê-văn-Khôi.

Tháng 10 năm quý tị, tôi đang tại quân thứ tỉnh Gia-định mỗi đêm vào khoảng giữa canh hai và canh ba nghe bốn tiếng đại bác, đến canh tư mới thôi. Thường trong quân đội ban đêm không bắn đại bác bao giờ, nên lấy làm nghi. Như vậy đã đến bốn năm đêm. Sau cùng cho là đại bác của quân đội bắn để thị uy không để ý nữa. Một hôm tôi từ Saigon đi đêm về qua góc tây nam ngoài thành, là chỗ quân tấn của Thái-Công-Triều ⁸², đóng, ông mời tôi vào nghỉ tạm, đang ngồi nói chuyện nghe tiếng điều thương hơn 100 phát bắn đều một loạt.

Tôi nhân hỏi :

- Đêm khuya có việc gì mà trong quân cũng bắn như thế ?

Thái đáp :

- Đó là ma ở ngoài đồng tập trận, bốn năm đêm nay, cả đại bác và tập hỏa trận nữa nay đến kỳ của nó.

Đồng ấy là nơi đồn quân của Thái, tôi với các người khác ra xem quả thấy lửa sáng ở trên đồng. Có lẽ là chỗ chiến trường xưa vậy.

Truyền (Luận Ngữ) có câu :

- Làm việc mà sợ, hay nghe người ta bày mưu mà thành.

Ở sách Nam Sử, Trầm-Khánh-Chi có nói :

- Nghề cày nên hỏi đứa ở trai, nghề dệt nên hỏi đứa ở gái.

Bình-Thành-Bá ⁸³ với Tân-Long-Hầu ⁸⁴ đem binh đi hạn ngữ giặc Tiêm. Bấy giờ ý kiến các tướng không đồng, chia quân ra thì không đầy ngàn người. Bình-Thành-Bá bèn mời Thái-Công-Triều tới hỏi kế.

Thái nói :

- Quân giặc tới đây gấp, quân cứu viện của ta đang còn hoãn, không đầy vài ba ngày đây những tỉnh Nam-Vang, Hà-Tiên, Châu-Đốc phải thất thủ, như vậy tiến quân lên cũng không kịp nữa. Nay phải đi, gấp giữ lấy Thuận-Cảng cho mau, giặc dần đông cũng không dám thẳng tới Tiền-

Giang ⁸⁵, phải theo Hậu-Giang ⁸⁶ do Thuận-Cảng ⁸⁷ mà lại. Ta chiếm trước chỗ hiểm ấy thì nó không thể tung hoành được, cũng là một chức kỳ để thắng trận. Nếu không thì hãy đợi đại binh, hợp lại mà đánh mới được vạn toàn, nếu để họ vượt Thuận-Cảng mà qua chiến sà của mình thì dân Vĩnh-Long, Định-Tường chưa quen đánh trận, lòng người dao động khó thể cậy nhờ.

Ngày 28 tháng 11, hai ông Tham tán phát quân đi, qua Định-Tường đã nghe Nam-Vang, Hà-Tiên kế tiếp thất thủ. Nguyễn-Xuân muốn đợi mộ lính Vĩnh-Long thêm vào, nhưng Bình-Thành-Bá không nghe, dục đi gấp đến Tân-Thành ⁸⁸, nghe Châu-Đốc cũng thất thủ. Bọn ông Đặng-Văn-Minh ⁸⁹ chạy đến quân thứ, Bình-Thành-Bá cấm không được nói sự trạng của giặc cho nên quân ta đều không biết giặc khó hay dễ. Sớm mồng bốn tháng chạp đi đến tấn Chưởng-Lễ, sai người dò thám cửa Thuận-Cảng thì hai bên bờ đều là lũy không, mới biết ban đêm giặc tới đắp lũy đến gần sáng lại về. Bèn tiến quân lên. Khoảng giờ thân giờ vị đến cửa (Thuận-Cảng), thuyền giặc đã chặn trong cửa, quân ta với họ tranh nhau lấy thượng lưu. Thuận-Cảng là đường sông nhánh Tiền-Giang chảy vào Hậu-Giang, chính giữa ngã sông, cát bồi cạn, thuyền không tới được, quan quân theo bờ phía bắc, thuyền giặc theo bờ phía nam cùng đi ngược lên, quân ta đã hẹn, nghe hiệu trống mới được giáp trận. Vừa gặp gió đông thổi mạnh quân ta có chiếc thuyền đi biển, bị tạt vào bãi cát, chống cạy không ra, giặc đưa thuyền con xúm lại toan cướp, người trong thuyền gấp quá không đợi hiệu trống liền mở đại bác bắn trúng tướng Tiền

phong là Liêm-Cầm-Hen. Giặc có ý nùng, quân ta thừa thế mới thẳng được, giặc phải lui vào trong cửa. Đêm đến khoảng canh tư, ta ngấm đem quân đánh úp, đạn bắn vào dinh, giặc mới biết. Trận ấy cả phá được, bắt đầu nhưc tiếng. Cho nên trận sau kỳ tháng chạp, quân ta tuy thua vỡ mà giặc cũng không dám tiến vội.

Tháng chạp, Vĩnh-Thuận-Hầu Tống-Phúc-Lương ⁹⁰ đã đến, lại cùng với giặc đánh nhau ở Thuận-Cảng, quan Tả tướng hẹn đến canh ba bày trận hết thảy, đến nửa canh tư nghe hiệu thì tiến lên. Gần sáng chưa nghe hiệu, quan quân bày trận ở phía đông, giặc bày phía tây, bỗng chốc có sao sa hiện ra ở phía giặc, to bằng nón dẫu, sắc đỏ chói, bay qua phía quân ta rồi mất. Rạng ngày các tướng giáp chiến đến trưa thì quân ta tan vỡ. Hôm ấy sắc mặt trời có ánh tía, buổi chiều đến sông Cổ-Hộ, ông Tống đã đem lính của mình và đội lính Trung-Bảo đi trước. Các toán quân tan vỡ không thống thuộc vào đâu cũng đều theo ông. Dân hai bên bờ sông chạy giặc van khóc như ri. Bình-Thành-Bá sai người đuổi theo ngăn Tân-Long-Hầu và Thống chế Trần-văn-Trí lại. Khi ấy các toán mới trở về, sắp xếp đội ngũ lại, đến canh năm mới xong.

Quan quân đã giữ được con sông Cổ-Hộ đến 16 giặc lại tới, 18 và 19 họ hội lại đông, thách đánh, trước sau được vài mươi Lợp, quân ta không được nghỉ. Ngày 20, thấy giặc im lặng đến chiều. Lính tuần tiễu có bắt được một cây chuối nổi giữa sông, quân ta bèn thâu góp hết thảy các thuyền đóng lại ở bờ sông. Đến canh năm thấy giặc phóng một bè lửa lên ngất trời, bên ta đem thuyền chiến nổi nhau thành

thử giữa sông không có lấy một mái chèo giặc đành chịu phép, bị quan quân giáp trận lại đánh thua to. Nhưng họ còn cậy quân đông cầm cự, khi đánh khi nghỉ. Đến ngày 24 đầu canh một, ở giữa trời từ hướng tí ngọ về tây, thì mây đen sì, từ hướng tí ngọ về đông thì sao sáng quắc, giữa chia một đường thẳng như giầy. Thái-công-Triều nói : « *Đêm nay giặc trốn* ». Rồi mà quả như thế.

Quan quân đuổi giặc đến Phủ-Lật (Pursat) đánh liên tiếp vài ngày, quân lính bị đau nhiều, sự vận tải lại không tiếp tế, lửa bếp lạnh tanh, số lương chỉ còn vài ngày, lính và lại đều muốn về. Tân-Long Hầu cũng cho là phải. Trái lại Bình-Thành Hầu và Trương-Phúc-Dĩnh⁹¹ không cho. Ngày hôm sau vừa quân vận tải tới mới có số lương ăn ba ngày. Lại sáng hôm sau nữa, trong dinh bỗng có trận gió thổi vụt lên, những đồ cờ sí đều bị gió cuốn ra ngoài dinh hơn một trượng, mà cỏ cây thì không động. Một chốc lính tuần tiểu vào báo có giặc. Bình-Thành-Hầu sai trong dinh xếp những đồ cờ quạt nghi trượng lại, và sai hơn một trăm người giả làm lính Mọi vừa đánh vừa lui để lừa giặc. Khi đã vào dinh, giặc bọc bốn mặt. Đợi họ tới gần quan quân xô ra đánh, trong dinh hò reo giặc bèn thua vỡ trốn mất, không dám lại nữa.

Họ Hồ mất nước, người Minh thu sổ đình của ta được số dân 320 vạn. Quốc-triều ta mở bờ cõi rất rộng, sau khi đại định rồi, dân được nghỉ ngơi sinh nở đã hơn 30 năm, đến năm Minh-Mệnh thứ 13 (1832) chia đặt tỉnh hạt : sổ đình được 81 vạn người. Lấy thổ địa cuối đời Trần so với đời nay mới được hơn một nửa mà số đình thì gấp ba, khả kiến đời

bấy giờ chính trị hà khắc, thuế má nặng nề lắm. Nhưng cái tệ tăng láo số đình từ đời Tây-Hán đã có, Khảo Tuy-Sử sau khi nam bắc phân tranh, gươm dao đâm chém xong mà khoảng năm Khai-Hoang ⁹², Đại-Nghiệp ⁹³ số đình 870 vạn. Đến đời Đường khoảng năm Vũ-Đức ⁹⁴, Trinh-Quán ⁹⁵ rất thịnh. Hai vua hết sức thi hành nhân nghĩa hơn 30 năm đến đầu niên hiệu Vĩnh Huy ⁹⁶ số đình có 380 vạn. Thế mà nói đến sự thịnh-trị, không ai khen nhà Tùy mà chê nhà Đường cả. Mới biết đời xưa gọi rằng dân đông không phải là gọi cái hư số do bọn tục lại viết láo vậy.

Năm bính-thân triều Minh-Mệnh (1836) có thuyền của sứ giả nước Ma-Ly-Căn (Malacca) đến Phú-Yên xin thông khoản ⁹⁷. Các đình thần đang ngồi ở tả vu nói với nhau rằng :

- Nó là một miếng thịt thừa ở ngoại quốc điều nó xin không nên nhận.

Một chốc có chỉ vua đòi hỏi có nên nhận hay không, thì có một người tâu trước rằng :

- Nó có lòng thành muôn dặm tới đây, há nỡ cự tuyệt.

Ông Hoàng Quỳnh bèn đem câu chuyện khi nãy tâu với vua.

Đời Trần có Đào-Sư-Tích ở huyện Nam Chân (Nam-định) đi thi Hội, khi mới ra khỏi cửa gặp một người con gái. Tục nước ta cho là khi bắt đầu ra đi mà gặp gái là sự không lợi. Ông Đào nhờ nước miếng.

Người con gái rằng :

- Việc ông đi thi với tôi không can hệ gì, nhưng nữ và tử là chữ hảo là tốt, ông rồi chắc đậu Tiến sĩ.

Ông Đào rằng :

- Tiến-sĩ đã lấy chi làm vừa ý.

Người con gái rằng :

- Không vừa ý thì Trạng nguyên vậy.

Ông Đào rằng :

- Được.

Khoa ấy quả đậu Trạng. Trời bấy giờ văn học thịnh hành, đàn bà con gái cũng biết giải đoán như thế. (Ông Đào từ thi Hương đến thi Đình đều đứng thứ nhất).

Vua Lê-Thánh-Tông ham chuộng văn-học, tự làm Đô nguyên súy Tao Đàn, lựa 28 quan văn để phòng khi cố vấn và họa thơ. Có :

- Thân-Nhân-Trung ⁹⁸ làm Thừa chỉ viện Hàn-Lâm. Đại-học sĩ tòa Đông-Các, kiêm Tế tửu.

- Đỗ-Nhuận ⁹⁹ làm thị độc Hàn-Lâm, Đại học sĩ Đông-Các cùng làm Phó nguyên-súy (Hai người ấy đều đậu Tiến-sĩ sau trải làm Thượng-thư. Thân sung chức Nhập nội phụ chính).

- Ngô-Luân ¹⁰⁰, Hiệu thư Đông-Các (đậu Tiến sĩ sau làm quan đến Thượng thư kiêm Đại học sĩ Đông-Các).

- Ngô-Hoán ¹⁰¹ (đậu Bảng nhãn, sau làm quan đến Thượng thư).

- Nguyễn Trọng-Ý ¹⁰², Thị-độc coi cả viện Hàn-Lâm (Tiến sĩ, sau kiêm Thị lang bộ Lễ).

- Lưu-Hương-Hiếu ¹⁰³, Thị-độc tham coi cả viện Hàn-Lâm (Bảng Nhãn, sau làm quan đến Thượng thư ; kiêm Đại học sĩ Đông-Các, coi cả viện Hàn Lâm).

- Nguyễn-Quang-Bật ¹⁰⁴ Thị-độc Hàn-Lâm (Trạng nguyên, sau làm đến Đô ngự sử vì không theo (Lê) Uy-Mục mà bị giết).

- Nguyễn-Đức-Huấn ¹⁰⁵ (Bảng nhãn, sau làm quan đến Thượng-thư).

- Vũ-Dương ¹⁰⁶ (Trạng nguyên sau làm đến Thượng thư).

- Ngô-Thầm ¹⁰⁷ (em Ngô Luân, đậu Bảng nhãn).

- Ngô-văn-Cảnh ¹⁰⁸, Thị-độc Hàn-Lâm (Hoàng giáp, sau làm đến Hiến sát sứ).

- Phạm-trí Khiêm ¹⁰⁹ (Hoàng giáp, sau làm đến Hiệu thư Đông Các).

- Lưu-Thư-Ngạn ¹¹⁰ (Thám hoa).

- Nguyễn Nhân-Bị ¹¹¹, Hiệu Lý Hàn-Lâm (anh Nguyễn-Trọng-Ý, Tiến sĩ sau làm đến Thượng thư).

- Nguyễn-Tôn-Miệt ¹¹² (Tiến sĩ, sau làm đến Thị thư Hàn-Lâm).

- Ngô-Hoan ¹¹³ (Hoàng giáp, sau làm đến Đô ngự sử).

- Nguyễn-Bảo-Khuê ¹¹⁴ (Hoàng giáp, sau làm đến Thị lang, Đô đình úy).

- Bùi-Phổ ¹¹⁵ (Hoàng-giáp).

- Dương-Trực-Nguyên ¹¹⁶ (Hoàng giáp, sau làm đến Đô ngự sử).

- Nguyễn-Hoãn ¹¹⁷ (Hoàng giáp).

- Phạm-Cẩn-Trực ¹¹⁸ Hiệu thảo viện Hàn-Lâm (Tiến sĩ).

- Nguyễn-Ích-Tồn ¹¹⁹ (Tiến sĩ, sau làm đến Thị lang).

- Đỗ-Thuần-Thứ và Đoàn-Huệ Nhu ¹²⁰ (đều đậu Tiến sĩ, sau làm đến Thừa chính sứ).

- Lưu-Dịch ¹²¹ (Tiến-sĩ).

- Đàm-Thận-Huy ¹²² (Tiến sĩ, trải làm đến Thượng thư bộ Lễ, coi Tú-Lâm cục ở Chiên-Văn-Quán kiêm Thị đốc coi cả viện Hàn-Lâm, hầu vua giảng sách tước Lâm-Xuyên-Bá. Họ Mạc tiếm ngôi, khởi binh đánh không nổi, uống thuốc độc chết).

- Phạm Đạo-Phù ¹²³ Tiến sĩ, sau làm đến Thị-lang.

- Chu-Huân ¹²⁴ (Tiến sĩ, sau làm đến Thừa chính sứ) gọi là 28 ngôi sao ở Tao-Đàn.

- Lại có hai người phu quét dọn (sái phu) ở Tao-Đàn là Lương-Thế-Vinh ¹²⁵ và Thái Thuận. ¹²⁶

Nhà Lê mở khoa Tiến sĩ có 400 năm, từ thi Hương đến thi Đình đều đứng thứ nhất, có 4 người :

- *Phạm-Đôn-Lễ*¹²⁷ đậu khoa tân sửu năm Hồng-Đức thứ 12 (1481).

- *Vũ-Dương*¹²⁸ đậu khoa quý sửu năm Hồng-Đức thứ 24 (1493) đều đậu Trạng nguyên.

- *Nguyễn-Đăng*¹²⁹ đậu Hoàng-giáp khoa nhâm dần năm Hoảng-Định thứ 3 (1693).

- Lê-Quý Đôn đậu Bảng nhãn khoa nhâm thân năm Cảnh-Hưng thứ 13 (1752). Quý-Đôn là con Thượng thư Lê-Trọng-Thứ¹³⁰ đậu Tiến sĩ khoa giáp thìn năm Bảo-Thái (1724). Dương làm quan đến Thượng thư, Đôn-Lễ-Đăng và Quý-Đôn đều làm đến Thị lang.

Thi ở điện không đậu cập đệ¹³¹ từ về, rồi sau lại đậu, có ba người :

- *Trịnh-Thiết-Trường*¹³² và *Nguyễn-Nguyên-Chấn*¹³³ đều đậu Đồng tiến sĩ khoa nhâm tuất năm Đại-bảo thứ 3 (1443) chối từ không nhận, đến khoa Mậu thìn năm Đại-Hòa thứ 6 (1448) lại đều đậu.

- *Nguyễn-Nhân-Bị* đậu Đồng tiến sĩ khoa bính-tuất năm Quang-thuận thứ 7 (1466), chối từ không nhận, sau lại đậu khoa tân sửu năm Hồng-Đức thứ 12 (1481). Thiết-Trường (thi lại, đậu) Bảng nhãn quan, đến Thị lang, còn hai người kia đều lại đậu Đồng tiến sĩ : Nguyên-Chấn quan đến Trực-học sĩ viện Khu-Mật, còn Nhân Bị quan đến Thượng-thư.

Cha con đậu đồng khoa có bốn người : *Ngô-Trí-Tri*¹³⁴ và con là *Trí-Hòa* đều đậu khoa nhâm thìn năm Quang-

Hưng thứ 15 (1592). Cha làm đến Giám sát ngự sử, con đến Thượng-thư, tằng tước quận công. Nhà ấy cha con ông cháu nối nhau đỗ-đạt đến 5 người ; *Nguyễn-Bình*¹³⁵ và con là *Tài-Toán* đều đậu khoa mậu thìn năm Vĩnh-Tộ thứ 10 (1628). Cha làm đến Thượng thư, con đến Thị lang.

Anh em ruột đậu đồng khoa có 28 người :

- *Nguyễn-Trinh* và em là *Tư-Phúc* (người Lập-Thạch (Sơn-Tây) ; *Nguyễn-Dương-Hiến* và em là *Tịnh* (người Kim-Anh¹³⁶ (Bắc-Ninh)). Cả 4 người đều đậu khoa tân vị năm Hồng-Đức thứ 6 (1475). *Nguyễn-Trinh* làm đến Thượng-thư, *Tư-Phúc* thì Tham-chính, *Tịnh* làm Đô-cấp sư trung.

- *Đặng-Minh-Khiêm*¹³⁷ và em là *Minh-Tán* đều đậu khoa đình vị năm Hồng-Đức thứ 18 (1487), anh sau làm đến Thượng-thư, em Thị-Lang. Họ là dòng dõi Đặng-Tất. Các ông Công Thiếp, Tòng-Củ, Thận, Diễm, Đôn-Phục¹³⁸ đều là người họ ấy cả.

- *Nguyễn-Huân*¹³⁹ và em là *Kính* đều đậu khoa bính thìn năm Hồng-Đức thứ 27 (1496) ; *Lê-Tán-Tương*¹⁴⁰ và em là *Tán-Thiện* đều đậu khoa kỷ tỵ năm Cảnh-Thống thứ 2 (1499). Riêng Huân đậu Bảng nhãn. Anh em hai nhà ấy đều làm đến Thượng thư.

- *Lê-Khắc-Nhượng* và em là *Đình-Vệ* (người Nông-Cống Thanh-Hóa) ; *Lê-Bá-Giác* và em là *Trọng-Bích* (người Thụy-Nguyên Thanh-Hóa) cả bốn người đều đậu khoa mậu thìn năm Đoan-Khánh thứ 4 (1508). *Khắc-Nhượng* làm đến Thị-Lang, em làm Đại học sĩ tòa Đông Các.

- *Nguyễn-Tào*¹⁴¹ và em là *Hòa-Trung* đều đậu khoa mậu dần năm Quang-Thiệu thứ 3 (1518). Người sau làm đến Thị-lang.

- *Ngô-Ước*¹⁴² và em là *Hoành* đều đậu khoa binh tuất năm Thống-Nguyên thứ 5 (1526). Người sau làm đến Hiến sát sứ.

- *Nguyễn-Đặng Kiêu*¹⁴³ và em là *Đặng-Minh* đều đậu khoa binh tuất năm Phúc Thái thứ 4 (1647) anh đậu Thám hoa quan đến Đại học sĩ tòa Đông-Các, còn em đến Tế tửu. Nhà này cha con anh em nối nhau đậu đạt đến 4 người.

- *Nguyễn-Quê*¹⁴⁴ và em là *Sĩ* đều đậu khoa canh tuất năm Cảnh-Trị thứ 8, anh làm đến Thị lang, em đến Giám sát ngự sử là chắt Thượng thư Tham tụng Nguyễn-Thực đậu Tiến sĩ khoa ất vị năm Quang-Hưng (1595) và là cháu Thượng thư Tham tụng Nguyễn-Nghi đậu Tiến sĩ khoa kỷ vị năm Hoảng-Định (1619). Nhà này nối nhau đậu đạt đến 6 người.

- *Trần-Danh Ninh*¹⁴⁵ và em là *Lâm* đều đậu khoa tân hợi năm Vĩnh-Khánh thứ 3 (1731), cả hai đều làm quan đến Thượng thư và là con Tham chính *Trần-Phụ-Dực* đậu Tiến sĩ khoa quý hợi năm Chính-Hòa (1683). Con *Lâm* là (*Trần-Danh*) *Án*, cũng đậu Tiến sĩ khoa đinh vị năm Chiêu-Thông (1787) nổi tiếng tiết nghĩa.

- *Lê-Đặng-Sĩ*¹⁴⁶ và em là *Bang* đều đậu khoa binh thìn năm Vĩnh-Hữu thứ 2 (1736) cả hai đều làm đến học sĩ.

- *Dương-Ứng*¹⁴⁷ và em là *Trọng Khiêm* đều đậu khoa giáp tuất năm Cảnh-Hưng thứ 15 (1754). Người anh làm đến Thị lang.

Chú cháu đậu đồng khoa có 6 người :

- *Nguyễn-Lê*¹⁴⁸ và cháu là *Thù* đều đậu khoa đình sửu năm Hồng-Đức (1487). Sau chú làm đến Thị lang, cháu thì Tham chính.

- *Vũ-Cầu-Hối*¹⁴⁹ và cháu là *Bật-Hài* đều đậu khoa kỹ hội năm Vĩnh-Thọ thứ 2 (1959). Chú làm đến Tham chính, cháu thì Thượng thư. Nhà này nối nhau đậu đạt có 6 người.

- *Vũ-Huyền*¹⁵⁰ và cháu là *Huy* đều đậu khoa nhâm thìn năm Vĩnh-Thịnh thứ 8 (1712). Chú làm đến Hiệu thư, cháu thì Thị lang. Một điều kỳ tuyệt hơn cả là trong tất cả các khoa thi, chỉ có khoa nhâm thìn năm Quang-Hưng (1592) số người đậu có 3 mà cha con (Ngô) Trí-Tri đã chiếm đi hai rồi.¹⁵¹

Lại có một nhà 10 người gồm cả cha con anh em, chú cháu kế tiếp thi đậu, là Họ Nguyễn xã Kim-Đôi : 5 anh em là *Nhân-Bị, Trọng-Ý, Nhân-Thiếp, Nhân-Dư, Nhân-Dịch*.

- *Nhân-Thiếp* đậu khoa bính tuất năm Quang-Thuận thứ 7 (1465).

- *Trọng Ý* đậu khóa kỹ sửu năm Quang Thuận thứ 10 (1469).

- *Nhân-Dư* đậu khoa nhâm thìn năm Hồng-Đức thứ 3 (1472).

- *Nhân-Dịch* đậu khoa ất vị năm Hồng-Đức thứ 6 (1475). (Hai người sau này đều Đồng tiến sĩ).

- *Nhân-Bị* đã cùng em là *Nhân-Thiếp* đều đậu Đồng tiến sĩ khoa bính tuất, nhưng Bị từ không chịu nhận, đến khoa tân sửu năm Hồng-Đức thứ 12 (1481) lại đậu.

- Đến khoa canh tuất năm Hồng-Đức thứ 21, con *Nhân-Thiếp* là *Hoành-Khoản* đậu Đồng tiến sĩ (1490).

- Khoa bính thìn năm Hồng-Đức thứ 21 (1496) con *Trọng-Ý* là *Đạo-Diển*, cháu gọi bằng chú là *Củng-Thuận* lại cùng với con *Nhân-Thiếp* là *Huân*, *Kính* đều đậu đồng tiến sĩ, riêng *Huân* đậu Bảng-nhãn.

- *Dịch* sau rồi làm quan đến Hiệu thảo viện Hàn-Lâm.

- *Nhân-Dự*, *Đạo-Diển* đều làm Án sát ; *Trọng-Ý*, *Củng-Thuận* làm Thị lang.

- *Nhân-Bị*, *Nhân-Thiếp*, *Huân*, *Kính* đều làm Thượng thư.

- *Nhân-Bị* và *Trọng-Ý* thì được dự vào Tao-Đàn.

Một nhà 4 người gồm cả cha con anh em ông cháu kế thế thi đậu là : *Thân-Nhân Trung* đậu Đồng tiến sĩ khoa kỷ sửu năm Quang-Thuận thứ 10 (1469) quan đến Thượng thư Đại học sĩ, Phu-chính, Phó Nguyên súy Tao-Đàn là danh thần một một đời. Con là *Nhân-Vũ* đậu Đồng tiến sĩ khoa tân sửu năm Hồng Đức 12 (1481) (Vua Thánh-Tông có câu thơ rằng : 兩申父子佩恩榮 nghĩa là : Họ Thân vinh hiển cả cha con) ; Cháu là *Cảnh-Vân* đậu Thám hoa khoa đinh vị năm Hồng-Đức thứ 21 (1487) ; Cha *Cảnh-Vân* là *Nhân-Tín* đậu Đồng tiến sĩ năm Hồng-Đức thứ 21 (1490). Gặp được

vua Lê-Thánh-Tông, thời bình chúa thánh, hai nhà ấy cha con, anh em, chú cháu, ông cháu liên tiếp thi đậu, quý hiển ở triều đình, trên đời cũng ít có.

(Từ đời Hồng-Đức về trước, ban áo mào Tiến sĩ : nhất nhị giáp thì mũ « phốc đầu lương cân » hai bên có hai cái tai, tam giáp cũng mũ ấy mà không có tai chỉ phía sau có dải bỏ xuống. Học trò bấy giờ chê nhau, có câu « Dốt có đười » cho nên người đậu Tam giáp hay từ chối. Vua Thánh-Tông biết được chuyện ấy, mới cho bỏ cái dải sau. Nay ở Bắc-Kỳ còn có câu ấy. Lại lúc trước, khi các ông « Tiến sĩ mới » đi du nhai, có lệnh bắt người đậu cuối bảng phải dắt ngựa cho Trạng nguyên. Sau có người đập đầu vào cửa điện mà chết, mới bỏ lệnh ấy).

Cách thức phép thi triều Lý nay không thể khảo được. Sử chép phép thi đời Trần năm Hưng-Long khoa giáp Thìn (1304) thì đầu tiên viết ám tả sách thư truyện, rồi đến hỏi kinh nghi, kinh nghĩa ; trường nhị ra đề một bài thơ, một bài phú ; trường ba một bài tứ lục ; trường tư bài sách vấn thể lệ rất nghiêm mật. Phép thi đầu đời Lê cũng chia làm bốn trường, hai kinh nghĩa thì trước hết phải chỉ chính văn của đầu bài ra ở sách nào, kể phải dẫn bài chú, sau mới dùng lời nói của mình phô diễn ra để cho đủ ý, đại lược cũng như thể chú luận, lời nói phải bình hòa không đẽo gọt quá. Buổi Trung hưng (Hậu-Lê) về sau, kinh nghĩa dần dần biến ra những câu sáo giản lược ; thơ dùng luật Đường, phú dùng 8 vần, ban đầu hay trau chuốt hoa lệ như các bài phú Ngư phủ nhập đào nguyên 漁夫入桃源 Nghiện trí ngư 硯池牛, v.v... Về sau chỉ dùng điển tích các sách thường, nhưng

không phải những người thông thuộc nghĩa sách thì không làm được, như bài phú Trương trung tín, Yên nghĩa mệnh 仗 中信安義命 có câu : 臣之忠日照月臨, 卓爾險夷一致, 君之命朝夕赴 坦然聞讒謗白端. « *Thần chí trung nhật chiếu nguyệt lâm, trác nhĩ hiểm di nhất trí ; Quân chí mệnh triều văn tịch phó, thản nhiên sàm báng bách đoan* ». Dịch là : « *Tôi có lòng ngay, bóng dương tỏ, bóng nguyệt lại soi, bằng hẻm một đường đều thẳng bước ; Vua có mệnh lệnh, buổi mai nghe buổi hôm phải tới, dèm pha trăm miệng cũng ngoài tai* ».

Bài phú Thần-tiên Hoàng-Bạch có câu :

使天下可無常道吐納屈伸丹

藥符籙聖人豈肯怠於修爲

即衆人皆可以仙飲食衣服

室舟車從古亦何勞於創造

« *Sử thiên hạ khả vô thường đạo, thổ nạp khuất thân đan dược phù lục, thánh nhân khỉ khảng đoạ ư tu vi ; Tức chúng nhân giai khả dĩ tiên ẩm thực y phục cung thất chu xa, tông cổ diệc hà lao ư sáng tạo* ». Dịch là : « *Vi thiên hạ không có thường đạo, thì nhỗ, nuốt, duỗi, co, thuốc men bùa phép, thánh nhân cũng tu lấy không lười ; Nếu chúng nhân ai cũng làm tiên, thì ăn, uống, áo mặc, nhà cửa xe thuyền, xưa nay phải làm chi cho mệt* ».

Lời lẽ sâu kín, nghị luận thuần chính làm gương hay cho nhà làm phú. Quốc triều ta ban đầu cũng nhân theo thể ấy chỉ có kinh nghĩa đối dùng học qui của vua nghị định ra : (ngũ) kinh 5 bài, (tứ) truyện một bài, mỗi thứ cho học trò chọn lấy một. Bài làm cũng sơ lược mà học trò trong trường

đã có kẻ làm thể văn tám vế (bát cổ) mới đổi học qui thông dụng văn tám vế cả. (Buổi quốc sơ, trường Nghệ An làm thể tám vế trước hết).

Đến đời Minh-Mệnh thứ 13 (1832) cải định lối làm văn ; chế và kinh nghĩa đều dùng tám vế ; thơ dùng luật Đường ; phú theo như lối nhà Minh, Thanh. Nhưng có bọn học trò ít học, không nhớ chỗ xuất xứ các đề thơ phú, bèn gộp lặt những văn tư mẫu mực để làm bài kim văn tả đủ lời nịnh hót, không nói đến ý nghĩa trong sách.

Xét buổi đầu nhà Tống về trước, gọi rằng kinh nghĩa là chỉ hỏi danh mục việc cũ, cùng với bài viết trăm tương tự nhau.

Như đầu bài : Đức Khổng bảo thầy Tử-Sản đạo của người quân tử có bốn điều : (子謂產子有君子之道四焉) Bốn điều ấy là những gì ?

Lại đầu bài : « *Kẻ làm việc có bảy người (作者七人矣). Bảy người là những ai ?* »

Học trò trả lời chỉ kể người hay là việc mà thôi, chứ không có lời gì trau chuốt phụ hội cả. Danh thần như Lữ-Thân-Công ¹⁵² cũng theo lối bài ấy mà đậu. Nhưng học trò từ hoa lo rằng không có văn vẻ, chê làm thể là nghĩa đen, mới đổi ra lối tám vế do Vương-An-Thạch ¹⁵³ bày ra đầu. Nói tóm lại lối văn tám vế vẫn cũng có lệ, kẻ học giỏi thì nói ra xuyên tạc cắt xé, người học kém thì lượm lặt những câu cũ, ý nghĩa không sát với đầu bài, cho nên ông Tô-Tử-Thiên ¹⁵⁴ ví với sáng vàng lau trắng.

(Như đầu bài : « Đạo của bậc đại học » (大學之道) làm bài có đến vài tờ giấy, cầm chữ « đạo » làm lời bàn suông, há phải cái ý cổ-nhân dạy người đầu).

Dụ vua Khang-Hi ¹⁵⁵ cũng chê là phù phiếm, đã bắt cấm chỉ mà các Bộ thần cứ nhân tuần lỗi cũ, rồi lại phục hồi. Các quan chăm trường có ý châm chước không chú ý, cho nên Khư Toàn ¹⁵⁶ nói : « Ngạch lấy đậu đã định số, không thể không lấy cho đủ ».

Đời Minh cũng đã có tệ ấy. Ôi ! Dùng văn để lấy kẻ sĩ, từ nhà Đường lại nay vẫn được nhiều người, nhưng nhà Tống về trước, kinh nghĩa còn có chất thiệt, nếu bắt chước như thế thì người thông kẻ dốt, dở quyền biết ngay. Như lời bàn của Khảo-Định ¹⁵⁷ bắt phải dẫn nhưng chú thuyết của các nhà và đem ý mình bàn bạc. Ấy là tinh tường lắm. Lại sợ những học giả hiếu kỳ mà quan trường thì lại ý kiến riêng nên mới không định chuẩn được. Đại loại như Mao-kỳ-Linh, hay bài phú bác bài chú của thầy Chu thiệt gây thêm sự bạc. Nếu không thế thì cứ nghĩa trong truyện chú, bắt chước theo thể luận mà mà làm cũng có thể bỏ cái tệ xuyên tạc được chút đỉnh.

Lại như quốc triều ta từ buổi định cho các học quan khảo hạch học trò, lúc đầu số học trò ứng thí có hạn, gần đây lại càng ngày càng đông, hoặc có khoa số lại gấp hai. Vị tất sĩ số (giỏi) nhiều hơn trước nhưng sĩ số nhiều thí ngạch đậu phải thêm mà chức học quan cũng theo số ứng thí và số đậu nhiều mà tăng lên, quan tràng nhân thế không khỏi nhù nhù để tránh cái tiếng ác nghiệt, ra bài lựa những đoạn

dễ, chấm bài thì rộng ngòi bút, lâu nay thường như thế. Nay ngạch đậu đã phụng chỉ cải định lại. Ngày trước ở chỗ Kinh-Diên, Hoàng-thượng đã nói đến việc Âu-Dương-Tu sung chức Cống cử mà đổi được tập lục học trò. Ý Hoàng-Thượng như vậy, các nhà đương trách nên thể cái ý ấy.

Đại phạm việc gì không nên để ý riêng vào. Đã dùng ý riêng thì trái với lẽ trời. Đời Lê, thi Hương, xong bốn trường, lúc xướng tên phúc hạch có hỏi vài ba câu nghĩa sách gọi là lược vấn. Trường Nghệ có Nguyễn-Đình-Tiến, quyển bài thì nhờ người cùng huyện là Trọng-Dung gà cho Đến khi xướng tên vào cửa, quan trường hỏi : « *Bởi thầy được ấn là ai ?* » 因師獲印爲誰 Ông Nguyễn sợ cuống lên nghĩ rằng các quan đã dò xét được việc của mình, bèn thú thiệt.

(Án) cho rằng đã biết thú trước nên tội hai người chỉ bị tước ngạch, suốt đời không được đi thi. Năm xưa, trường Hà có một ông Phúc khảo, có người bạn đi thi, đến khi chấm quyển nhận biết được dạng chữ của người bạn, chưa kịp chấm phê, để lên trên các quyển khác, tình cờ ông mắc đi chỗ khác, người đầy tớ biết lóm được thầy mình để ý vào quyển ấy, lấy trộm ra xem, trong quyển có chữ « thiên ngâu » 千耦 không biết nghĩa, tưởng là viết sai, bèn lấy muội đèn viết thêm chữ « thảo » trên đầu chữ « ngâu ».

Đến khi ông về lại quên mất, chấm bài thấy có chữ « thiên ngâu » 千藕, cả mắng rằng : « *Đây là (anh nào) mượn người khác làm gà cho, dốt nát thế này mà cũng đi thi* ». Rồi sỗ toẹt mà đánh hỏng. Chấm xong nhớ lại quyển (của người bạn) trước thì tìm không được nữa. Người đầy tớ

thú thiết. Sau ông Phúc khảo ấy cũng đưa việc đó nói chuyện với người ta để răn.

Đời gần đây, chính giáo chia ra làm hai chức Lại điển ¹⁵⁸ vẫn phải lựa chọn cẩn thận mà chức học quan cũng không thể khinh cử được. Bởi vì có học rồi mới làm quan, người dạy mà không ra người thì cái lầm lạc cứ lưu truyền mãi. Và đứa tiểu dân ở hương thôn, thường coi kẻ sĩ như kẻ đưa đường, cái thói của kẻ sĩ mà chính cũng có quan hệ tới phong tục của dân. Tà hay chính thiết bởi ở học quan khá hay không. Thường thấy ông Bùi-Tồn-Trai ¹⁵⁹ đang làm Đốc-học ở Nghệ-An, mỗi kỳ hạch học trò không, ai dám mạo phạm vì ông lựa những người có học lực hơn người cho nên được học trò tín phục. Ông đọc quyển mới vài hàng, xem văn đủ biện biệt được con người. Cử qua vài chuyện : Nguyễn-Bùi-Nhã ¹⁶⁰ và Nguyễn-Hoảng-Nghĩa đều có học với ông nhân kỳ hạch ra biểu đầu đề là : « *Biểu của bọn ông Lữ-Mông-Chính tạ ơn cho đậu cấp đệ* » (呂蒙正等謝賜及第表). Một quyển có câu : 寒燈空費家修, 義理乏酉藏之奧, 尺日會逢昌運, 太平欣卯歲之徵. « *Hàn đăng không phí gia tu, nghĩa lý pháp dân tàng chi áo ; Xích nhật hội phùng xương vận, thái bình hân mảo tuế chi trưng* ». Nghĩa là : « *Đèn lu những phí công học nghĩa lý thiếu chỗ dâu tàng ; Ngày văn may gặp vận hanh, thái bình mừng diềm mảo tuế* ».

Chấm nhằm quyển ấy, ông sai gọi hai người đến. Nha đi vắng một mình Nghĩa tới. Ông đang chấm quyển không ngó tới Nghĩa vào lạy ở sân. Người này sợ mồ hôi ra ướt đầm. Đứng đợi đến vài giờ, ông chấm quyển xong, Nghĩa lại lạy.

Ông mới quở rằng : « *Một anh làm gà cho người ta cũng đủ rồi, lại cùng cả anh Nhã nữa ru* ». Nghĩa chỉ lạy tạ xin lỗi ; hồi lâu ông mới nguôi. Lại một ký hạch có phú đầu đề là : « *Cao quang tài phú* ».

Có một quyển có câu : 巍巍王迹伯圖，並峙之群雄北面，赫赫唐謨雄斷，一辰之豪傑東方. « *Nguy nguy vương tích bá đồ, tịnh trí chi quần hùng bắc diện ; Hách hách miếu mô hùng đoán, nhất thời chí hào kiệt đông phương* ». Nghĩa là : « *Cao lớn thay cơ nghiệp bá vương, đều sánh với kẻ quần hùng phía bắc ; Rõ ràng vậy mưu mô nhà nước, thời bấy giờ người hào kiệt phương đông* ».

Ông bảo môn sinh rằng : « *Bài này hẳn là của Nguyễn-Sĩ-Giang làm* ». Nhưng cũng lấy cho đậu.

(Thường) mỗi kỳ hạch, ông bắt ai đậu thì phải tới ra mắt hoặc để hỏi văn bài lại. Kịp khi tác giả bài phú trên tới yết-kiến. Ông hỏi thì người ấy lạy tạ, thú thiệt rằng nhờ Nguyễn-Sĩ-Giang gà cho.

Năm mới đây, tôi làm Điển thi trường Nam-Định ¹⁶¹. Khi đầu lấy không đủ số đậu. Mọi người đều chê tôi là hà khắc, tiếng oán trách đầy tai, những người đồng sự cũng trái ý lộ ra ở tiếng nói, sắc mặt. Tôi không muốn thất hòa đành phải cưỡng lấy cho đủ số. Nhân nghĩ lại hồi mới đây trong trường đôi khi có ông Sơ khảo ¹⁶² không biết chấm câu. Đều là tội của Chủ khảo lúc trước lấy đồ rộng. Trong lòng tôi thường không an là như thế.

Lỗi văn trường ốc, học trò đi thi thường lấy nó làm mẫu mực. Gần đây học trò thường tập xem những loại thư biên

ngữ, gộp lặt những chữ có vẻ bí hiểm (tịch tự) không ai hiểu mỗi manh gì cả, rồi cho kinh truyện làm lời bàn suông (nhàn đàm), những lời huấn thích của tiên nho làm câu nói hủ (trần ngữ), không nghiên cứu nữa, thiệt là một bệnh lớn của học trò. Nói tóm lại thì họ toàn cho những Ngũ kinh, Luận ngữ, Mạnh tử làm văn vô dụng. Lại có một hạng tự phụ là uyên bác, tìm tòi trong những thuyết của các tiểu gia được một câu chê truyện chú của Trình Chu thì hớn hờ lấy làm sướng. Lại (là những kẻ) không biết cân nhắc. Khoa thi Hội năm Mậu thân (1848), có một quyển có câu « *Bất tất cần đến kính Lễ xa xôi* » (不必遠求禮記). Trong trường cho nói thể là bội kính, sổ toẹt mà đánh hỏng. Các trường thi Hương cũng nhiều quyển giống như thế. Trước khi tôi đi thi chưa từng thấy lỗi văn ấy, không biết ai bày đặt ra đầu. Gần đây bên nhà Thanh thi Đình thấy có quyển đậu thứ hai là Viên-Mậu-Tích, cả bài nói ra, không có câu nào có điển cổ thật. Thậm chí thi Quán ra bài số : « *Run sợ tu tỉnh để đón khí hòa ngọt* » (恐懼修省以迓和甘) Quyển đậu đầu có câu rằng : « *Cầu nguyện vô sự ở Tang Lâm* » (禱無事乎桑林) ¹⁶³. Như thế chả phải gần như chê thánh nhân hay sao. Phù bạc sai lầm đến thế là cùng. Nên bài xịch đi, đừng để cho hậu học lầm lạc.

Người ta chớ phiền về sự không đọc được sách. Năm gần đây có tên dân tỉnh Biên-Hòa có người anh chết mà không con. Trong họ bàn lập con của người em để làm con nối. Người em có hai con, quan địa phương xử cho lập đứa con thứ. Vì nhà ấy của rất nhiều, mới sinh kiện cáo. Phái viên về khâm lại, xử cho lập đứa con đầu. Quan Hữu-tư ¹⁶⁴

cũng y theo lời xử sau. Bởi vì có không từng khảo đến sách nghi lễ vậy. Thầy Chu có nói :

- Sách nhiều mà không hiểu, chẳng khác gì có kẻ không bao giờ xem.

Người trong xã (tôi) là Hoàng (mỗ) có lần đi theo hầu Lê-Quế-Đường ¹⁶⁵ nói chuyện ông ấy xem sách một bận mười hàng, đã đọc qua thi chung thân không quên nữa mà tay không rời quyển sách chút nào.

Có lần đi đường qua những chỗ hang cùng ngõ hẻm vào trọ một nhà người đàn bà góa có đứa con mới lên 10 tuổi, hỏi học sách gì ? Đáp rằng :

- Học sử đầu ¹⁶⁶ Hiển-Huệ.

Ông bèn cầm lấy sách, bên ngọn đèn xem hết cả quyển. Rồi lại hỏi :

- Trong nhà còn có sách vở giấy má gì nữa không ?

Người đàn bà thưa rằng :

- Không có sách gì nữa, chỉ có quyển kế mà thôi.

Ông cũng bảo đưa ra xem, không ngờ nào là không để mắt đến. Người hầu (họ Hoàng) nói :

- Hà tất phải xem những đồ ấy.

Ông đáp :

- Người ta ai cũng làm việc của mình, há bỏ qua bóng quang âm sao ?

Bậc tiền bối siêng năng tư lệ như thế.

Năm quý dậu triều Gia-Long (1813), có Phạm-Quý-Thích ¹⁶⁷ hiệu là Lập Trai làm Giám thí trường Nghệ. Sau khi đỗ vi rồi, trú ở dinh Đốc-học, học trò tới hầu có vài mươi người. Vốn người đa bệnh, ông dựa gối nằm nghiêng, cùng với Đốc-học tên là Tráng bàn bạc văn chương. Người sau nay nhân đọc bài phú : « *Đuốc (Quan) Vân-Trường* » (雲長燭) ¹⁶⁸ của trường học Lập-Trai vẫn thứ bảy, có câu rằng : 愧慾死平生曹操鬼, 凜如生萬古將軍神. « *Quý dục tử bình sinh Tào-Tháo quỷ ; Lẫm như sinh vạn cổ tướng quân thần* ». Nghĩa là : « *Quý Tào-Tháo bình sinh thẹn muốn chết : Thần tướng quân muôn thuở giống như còn* ».

Có người học trò huyện Hương-Sơn là Cao-khắc-Kỷ ít tuổi hơn cả, đứng dậy thưa rằng :

- Gần đây huyện thiên-Lộc (đều thuộc Hà-Tĩnh) có Lê-Hàn ¹⁶⁹ cũng làm bài phú ấy lại dùng điệu khác.

Lập-Trai bảo đọc lên. Cao bèn đọc vẫn thứ bảy, có câu : 開千古之昏昏, 明可對人, 幽可對鬼, 炤一家之暗暗, 行不愧影, 寢不愧衾. « *Khai thiên cổ chi hôn hôn, minh khả đối nhân, u khả đối quỷ ; Chiếu nhất gia chi ám ám, hành bất quý ảnh, tẩm bất quý khâm* ». Nghĩa là : *Mở muôn thuở tối tăm, sáng đối với người, tối đối với quỷ ; soi một nhà mù mịt, đi chẳng thẹn bóng, nằm chẳng thẹn chăn.*

Lập-Trai hỏi :

- Câu chính diện thể nào ?

Người kia lại đọc : 燃激烈之丹心五更天地, 印丁零孤影四壁風霜. « *Nhiên kích liệt chi đan tâm ngũ canh thiên địa ; An đi*

ninh chi có ảnh, tứ bích phong sương ». Nghĩa là : « *Nhen lòng son rục rở, trời đất năm canh ; in chiếc bóng lênh đênh, gió sương bốn vách* ».

Lập trai bảo đọc lại, nhân đẩy gối ngồi dậy, nói :

- Nó làm hơn ta nhiều.

Bậc tiền bối biết phục thiện như thế.

Đời Lê, Phạm-vĩ-Khiêm đi thi Hội (1779) Khảo quan vẫn ghét ông ta. Đến trường nhì, họ thấy một quyển giống như văn Phạm, bèn nói rằng : « Ta biết rồi » Rồi đánh hỏng. Đến khi phát quyển thì Phạm lại đậu thứ nhất ¹⁷⁰. Việc này giống với chuyện Trịnh Giải trong Mộng Khê bút đàm ¹⁷¹. Cho hay đối với ai, ta cũng nên có lòng bằng phẳng rộng rãi, hơi dùng đến yêu hay ghét một chút là chỉ nhọc bụng mà thôi. Sách Mộng-Khê bút đàm chép Trịnh-Nghị-Phu tự phụ nổi tiếng thời bấy giờ, quan Đốc trường Quốc-Tử cho đậu đến thứ 5, ý rất bất bình. Bài khải tạ quan Chủ tư có câu : 李廣事業, 自謂無雙, 杜牧文章, 只得第五. « *Lý-Quảng sự nghiệp, tự vị vô song ; Đỗ-Mục văn chương, chỉ đắc đệ ngũ* ». Nghĩa là : « *Sự nghiệp như Lý-Quảng, tự cho rằng không ai bằng ; Văn chương như Đỗ-Mục mà chỉ được đứng thứ năm* ».

Chủ tư giận lắm, ngày sau thi Đình, ông ta lại được đi chấm. Mới quyết ý đánh hỏng để trả thù họ Trịnh bất tơn.

(Thành thử) có quyển thi giống như văn của Trịnh bị đánh hỏng oan, đến khi treo bảng thì Trịnh lại đậu đầu. Thế mà bài khải tạ của ông ta lần này cũng chưa bỏ cái khí kiêu

căng. Xem sách Tị thứ lục thoại ¹⁷² (có chép chuyện) Hàn-
Ngụy-Công cùng Thượng thư họ Tống đều thi khoa Trung
thư ¹⁷³. Có người hỏi ông Hàn thì ông lấy làm thẹn mà tạ
rằng : « *Tôi đâu dám trông được như ông Tống, chắc có tin
hỏng* ». Khí lượng khác nhau nên chí sự nghiệp cũng không
bằng nhau.

Có dạy rồi mới biết khốn nạn. Năm đinh mảo đời Gia-
Long (1807), trường Thanh ra đề : « *Cho Thường-Hà lụa* »
(賜常何綢). Có Khảo quan họ Vũ cũng tự làm một bài có
câu : « *Trượng phu khí khái* » (丈夫氣概) Có người làm thơ
rằng :

渭上當辰娘子軍
木蘭本是女郎人
藉非典考之衡筆
將謂常何亦婦人

« *Vị thượng đương thời nương tử quân,
Mộc-Lan ¹⁷⁴ bản thị nữ lang thân.
Tạ phi Điển khảo văn hành bút,
Tương vị Thường-Hà diệc phu nhân* ».

Nghĩa là :

« *Quan nương tử ở bên sông Vị buổi ấy.
Mộc-Lan vốn là thân con gái.
Nếu chẳng có ngòi bút quan Điển khảo,
Toan bảo Thường-Hà cũng là đàn bà* ».

Người ta truyền tụng bài thơ ấy để chê cười.

Gọi rằng làm nên tốt cho người là lấy điều thiện để khuyên nhau, chứ không phải lấy sự bao bọc cho người hay giấu giếm đi cho họ làm hơn. Như năm gần đây, trường Hà có Giám khảo mỗ thay quyển cho người. Người ấy văn hay vốn không cầu cạnh gì. Vì việc chưa phát nên sau người ấy không được vào trường sau. Như thế chẳng những mình tự hãm vào phép cấm mà còn làm lụy cho người ta, có làm nên cho người gì đâu ?

Sách Quý tân tạp thức ¹⁷⁵ chép chuyện Phùng-Kinh làm Tri cử, có Trương-Vân-Tấn làm bài phú « *Công sinh minh* » (公生明) bỏ văn trùng điệp mà sau đậu đến thứ tư, Trương nghĩ thầm rằng quan Chủ tư lổ mỗ không biết gì. Đến năm Nguyên-Hựu ¹⁷⁶ đi sứ, qua Bắc-Môn, Phùng đang làm Lưu thủ bèn làm tiệc rượu đãi môn sinh, Phùng nhân nói :

- Ngày xưa tôi làm Tri cử, bài phú của ông trùng vận, vì bài luận sách hay, nên tôi thay văn cho ông.

Trương đang uống rượu, tự nhiên chén rượu rơi không biết, lấy làm thẹn, từ tạ đến hai ba lần. Bởi vì từ đầu đời Tống về trước, phép thi cũng giản dị, không nệ hình tích chỉ lấy được nhân tài là mừng. Cho nên Lý-Trình đã hỏng rồi mà Lữ-Vị lại lấy lên đậu. Đầu đời nhà Đường, (người đậu) trình lên quan Hữu tư, nếu không biết tài phẩm thường ngày của họ thì không cho đậu cao. Về sau những điều xảo ngục ngày càng thêm, ngăn cấm đã riết mà vẫn còn gian. Những việc ấy không nên làm, mình với người đều mang lụy cả.

Học không phải để cầu lộc mà lộc cũng ở trong đó ra. Nhưng được với không đều có mệnh. Gần đây học trò hỏng

hạch thường oán học quan, hồng thi thường oán Chủ tư. Có kẻ đặt ra lời nói ngoa, hay câu ca dao như khi Lê-Huy-Du¹⁷⁷ làm Giám thí trường Nam, bọn hồng thi làm bài văn quốc âm để tế. Đó là do những bọn học ít, nết kém làm, chữ hạng nho gia không có như thế. Nhưng thói ấy là từ đời Đường, Tống đã có như Âu-Dương (Tu) làm Tri cử, bị bọn học trò, khinh bạc nhóm nhau lại chê bai. Thậm chí có kẻ lấy một chữ nói, hay câu nói xóc, cả đời để vào bụng như Ngư-Tăng-Nhu đối với Lưu-Vũ-Tích ; Ngụ-Mộ đối với Lý-Hồi lại càng hay ghét ngấm, có ý muốn đánh đổ. Kẻ học giả nên lấy đó làm răn, chớ có ăn ở hiểm ác.

Làm văn không nên cầu thả. Năm quý tị đời Minh-Mệnh (1833) tôi đang hiệu lực ở Bộ, ngày nghỉ có dạy học trò làm văn.

(Một khi) ra bài thơ : « *Qua sông hái hoa phù dung* » (涉江採芙蓉) ngẫu nhiên có sửa bài của một trò rằng :

自從投筆事疆場
未試天涯是異響
忽見荷花紅似錦
遙憐予美襲為常
生涯鏡里千莖雪
弱理風前九畹香
及此修名猶未宴
莫教鶻馱度年芳

« *Tự tòng đầu bút sự cương trường*
Vị thức thiên nhai thị dị hương.
Hốt kiến hà hoa hồng tự cầm

*Giao liên dư (?) mỹ tập vi thường.
Sinh nhai cánh lý thiên hành tuyết,
Nhược lý (?) phong tiền cứu uyển hương.
Cập thử du danh do vị yển,
Mạc giao đề quyết¹⁷⁸ độ niên phương ».*

Đại khái nghĩa là :

*« Tự lúc ném bút đến nơi cương trường.
Chưa biết rằng ở chỗ ven trời là làng lạ,
Bống thấy (như) hoa sen đỏ tựa gấm,
Xa nhớ... đẹp, kết làm xiêm.
Trong gương sinh nhai có ngàn chồi giữa tuyết ;
Trước gió có mùi thơm hoa lan.
Bấy giờ công danh còn chưa toại,
Chớ khiến chim đỗ quyên qua một năm tốt ».*¹⁷⁹

Vừa xong thì cụ trong Các là Hà (Tôn-Quyền) cho người tới bảo có chỉ bắt tôi đi tòng quân ở Nam-Kỳ.

Không những một việc này, đọc văn các bậc tiền bối cũng biết được nhân phẩm, hành chí. Phạm-Lập-Trai làm Giám thí trường Nghệ (1813) ra đầu bài « *Công đức như trời sinh muôn vật* » (功德如天生萬物) Lê-Nguyên-Trung¹⁸⁰ có câu : 巍然神武聖文之盛美, 九功七德不盡形容, 宛若太和元氣流行, 庶類萬般咸資發育. « *Nguy nhiên thần vũ thánh văn chí thịnh mỹ, cứu công thất đức bất tận hình dung ; Uyển nhược thái hòa nguyên khí chỉ lưu hành, thứ loại vạn ban hàm tư phát dục* ». Nghĩa là : « *Lớn lao vậy võ thần văn thánh, chín công bảy đức không đủ hình dung ; Lưu bành*

như nguyên khí thái hòa, muôn vật mọi loài, đều nhờ sinh dục ».

Lập-Trai cả khen, tuy quyển ấy viết sót chữ ở bài, chiếu lệ phải đánh hồng, mà ông cũng phê lấy đậu. Khoa ấy đậu Hương cống 12 người. Lập-Trai nói với người ta rằng :

- Từ khi người nay hơn cả !

Lưu-Công-Đạo ¹⁸¹ lúc mới tới học với Bùi-Tồn-Trai, làm bài phú « Vườn quân Đô đốc Thư-Châu » (舒州都督宅) có câu : 海內六年王事, 紛紛何處作生涯, 壽州幾載歡遊, 耿耿他鄉懷故宅. « *Hải nội lục niên vương sự, phân phân bà xứ tác sinh nhai ; Thọ châu kỷ tải hoan du, cảnh cảnh tha hương hoài cố trạch* ». Nghĩa là : « *Trong biển trải 6 năm vương sự, lằng xằng biết chỗ nào làm thú sinh nhai ; Châu Thọ từng mấy hạ hoan du, thổn thức nơi quê người nhớ miền cố trạch* ».

Tồn-Trai chê rằng lãnh đạm. Sau quả như thế. Tồn-Trai thường phê văn của Ngụy-Khắc Thân ¹⁸² rằng : « *Khí tốt núi Hồng vào nhà người này hết* » (鴻山秀氣盡入汝家) Thân là anh ông Thiện-Phủ ¹⁸³ vậy. Người cha làm văn không hay tra chuốt. Tồn-Trai bảo là có dư vị nên « có hậu ».

Lại thường xem thơ văn người xưa như bài thơ chết con của Tô-Đỉnh có câu :

試將明鏡照
何異月中看

« *Thí tượng minh cánh chiếu
Hà di nguyệt trung khán* ».

Nghĩa là :

« *Thử đem soi gương sáng
Nào khác ngó trong trăng* ».

Vật nhỏ nhoi mà nói to lớn như thế.

Lý-Trình thì làm bài phú « Mặt trời năm sắc » (日五色) có câu phá đầu rằng : 德動天鑿祥開日花. « *Đức động thiên giám ; Tương khai nhật hoa* ». Nghĩa là : « *Đức động gương trời ; Đềm nở hoa nhật. Sự nghiệp bậc tướng tướng, ngữ khi có khác* ».

Bạch-Lạc-Thiên ¹⁸⁴ có bài thơ :

離離原上草
一歲一枯榮
野火燒難盡
春天吹更生

« *Ly ly nguyên thượng thảo,
Nhất tuế nhất khô vinh.
Dã hỏa thiêu nan tận,
Xuân thiên xuy cánh sinh* ».

Nghĩa là : « *Trên đồng cỏ mơn mớn, mỗi năm mỗi khô tươi. Lửa nội thiêu khôn hết, Trời xuân thổi cho lại sống* ». (Giọng vắn) phong lưu uẩn tạ như tác giả.

Cao-Thiên-Lý ¹⁸⁵ có thơ :

恨乏平戎策
暫登拜將壇
手持金鉞冷
身掛鐵衣寒

聖主扶持易
恩深報效難
三邊猶未靜
何敢便休宦

« Hận pháp bình nhung sách,
Tạm đặng bái tướng đàn.
Thủ trì kim việt lãnh,
Thân quả thiết y hàn.
Thành chủ phù tri dị,
Âm thâm báo hiệu nan.
Tam biên do vi tĩnh.
Hà cảm tiện hưu quan ».

Dịch là :

« Giận thiếu mưu đánh dẹp,
Lên đàn tướng then thùng.
Cầm giáo vàng run rẩy.
Mang giáp sắt lạnh lùng
Chúa giúp ta đánh dễ
Ta báo chúa khôn xong,
Ba cõi còn chưa lặng,
Về hưu đâu dám mong ».

Câu kết sau cùng gần như là những lời hạnh tai lạc họa.

Phạm-văn-Chính ¹⁸⁶ làm phú có câu « Kim giám Can-Tương ». Sau sự nghiệp cũng như lời phú.

Thơ Đinh-Vị ¹⁸⁷ có câu : 鸚鵡驚鳳華穿花早, 魚畏龍顏上釣遲.
« Anh kinh phượng luyện xuyên hoa tảo ; Ngư diếu long

nhân thượng điều trị ». Nghĩa là : « *Chim vẹt sợ kiêu phượng nên sớm chui vào trong hoa, Cá chệch đớp câu vì sợ mặt rồng* ».

Cái tình trạng lo được lo mất hiện ra hết thảy.

Lại như Lý-Thân làm bài thơ « nhà làm ruộng » rằng :

春播一粒粟
秋成萬裸子
四海無閒田
農夫猶餓死

« *Xuân bá nhất lạp túc,
Thu thành vạn lỏa tử.
Tứ hải vô nhàn điền,
Nông phu do ngã tử* ».

Dịch là :

« *Xuân vãi một hạt mầm,
Thu nên muôn hạt lỏi.
Bốn biển không ruộng hoang,
Kẻ cày còn chết đói* ».

Thôi-Quần cho là ngày sau sẽ làm đến Tế-tướng.

Vương-Nghi-Công ¹⁸⁸ có câu thơ (vịnh mai) : 雪中未論調羹事, 先向百花頭上開. « *Tuyết trung vị luân điều canh sự ; Tiên hướng bách hoa đầu thượng khai* » ¹⁸⁹. Dịch là : « *Ngon canh việc ấy ban canh ; Hãy xem trong tuyết nở đầu trăm hoa* ». ¹⁹⁰

Lữ-Công bảo rằng :

- Đứa nhỏ này đã nắm chắc cái Trạng nguyên và Tế tướng.

Đến khi đi thi làm bài phú « Loài vật hỗn nên » (物混成) được Dương-Úc khen rằng có tài vương tá. Nay xem phú có câu như : 得我之小者散面為草木, 得我之大者, 合而為山川. « Đắc ngã chi tiểu giả, tàn nhi vi thảo mộc ; Đắc ngã chi đại giả, hợp nhi vi sơn xuyên ». Nghĩa là : « Được (khí) bé của ta, tan ra làm cây cỏ ; Được khí lớn của ta hợp lại làm núi sông ».

Ngữ khí như thế người thường không thể kịp được.

Văn đối sách của Văn Tín-Công được Vương-Ứng-Lân khen lòng trung như sắt đá. Văn của Trương-Vương-Linh và Vương-Công-Cận thì Vương Sư-Đán, chê là khinh bạc. Văn của Vương Dương và Lô Lạc thì Bùi-Hanh-Hiểm biết không phải là đồ dùng dài.

Thơ Lý-Viễn có câu : 長惟遺日一居棋 « Trường nhật duy tiêu nhất cục kỳ ». Nghĩa là : « Ngày dài chỉ tiêu khiến một cuộc cờ ». Vua Tuyên-Tông bảo rằng không nên dùng.

Lê-Quát ¹⁹¹ có bài thơ đưa bạn :

驛路三千君據安,
海門十二我還山。
朝中使者天邊客,
君得功名我得閒。

« Dịch lô tam thiên quân cứ an.
Hải môn thập nhị ngã hoàn san.
Trung Triều sứ giả yên ba khách

Quân đặc công danh ngã đặc nhân ».

Dịch là :

*« Dặm thẳng ba ngàn anh thẳng ngựa.
Mười hai cửa biển tở về ngàn.
Người vui mây sóng người đi sứ,
Anh được công danh tở được nhàn ».*

Thức giả biết ông sẽ quý hiển.

Câu đối của Mạc-Đĩnh-Chi : *« Trăng là cung sao là đạn »*
月弓星礮. Người ta biết con cháu về sau sẽ có kẻ cướp nước.

Đàm-Thận Huy ¹⁹² ngồi cùng học trò, ra một câu khẩu
chiến : 雨無鉗鎖能留客 *« Vũ vô kiềm tỏa năng lưu khách ».*
Nghĩa là : *« Mưa không có kim khóa hay mà giữ khách lại ».*

Nguyễn-Giản-Thanh ¹⁹³ đối là : 色不波濤易溺人 *« Sắc bất
ba đào dị nịch nhân ».* Nghĩa là : *« Sắc không có sóng tố
mà dễ đắm người ».* Bị Đàm chê là phóng đãng.

Nguyễn-Chiêu Huấn ¹⁹⁴ thì đối : 月有彎弓不射人 *« Nguyệt
hữu loan cung bất xạ nhân ».* Nghĩa là : *« Trăng có vòng
vung chẳng bắn người ».* Đàm biết là người có nhân.

Tuy là một nghề văn-chương mà nhân phẩm hơn kém,
tiền trình lợi bất lợi, đủ thấy đại lược, chỉ vì nổi người ta
không tự biết mà thôi. Cho nên làm thơ văn phải lấy ôn
hậu, hòa bình làm chủ mà kiêng những câu phù bạc lãnh
đạm. Tập làm những câu ôn-hậu hòa bình thì đào dưỡng
được linh tính dần dần đến thuần thực ; tập những câu phù
bạc lãnh đạm lâu rồi quen tính không biết lấy trung hòa để
nuôi khí thì sự lầm lạc càng xa lìa mãi.

(Tri) phủ Tư-Nghĩa (Quảng-Ngãi) trước là Văn (mỗ) kể chuyện một lần ông tới nhà quen là một nhà tấn thân ¹⁹⁵ chủ nhà đi vắng, người vợ ra cửa đón mời vào nhà. Đang lúc nắng nực, rót nước chè pha gừng thiết khách, Văn khen phong vị khá ngon. Người đàn bà nói :

- Khi khao khát thì nước gì cũng uống được.

Nhưng cổ nhân có nói :

- Trên giường để củ củ (la-bạc) dưới để gừng, mùi què vẫn không xấu.

Ông hỏi :

- Câu ấy ở sách nào ? « Ra ở sách Cừ hoang ¹⁹⁶ Xin cắt nghĩa cho nghe.

- Người ta nhờ ngũ cốc để nuôi tính mệnh, năm mất mùa ngũ cốc không đủ, phải ăn củ rau lá cây, dạ dày và ruột không quen, dễ sinh bệnh, cho nên buổi mai ăn gừng để khai vị, đêm ngủ ăn củ củ để cho dễ tiêu.

Văn rằng :

- Xưa ông Hình-Thiệu có nói : « *Sách trong thiên hạ học đến chết cũng không hết* » là phải lắm.

Không gì hay bằng biết đổi lỗi. Phí-Mành đời Trần làm quan Yên phủ (sứ) ở Diễn Châu (Nghệ-An) vì hối lộ bị tội. Sau khi phục chức lại được người khen rằng : « *Quan Yên phủ Diễn-Châu trong như nước* » Cái thân con người trước sau tính hạnh khác nhau, nên chỉ người quân-tử quý về chỗ thấy thiện thì theo, có lỗi thì đổi.

Ngự-Tôn nói : « *Nết kiệm là cốt của đức* ». Trái xem từ khi có thiên hạ quốc gia ai cũng kiệm thì được, ai xa xỉ thì mất. Lấy vua mà nói : ông hưng được nước thì thêm đất nhà sàng, ăn nhịn mặc xấu ; ông mất nước thì nhà cao tường chạm đèn ngọc, đài vàng. Cho nên đường hoa đá vẽ của nhà Hồ, điện lớn trăm gian của nhà Lê đều làm ra mà không ở. Lấy nhân thần mà nói : Dương-Chấn ¹⁹⁷ để thanh bạch cho con cháu mà sau đời đời làm quan lớn, hơn 700 năm không ra khỏi làng mà lắm kẻ quý hiển mà hang vàng (kim-cốc) của Thạch-Sùng ¹⁹⁸, (nhà) Yến Nguyệt của Lâm-Phủ ¹⁹⁹ đều không kịp đến thân. Bởi vì đã xa xỉ thì tiêu câu, bậc trên phải góp lờm nặng để cho nhiều của, kẻ dưới phải tham hối để hại người, nước không có lợi, nhà thì trộm cướp, chuốc lấy lời oán, bấp vào lưới hình, đều tự mình mang lấy. Phương chi « vật đã đầy thì nghiêng » là lẽ tất nhiên. Đời Thiên-Bảo nhà Đường ²⁰⁰ nhà cửa ở kinh sư làm rất nguy nga xa-xỉ, thức giả cho là ma cây (mộc yêu). Trong đời Hàm-Thông ²⁰¹ Đỗ-Vĩnh-Dụ làm quan Phàn ở quán Hoảng-Văn cùng đồng liêu là Vương Đạc thưởng hoa mẫu đơn ở trong quán.

Đỗ bảo ông kia rằng :

- Quán này nếu cho người không hay ăn chơi ở thì chỉ một gian thôi, mà nay tráng lệ thế này ông nên biết không bao lâu nữa sẽ ra tro bụi.

Nhà Lê sau khi trung hưng, những nhà quyền-quý thế lực, võ quan, v.v... thường có kẻ xa hoa vượt ra ngoài lễ tục. Một nhà Ngô-Cảnh-Hựu ²⁰² ăn ở cứ theo pháp độ, đời đời

làm đến Công hầu, không có thể lực lừng lẫy gì khác, hơn hai trăm năm con cháu đông đúc. Gần đây thì thấy họ quan Hiệp điện đại sĩ Nguyễn-Khoa-(Minh) ²⁰³ làm đến quan lớn đã vài đời, con cháu trong họ áo mặc đều là vải thô cả. Lại thấy vài ông quan lớn trong nhà có vài mươi người, ăn béo mặc tốt, không cày mà có cơm, không dệt mà có áo, rồi bị khuyh bại ngay, có người dỡ nhà được kim cương từng bấc, xa xỉ càng tợn thì vạ càng mau là thế.

Giặc Trát ²⁰⁴ bị thua (còn) vài kỵ mã chạy trốn về phía bắc, chưa ai biết cả. Ăn cơm ở nhà quan Đại-Nại (Hà-Tĩnh) rồi ỉa vào trong cối giã gạo bị bà chủ quán nạt cho, phải nhịn nhục từ tạ mà đi. Bởi vì họ không bao giờ biết cái cối giã gạo vậy. Nhãn-Chỉ-Thời nói : Bọn triều sĩ ở Giang Nam, tám chín đời không có ai làm ruộng, chỉ cậy vào bổng lộc mà ăn, nếu có nữa thì cũng sai tô tư làm cho, chứ không bao giờ đi xem vỡ một đám đất, cấy một bụi lúa, không biết tháng nào vãi giống, tháng nào nên gặt, thì biết gì đến việc đời. Cho nên việc quan không trị xong, việc nhà không liệu nổi, đều là lỗi ở sung sướng nhàn hạ. Đại loại như thế cả.

Quan quân lúc đầu đánh giặc Khôi đi đến trạm Thuận-Biên nghe tin giặc đã chiếm giữ Biên-Long, bèn theo đường tắt, đi cả đêm đến một bãi hoang, nằm nghỉ giữa đồng không có nước, quân lính không được đốt lửa. Sớm dậy kéo đi chưa được ăn, gặp giặc bèn đánh. Đến giờ tỵ, quan quân nhiều kẻ khát nước, có người phải vào làng xin uống. Dân làng tranh nhau đưa cơm nước ra.

Đang lúc ngồi trên ngựa vừa ăn vừa cầm quân, Bình-Thành-Bá tự nhiên rơi nước mắt nói :

- Tôi thở bé mất mẹ, nhờ bà nuôi cho. Hồi 6, 7 tuổi trong nhà tạm đủ ăn, nhưng thường cho ăn cơm nguội, uống nước lã, và bảo nuôi trẻ phải nên như thế, chớ có cho ăn sung sướng quen miệng và dạ, nó rồi lớn lên có gặp việc gì khó nhọc, thì những món cơm hút không thể chịu nổi. Bây giờ lại thêm cảm nhờ đến lời dạy (của bà tôi).

Liễu-Tần dạy con rằng :

- Con nhà phú quý, học phải thêm chăm, làm phải thêm gắng, mới sánh với người ta được chút đỉnh. Nết tốt tài thiệt người ta chưa hẳn đã tin mà có tí vết gì một tí thì người ta chỉ trích liền.

Câu nói ấy đủ khiến người phải động lòng mà hết sức tu tỉnh. Cuối đời Lê ở Hà-nội có họ Đàm làm quan Định tư²⁰⁵, tước đến nhất đẳng. Sau khi chết rồi, con chỉ cờ bạc chơi bời đến nổi dỡ nhà thờ và lấy gạch đá ở trên mộ bán để ăn tiêu, lại toan đánh tiếng cải táng để lấy của trong huyết, vừa bị mắt mù lại thôi. Gần đây lại có một nhà thuộc dòng quý thích quan đến nhất phẩm, tước hầu, phủ đệ rộng rãi xa xỉ, của cải lại nhiều chết chưa được vài năm mà con bán sạch nhà cửa, đem thần chủ bỏ dưới gốc bồ đề ở bên sông trong vườn nhà thờ. Con nhà phú quý, không chăm nghề nghiệp, làm nhục đến cha ông, rất đáng sợ vậy. Nhưng đó không chỉ một tội của con thôi.

Truyện có nói : « *Mình ở không có đạo thì « hạnh phúc » không đến được con em* ».

Lại rằng : « *Của lấy trái nghĩa mà vào thì cũng trái nghĩa là ra. Chứa điều thiện hay bất thiện ắt từ buổi đầu* ».

Đỗ-Hoàng-Thường nói với Lư Thản :

- Đứa con nhà ấy, chơi với người ác, sao chẳng xét kỹ.

Lư-Thản đáp :

- Đại phạm làm quan thanh liêm, dẫu làm đến quan to cũng không chứa nhiều của. Còn những người hay chứa của làm giàu phải bác tước của dân mới được. Nếu con cháu khéo giữ, ấy là trời cho nhà bất nghĩa làm giàu, bất nhọc xô thứ bất nghĩa ấy ra cho người ta.

Câu nói ấy tuy là tựa như trào phúng, hiểu ra cũng đủ làm răn cho đời.

Cây tài khinh người, cỏ nhân đã lấy làm răn. Cuối đời Lê, có Phạm-Vĩ-Khiêm văn tài phú lệ, hạnh Giám thượng đậu đầu, tiếng tăm vang dậy. Có Đoàn-Văn-Tuấn là con (Đoàn-Nguyễn) Thục ²⁰⁶ mới tới hạch Giám lần đầu mà đậu đầu, Phạm chịu thua ở thứ hai, nhưng chưa biết mặt. Đến lần sau, đã nộp quyển rồi mà chấm chưa xong, Đoàn gặp Phạm ở giữa đường Bấy giờ người sau này đã làm Tri phiên có kiêu long và lính hầu. Đoàn vòng tay đứng ra bên đường rất cung kính. Phạm dừng lại hỏi.

Đoàn thưa rõ tên họ. Phạm nói :

- Con đây à ? Ta thẹn không được biết nhau cho sớm.

Lại hỏi :

- Kỳ hạch này có hơn ta nữa không ?

Đoàn gọi Phạm bằng chú, bèn đáp :

- Cháu có dám sánh với chú đâu, chẳng qua nhờ trời gặp may đó thôi !

Phạm lại hỏi :

- Quyền của con có câu gì hay ?

- Quyền cháu có câu : 公孤之國昆第之邦弟 Công cô chi quốc ; Côn đệ chi bang. Bảo đệu đầu nữa là lầm.

Bởi vì đầu bài hỏi phép phong kiến nhà Chu nhà Hán 周漢封建 Phạm nói :

- Con gắng gọi lấy. Thiệt đáng gọi rằng hậu sinh khả úy vậy.

Phạm-vĩ-Khiêm đi thi Hội, đến trường cuối, ngồi gần lều với Phạm-Quý-Thích. Người sau này tuổi chừng 20, Vĩ-Khiêm thấy nhỏ, khinh lắm.

Đến trưa, Quý-Thích toan nộp quyển ra trước, Vĩ-Khiêm còn ngờ người kia làm không nổi mới lấy quyển xem, rồi kinh hãi mà rằng :

- Tí nữa ta lầm, không ngờ được chơi với một người bạn vong niên. Dầu thế, người còn trẻ nay hãy nên nhường ta đã.

Quý Thích thưa rằng không dám. Khoa ấy trên bảng Hội và bảng Đình, Quý Thích đều đứng liền dưới Vĩ-Khiêm.

Người sau này nói chơi rằng :

- Tí nữa thì ta bị đưa trẻ đè đầu.

Buổi quốc sơ có Cao-Huy-Diệu ²⁰⁷ văn chương mẫn tiệp. Ông làm Tri phủ Quốc-Uy, có Trần-Bá-Kiên ²⁰⁸ làm Tri-phủ Tam Đài (đều thuộc Sơn-Tây) hai người gặp nhau ở Bắc-Thành.

Trần ra câu đối :

- 文章致位兩府 « Văn chương trí vị lưỡng phủ », nghĩa là : « Nhờ Văn chương làm đến cai tri hai phủ ».

Cao đối tiếp khẩn :

- 兄弟分仕三國 « Huynh đệ phân sĩ tam quốc », nghĩa là : « Anh em chia ra làm quan ba nước ».

Quan Tổng trấn ²⁰⁹ nghe tiếng Cao làm mau nhân ban đêm ngồi chỉ cây nến mà ra câu đối :

- 風吹蠟燭, 半邊流, 半邊留 « Phong xuy Lạp chúc, bán biên lưu, bán biên lưu », nghĩa là : « Gió thổi ngọn nến nửa bên cháy nửa bên ở lại ».

Cao liền ứng khẩu :

- 地措針盤, 一頭指, 一頭止 « Địa thước châm bàn, nhất đầu chỉ, nhất đầu chỉ », nghĩa là : « Đất đặt địa bàn một đầu trỏ, một đầu dừng ».

Ứng khẩu mau mẫn đại loại như thế. Ông làm văn thi lập tứ rồi cầm bút viết không nghĩ. Hồi chữa làm quan, bài hạch ở mấy trường học thường được đầu rất có tiếng ở Bắc-thành. Lê-Hân bắt đầu đến phủ Hoài-Đức kiểm chỗ để học, chưa giao thiệp với học trò ngoài này. Một hôm các ông thầy già hỏi học trò lại hạch thử. Lê làm... của con chủ quán, lại

cùng chắm quyền với Cao. Rọc phách, chắm quyền xong, đến khi hợp phách vào thì con chủ quán ấy đập đầu. Khi biết nhờ Lê gà cho. Cao mới thán phục. Lê cũng lấy đó làm tự phụ. Sau đi chơi ở Bình-Chính (Quảng-Bình) gặp Trần-Ngọc-Quán Cai bộ Quảng-Đức ²¹⁰, có tang vợ ở nhà, Lê vào phúng, ban đầu có ý khinh Trần.

Vào đến nhà thấy câu đối treo đầy cột đã xé bỏ gần hết chỉ còn một... nhận được qua loa rằng :

- « *Cơ hàn như ảnh một tùy thân* », nghĩa là : « *Đói rét như bóng chết theo thân* ».

Sau khi ra, Lê bảo với người khác rằng :

- Kẻ danh sĩ vẫn không phải là hư sĩ, tôi chịu thua xa.

Nguyễn-Trọng-Vũ lúc đầu ở Đan-Hải (Hà Tĩnh) chơi với mấy người làm thơ, ngày cứ ngâm vịnh luôn. Bùi-Tồn-Trai đưa thơ răn có câu :

吟題感寓詞人耳
機見真儒古已還

« *Ngâm đề cảm ngụ từ nhân nhĩ,
Kỷ kiến chân nho cổ dĩ hoàn* ».

Dịch là :

« *Ngâm nga cảm hứng người thơ phú,
Nào thấy chân nho có mấy ai ?* »

Đỗ-phủ có câu thơ : 將詩莫浪傳 « *Tương thi mạc lãng truyền* », nghĩa là : « *Làm thơ chớ đem truyền bậy* ».

Dương-Quán 楊館 làm văn không đưa cho người khác xem. Ý cũng đã rõ như thế. Văn của Phan Cử²¹¹ cũng mẫn thiệm, cầm bút thì viết ngay, vì hay làm thơ chơi ở nơi công phủ mà sau bị hãm vào tội.

Cuối đời Lê có Đặng-Trần-Côn²¹² với Dương-Huân đều có tiếng hay văn, lại giỏi lối phú tám vần. Đặng làm đến vài ngày mới xong còn Dương thì hạ bút viết không chừa chữ nào. Làm ra một bài, chúng đều truyền tụng, người ta ví với Trần-Vô-Dĩ²¹³ và Tần-Thiếu-Du²¹⁴ Có lần cùng làm bài phú « *Tiếng kêu cửa đêm tuyết* »²¹⁵. Vần thứ hai cùng làm rằng : 無情私弟, 方開點點之更, 已鎖門, 忽聽聲聲之叩. « *Vô tình tư đệ, phương nhàn điểm điểm chi canh ; Dĩ tảo chu môn, hốt thính thanh thanh chi khấu* ». Dịch là : « *Nhà riêng vô tình, canh vừa dứt thì từng hiệu trống ; Cửa son đã khóa, tai thoắt nghe văng vẳng tiếng kêu* ».

Cả hai người đều in như nhau không sai một chữ. Đến vần thứ tư Đặng làm rằng : 堂陞席間談笑, 酒食之妻嫂亦聞, 乾坤杯裏經營韓翠山之何慾動. « *Đường bệ tịch gian đàm tiếu, tửu thực chi thê tẩu diệc văn ; Càn khôn bối lý kinh dinh, hàn thúy chi sơn hà dục động* ». Dịch là : « *Cười nói trên giường đường bệ, rượu cơm vợ thím từng nghe ; Kinh dinh trong chén càn khôn giắc ngày giang sơn muốn dậy* ».

Mà Dương thì làm rằng : 堂分叔嫂重安之坐轉溫, 圖擲幽燕千古之仇思雪. « *Đường phân thúc tẩu, trùng yên chi tảo chuyển ôn ; Đồ chỉ U yên, thiên cổ chi thù tư tuyết* ». Nghĩa là : « *Nhà ngăn chú thím, giường hai lần nệm càng êm ; Đồ trở U Yên, thù ngàn năm xưa phải rửa* ».

Một người phải chấp bóng mới xong, một người làm trong giờ hạch đều có câu hay cả. Đặng có làm bản Chinh phụ ngâm có ý... họ Trịnh toan đánh miền Nam. Thường tự cho mình hơn Dương, nhân thi hơn kém ra đầu đề (bài phú) : « Kỳ lân chơi vườn Uyển-Hữu 麟游苑囿, hẹn mỗi câu phải có một tên loài vật. Đặng cấu tứ chưa xong, thấy Dương đã viết : 龜猶蛰沫馬不出河, 緬彼有雄之世邑于涿鹿之阿. « Quy do trập Lạc ; Mã bất xuất Hà ; Diễn bi Hữu-Hùng ²¹⁶ chi thế ; Ấp vu Trác-Lộc ²¹⁷ chi a ». Nghĩa là : « Rùa còn nấp ở sông Lạc ; Ngựa chẳng ra ở sông Hà ; Nhớ đời vua Hữu-Hùng ; đóng đô ở gò Trác-Lộc ».

Liên phục tài nhanh. Cuộc thử ấy liền bãi.

Phan-Kính ²¹⁸ và Nguyễn-Huy-Oánh là người một làng, thuở trẻ làm bạn với nhau. Phan đậu cấp đệ trước. Còn Nguyễn đậu ở trường thi Hương rồi bỏ học về làm thầy cũng không thi nữa. Phan khuyên mãi không được bèn tuyệt giao, gặp ở đường cũng không chào hỏi. Làm thế để khơi mối giận của Nguyễn. Người này đổ tức về học lại, sau cũng đậu cấp đệ. Bèn lại làm bạn như cũ.

Phan-Bảo-Định ²¹⁹ làm Tế tửu tư kể rằng : mình lúc bé học rất tối. 18, 19 tuổi mà học một ngày không thuộc 20 hàng, đọc đến trăm lần mới nhớ. Nhưng chỉ có ngày nguyên đán và ngày trử tịch mới nghỉ còn nữa không ngày nào là không học, sau đậu Tiến sĩ. Mới biết người ta chỉ sợ không chăm học chứ không sợ tư chất tối.

Nguyễn-Văn-Quế làm quan Trấn Phủ-Yên, mời Bùi Văn-Lý ²²⁰ đến dạy nghĩa sách. Đến khi Nguyễn đổi vào coi đội biên hình ở Gia-Định nói điều dở của Bùi. Người này bèn nói thí dụ việc Phùng-Mông ²²¹ xưa. Quế đỡ thẹn.

Hồi quốc sơ có Quận công mỗ ²²². coi quân đội, làm Tổng trấn Gia-Định. Khi về cai trị tỉnh nhà, lo sửa sang làm quán, đền ơn trả oán, hay bắt dân làm những công việc không hở. Một hôm, về nhà ở huyện Vĩnh-Yên (An-Giang), lính hầu cũng ít, bọn ác hiệp lại cướp và hỏi đã chưa chưa ? Quan ta phải xin xỏ từ tạ họ mới được thả. Từ ấy có dẹp bớt.

Nguyễn-Du ²²³ làm Hữu tham tri bộ Lễ, ngày đi sứ Tàu, qua Nghệ-An vào yết kiến quan huyện, huyện mình (Nghì-Xuân). Quan Nguyễn đang đứng trước thềm. Quan hỏi là ai ? Nguyễn nói rõ họ tên. Quan chào mời vào ngồi bên khách bên chủ. Uống trà xong, Nguyễn ra, nói với người khác rằng : « *Người này hơn ta* ». Từ đó rất kính trọng quan huyện. Xưa, Lưu-huyền-Tá thấy quân qua huyện nhà là Khuông-Thành muốn hầu quan như lễ một dân làng với quan huyện nhưng quan từ chối mãi không dám nhận. Lưu thở than lấy làm giận chề là ngu hèn.

(Tư-Mã) Tương-Như về đến đất Thục, quan huyện mang tên nó đi trước, tự lấy làm đặc ý. Khí lượng con người ta kẻ hơn người kém vẫn như thế. Nhưng lại có kẻ vốn là quan cũ, giận người ta không ở dưới mình, mới hãm hại người như Đỗ-Vĩnh-Du đối với Tần-Khuông-Mưu. Ấy tài kém hơn nữa.

Hoàng-Quỳnh hay khôi hài. Ngày làm Tham biện Ninh-Bình qua phủ Hà-Thanh ²²⁴ (Hà-Tĩnh) nghỉ ở trạm gần phủ, lấy thẻ phiên bồi trắng viết mấy chữ lớn rằng : « *Có cơm rượu dọn tiên sinh xơi* » 有酒食先生 ? Rồi bảo phu trạm cầm vào phủ. Quan phủ thấy liền giết lợn làm cơm vừa Quỳnh đến, quan phủ ra đón ngoài cổng phủ. Họ vẫn chưa quen biết nhau. Ngồi xong quan phủ ra trước lạy, Quỳnh đứng dậy từ chối, mời ngồi nói chuyện khi cơm bưng ra.

Quỳnh cười rằng :

- Ông chủ vì có khách phải giết lợn ư ?

Quan phủ từ tạ một cách khiêm tốn. Đến khi từ giã, quan phủ đưa ra đến ngoại thành, Quỳnh chào bảo trở lại.

Thấy quan Phủ còn dùng dằng chưa trở về, mới hỏi :

- Quan phủ có biết tôi là ai không ?

Đáp :

- Tôi là kẻ hậu sinh, xưa nay vẫn chưa được hầu ngài.

Quỳnh trả lời :

- Tôi là Hoàng-Quỳnh đây.

Rồi cười to lên mà từ biệt.

Phủ doãn Nguyễn-Công-Trứ giỏi bốn cột Lúc làm Tuần vũ An-Giang ²²⁵ có lỗi bị đòi về kinh. Lúc đi qua Bình-Định có ghé vào nhà viên Huấn đạo Tuy-Phước là mỗ cũng người Nghệ. Người này ra chào hỏi trò chuyện hỏi đi đâu lại. Nguyễn đáp là người Nghệ làm Tri huyện trong Hà-Tiên bị giáng về bộ đơi mệnh.

Ông Huấn lưu lại nghỉ, nhân hỏi :

- Ngài ở trong Nam về có biết cụ Tuần An-Giang họ Nguyễn có mạnh giỏi không ? Năm ngoái cậu con vào thăm ngài, có ghé vào nhà tôi nghỉ đêm, hẹn năm nay về lại vào đây, sao đã lâu chưa thấy ?

Nguyễn trả lời :

- Quan Tuần Nguyễn tuổi đã già gần đây đầu yếu luôn, còn cậu con trai nghe nói đã đập mảnh ra bã rồi.

Hôm sau, quan huyện Tuy-Phước giỗ, sang mời ông Huấn, người này chối rằng bận khách, ông huyện sai bưng cỗ tới. Đến khi sắp ra đi, Nguyễn bảo ông Huấn rằng :

- Thấy ông thiệt thà không nỡ nói dối, tôi là Nguyễn-Công-Trứ đây !

Ông Huấn vội vàng sụp lạy. Ông Huyện nghe nói cũng tới lạy chào. Nguyễn đứng dậy từ chối rồi mời cùng ngồi. Hai ba lần mời mà họ vẫn không dám. Ông ta nói :

- Lẽ thường không biết nhau thì không ngồi với nhau. Lúc trước hai ông không biết tôi mà còn ngồi với tôi, nay biết nhau rồi, không ngồi sao được.

Đoạn rồi qua tỉnh, có viên huyện lại đi theo, thuật chuyện với người đồng tọa ai cũng cả cười.

Đời Lê, Nguyễn-Văn-Giai làm Thượng thư năm cả 6 bộ. Sau khi hết tang vợ, ra kinh phục chức, đi qua làng Bồng-Bào ²²⁶ người làng đang nhóm họp. Nguyễn bận áo tang nón lá đi qua. Làng ấy vốn là quê Trịnh-Tùng dân rất tự kiêu bèn ra đón đường bắt tội vô lễ. Nguyễn cũng từ tạ không

biết lệ làng cấm người ăn mặc đồ tang đi qua. Sau rồi họ mới biết là Nguyễn-văn-Giai bèn rạp lạy xin lỗi. Xưa nhà Tống có Đỗ-kỳ-Công tên là Diễn khi thôi tể tướng về làng không hay đội mũ mang đai. Một hôm ra ngồi ở quán Phủ Hà-Nam, bận áo thâm đội mũ thường, vừa quan Phủ đi ra, lính hầu không biết đó là Tể tướng ngày trước, thấy không đứng dậy chào, bèn lên tiếng to hỏi :

- Túc hạ trước làm quan gì ?

Đỗ đáp se sẽ :

- Đồng trung thư môn hạ Bích chương sự.

Châu-Quắc-Khả kể chuyện và chép lại việc ấy có nói :

- Chỗ khách và chỗ tiệc không quen biết nhau thì phải tự xử ra lỗi ti hạ, không nên nói chuyện bậy và hỏi tên họ người, vì sợ đối với con em người ta nói tên cha anh họ, có khi bị tai bay vạ bốc đến mình.

Người đời xưa có nói : « *Làm quan cũng tựa như đọc sách, có chậm mới tốt* ». Nguyễn-Trung-Mậu ban đầu làm Tri-huyện đến 12 năm không được thăng, trong triều thì không quen ai cả. Sau khi được làm Viên ngoại lang bộ Hộ, không đầy 10 năm, lên đến Chính khanh. Người ta làm quan, kẻ mau người chậm đã có định phận không nên có một tí gì ý riêng để lên cho mau.

Ngô-Nhân-Tĩnh làm Hiệp trấn Nghệ-An. Đến nhậm được một tuần, tình cờ qua trường để tre gỗ, thấy tre chia làm hai đồng, bèn hỏi người thu tre vì sao ?

Người ấy thưa rằng :

- Đồng này hạng tốt dùng được đã chọn rồi thu vào đó, còn đồng kia không dùng được nên loại ra.

Ông cười rằng :

- Mà ý phân biệt tre nhĩ ! Của dân góp lại nộp đây không ai được loại cả.

Lập tức tước ngạch người ấy. Từ đó các viên lại đều sợ không dám làm khó dễ để sách nhiễu nữa.

Bình-Thành-Bá nói lúc trước ông ở bộ Binh, một hôm đang trưa ngồi một mình ở công thự, có một người với tên đầy tớ đội một cái thùng tre vào, trong có ít món đồ chơi, tự nói đưa bán. Xem ra thì cái nào cũng rất tinh xảo. Trong mấy món đồ ấy, ông chỉ để ý có một cái nghiên.

Hỏi giá thì người ấy nói :

- Quan lớn vừa ý, xin ngài lấy dùng, giá nó cũng không bao lăm.

Hỏi lại thì nó bảo hai lượng. Ông toan gọi người nhà lấy bạc trả, trong bụng có ý ngờ về chỗ giá rẻ. Bỗng người ấy ngảnh ra ngoài cửa, rồi có một người cầm đơn khúm núm vào quỳ ở sân. Ông mới biết là tên lính xin người thế chân lập tức đuổi ra cả. Vài ngày sau trong buổi triều hội, thấy người nọ từ xa nhìn ông mỉm cười. Bình-Thành-Bá lại nói :

- Cổ nhân sở dĩ cẩn thận từ cái vi ỉn, cũng giống như việc này.

Thiệu-Trị năm dần (1841), tôi ở bộ Lễ xét việc năm kỷ mao đời Gia Long (1819) trong giấy tờ cũ không thấy chép, nhân hỏi Hoàng Đăng-Thận. Ông nói :

- Đang hồi tôi làm chức Tiểu hiệu, đêm ngày 19 kinh thành ra lệnh giới nghiêm, canh năm nghe lầu Đao-Môn đánh trống. Sáng hôm sau bày đồ lễ bộ thư nghi lễ triều đình buổi đại hội mới biết ngay các quan tra khảo chế độ. Tuy việc làm lần đầu mà rất có thứ tự.

Năm đầu đời Thiệu-Trị, Hiếu-Tổ Chương Hoàng-đế lên ngôi làm lễ yết miếu xong, sai quan đầu bộ tìm điển cũ vua trước. Tìm đến vài ngày ai cũng bảo không có cái việc sai, quan cáo yết. Hơn một tuần sau bỗng tra lại giấy cũ được bản văn cáo chúc và chú thích nghi lễ. Mới biết bất cứ việc gì, phải cho rõ ràng kỹ lưỡng, chớ có khinh xuất nghe người ta nói.

Năm trước, trấn Nghệ-An sửa lại sổ bộ, có một làng gọi là làng Vân-Thai, quan Trấn nghe nói đông dân bắt thêm đinh, thêm ít không cho, phải thêm theo số đã định. Giam tra đến mấy ngày, lý trưởng làng ấy chịu không nổi, mới lấy những chữ như : « *Nguyên, hanh, lợi, trinh, nhân, nghĩa, lễ, trí* » làm tên, trước bậ vào sổ. Nộp xong rồi người làng liền dắt nhau đi trốn, đến nay chưa phục hồi.

Phủ Hà Thanh năm xưa, có một án mạng. Nguyên chức dịch làng kia tới cáo với lính bổ biên ²²⁷ rằng làng nó có một người thông với giặc. Cả đêm lính tới học bắt giải về. Đọc đường, ban trưa thì nó chết. Bổ biên sợ bèn đâm cái cây cho có thương tích rồi tới báo phủ nói nó chống cự quân lính bị thương nặng mà chết. Quan phủ sai viên Lại tới khám biên, cây chết ấy có 8,9 vết thương, có dấu trí mạng. Đứa con gái người chết kiện rằng cha nó không có tội gì, bị lý

dịch dẫn bồ biền về bắt càn rồi đâm chết. Tra người chết khi trước chưa từng can án, lý ứng bắt tội bọn bồ biền, nhưng vì nó bị hương đảng ghét nên cứ dùng dằng chưa làm án.

Để mãi cho đến khi Tri phủ Dương-Văn-Kiều xét tiếp án ấy cũng lấy làm nghi, bèn hỏi đứa con gái người chết rằng :

- Họ đã đâm cha mày giải về, thì sai người gánh hay bắt đi bộ ?

Nó đáp :

- Đi bộ.

Lại hỏi :

- Dọc đường nó có cho cha mày ăn uống gì không ?

- Tôi cho cha tôi ăn.

Ông bèn đòi bọn bồ biền cật vấn rằng :

- Nó đã bị thương nhiều, há lẽ nào lại đi bộ được.

Bồ biền cứng họng phải thú thiệt.

Lại hỏi :

- Sau khi ăn rồi nó làm bộ dạng thế nào mà chết ?

Đáp :

- Nó ọe mửa một chốc rồi chết.

Bèn tra lại, quả nó bị trúng độc và chết rồi mới bị thương, án ấy mới rõ.

Hồ-Thức Tường làm Tri châu Bồ-Chinh có cái án giết người, hung phạm trốn mất không bắt được. Hồ lo sợ thuê người đi tìm. Người ấy đi theo thuyền buôn tình cờ vào Hà-

Tiên, đêm ngủ ở quán, chiêm bao thấy có người báo cho rằng : « *Cái đũa mà mày tìm nay nó bận áo đen đang ngồi trên bờ sông một bên thuyền* ». Giật mình tỉnh dậy, quả thấy có người bận áo đen đang sửa thuyền cho người ta. Bắt thì đúng.

Hiệp biện họ Hà có nói khi ông ta làm Tri phủ Hoảng-Yên ²²⁸ có khám một cái án giết người. Tên giặc đã chịu thú hết cả. Đưa cây đao giết người ra mài sáng rửa sạch bảo nó chỉ vào chỗ có rây máu giết người, theo phép nung đỏ lên rưới giấm vào thì máu tươi theo chỗ đó phun ra. Tên giặc cúi đầu nói rằng :

- Nay mới biết có đạo trời. Đây không phải chính cây đao giết người, chẳng qua nói láo để mong nó đừng nghiệm, may ra mà khỏi tội. Nay đã như thế thì chết còn chối gì nữa.

Nó lại thú chỉ đích thiệt cây đao giết. Dem ra thí nghiệm cũng như thế.

Trong năm Minh-Mệnh, tỉnh Hưng-Yên có tên dân thưa rằng đũa con nó làm thuê cho người bị giết chết. Đến khi tra người chủ thuê thì nó tự thú là đánh chết rồi quăng thây xuống sông. Lại tra những người khiêng thây và những kẻ đồng cư thì chúng đều nhận như thế, chỉ có cái thây không thấy nổi, cho là theo dòng trôi mất. Án đã tư lên bộ, bộ cũng y, nhưng chưa thi hành. Người chủ thuê bồng cho người vào kinh kêu oan. Bộ bèn tư ra xét lại. Quan tỉnh không biết vì dân sinh xuất việc ấy, bèn đòi chủ thuê ra hỏi lại. Nó thưa rằng có đánh và la đầy tớ chứ không giết, chỉ vì

không thể tự mình biện lẽ được, cho nên phải nhận liều. Sở dĩ kêu tới bộ là để xin khoan hạn cho một tuần. Bèn bắt đi tìm, sau quả kiếm được đĩa ấy đang trốn làm đĩa ở giữ voi ở Nam-Định.

Tỉnh Gia-Định có cái án ăn cướp liên can đến một tên tẩn binh ²²⁹ là đồng lõa với cướp. Bắt tra thì tên lính thú hết. Án bộ đã y, tư ra sắp hành hình, nó mới van xin khóc kêu oan, bên tra hỏi lại thì ra nguyên nó thuê một người khác, đội tên mình đi thay, (một tên trong) bọn cướp ở tẩn ấy là người nó thuê. Lúc đầu nó không biết tội thuê người (đi lính thay) với tội ăn cướp nặng nhẹ thế nào, vì ngọn roi tra khảo bức bách nên phải nhận ầu.

Nguyễn-văn-Hiến làm Lang trung bộ Hình bị đau, trong lúc hoảng hốt thường thấy có ba người đòi mạng. Làm lễ kỳ yên mãi không thôi, sau không dậy được.

Năm bính-thân đời Minh-Mệnh năm (1836) có Thống chế Hồ-văn-Khuê làm Đề đốc tàu biển chưa về. Một hôm có họ Hà làm quan ở bộ Công nói khi đêm chiêm bao thấy ông Hồ xõa tóc chạy vào nhà ông Hà có ý vội vàng, thờ mãi không thôi, nói bị Trịnh-Đường đuổi bắt nhờ cứu vớt. Vài ngày sau, tàu ấy bị tố, Hồ cũng bị chết đuối. Việc này cũng giống với việc Điền-Đậu chép ở Sử-ký (tàu)

Xử việc có cái rất khó hiểu rõ. Ngày trước tôi ở Quảng-Ngãi có dân xã nọ nạp một tên phạm ăn trộm, và xét nhà nó được một cái ấn bằng gỗ khắc bốn chữ « *đốc chiến hành sự* ». Tra thì chủ xưng nó là một đĩa ăn trộm đã lâu, còn cái ấn thì chung quy nó không chịu nhận. Cách một tuần có

xóm bên cạnh xã ấy, đưa một người đàn bà góa tới. Người đàn bà ấy tự khai là cha nó trước theo nhà Ngụy Tây-Sơn làm chức Đốc chiến, cái ấn ấy là của nhà nó bị mất trộm. Trong bụng vẫn biết là không phải, nhưng cũng nghe cho.

Xã Đông-Lỗ có ông Tú Trương-Xuân-Dục có biết môn học xem sao. Tháng 8 năm ất dậu đời Minh-Mệnh (1825), sao Chổi mọc ở giữa sao Tất sao Sâm. Sau một tuần tôi cùng ông ta ngồi cả đêm, nhân hỏi sao Chổi đến kỳ nào thì mất và ứng vào việc gì ? Ông đáp :

- Độ 80 ngày nữa nó đi đến phía bắc sao Thiên-cương thì mất. Không đầy ba năm thì Vạn-Tượng bị mất nước, tỉnh Nghệ-An bị khốn về sự bắt lính.

Sau rồi quả đúng. Ông Trương mất rồi, hỏi người trong huyện thì không một ai biết cả. Hoặc giả nghề thuật số, bị người ta khinh bỉ, và tục hay kỵ húy, ví phỏng có kẻ biết chẳng nữa, không những không chịu nói mà còn không dám nói.

Mùa xuân năm canh thìn đời Minh-Mệnh (1820), Trương và tôi nhân gặp Nguyễn-Nghi-Trọng là người đồng huyện cùng ngồi. Trương nói :

- Sắp có dịch lớn.

Hỏi ông sao mà biết thì đáp :

- Trong gò lớn chứa thầy sáng giấp giới bội thường.

Nguyễn bảo :

- Ông biết gì được việc trên trời.

- Lúc bấy giờ tôi còn ít tuổi không hiểu ra sao. Sau cũng quả nhiên như vậy.

Khoảng năm Minh-Mệnh ở tỉnh nọ có Án-sát (mỗ) tâu vua xin bắt cắt cổ những tên phạm bị tội giảo. Có Bồ chính (mỗ) cũng tâu rằng con cháu nhà Lê thác vào ở tỉnh có nhiều kẻ trốn mất. Xin thử xâu tai để tiện sự tra hỏi. Họ đều bị Hoàng thượng cả mạng không cho. Người tỉnh Quảng-Nam mới đem tên họ hai người ấy đối nhau có câu : « *Xâu tai là ông Bồ... cắt cổ là ông Án...* » Sau ông Án nọ bị tội, chết ở ngục. Trần-Sùng dạy con xử án phải nhẹ tay, còn Âu-Dương Sùng-Công lại vì đưa tú cầu cho nó được sống. Người nhân đức dụng tâm như thế.

Cuối nhà Lê có một ông Cử tới đền Chân-Vũ để cầu mà năm mộng không thấy gì. Hôm sau toan đi, nhân năm nghỉ ở quán thấy một người đàn bà khá đẹp bèn thông dâm với, rồi không đi nữa mà trở về nhà. Đêm năm chiêm bao thấy thần đạp ở trên vai mà bảo :

- Ông Tiến-sĩ mới ! sao không nghĩ đến sự nối dõi à ?

Khoa ấy ông Cử đậu Tiến-sĩ làm đến chức Trấn, sau mất không có con.

CHƯƠNG III : VẬT LOẠI

Sách Vật lý luận ²³⁰ có nói : « *Ba loại đạo, lương, thức có đến 20 thứ* ». Nước ta loài lúa đạo có rất nhiều thứ, có thứ tẻ có thứ nếp.

- Từ Bình-Định ra bắc loài nó hai mùa tháng 5 tháng 10 khác nhau. Lúa tháng 5 thì mùa thu vãi giống, mùa đông cấy, đến xuân hạ thì lúa chín.

- Ở Bắc-kỳ có khi mùa đông bắc mạ, mùa xuân cấy, cũng đến hạ thì chín. Lúa tháng 10 thì mùa hạ bắc mạ, mùa thu cấy, đầu mùa đông thì chín.

- Tỉnh Quảng-Nam, Quảng-Ngãi lại có thứ lúa trì (trì đạo) tháng 8 tháng 9 cấy, cuối đông thì chín.

- Nam-kỳ chỉ có một mùa, hạ cấy đông gặt.

- Tỉnh Phú-Yên, Khánh-Hòa ruộng xen vào khe núi, bốn mùa đều bắc mạ và cấy được, lúa kế tiếp chín, chắc cũng không ra ngoài 20 thứ vậy.

Kê, bắp (lương) có thứ kê vàng kê trắng có thứ bắp to bắp nhỏ :

- **Kê vàng** (hoàng lương) to nhỏ có hai thứ : thứ to thì bông dài, lông nhiều, rất dẻo ; thứ nhỏ thì bông ngắn lông thưa không dẻo bằng thứ kia xứ nào cũng có.

- **Kê trắng** (bạch lương) giống như thứ kê vàng nhỏ. Tỉnh Nghệ-An, Cao-Bằng đều có.

- **Bấp to** (đại mạch) sản xuất ở Lạng-Sơn, so với thứ *bấp nhỏ* (tiểu mạch) mà các xứ hay trồng thì nó chỉ có rất ít, người ta không dùng làm lương thực.

Loài **đậu** (thúc) có 10 thứ :

- **Hoàng đại đậu** cây không cao lắm, lá có nhiều lông, hoa vàng mà nhỏ, vỏ kín mà bẹp, dài chừng một tấc, tục gọi là **đậu nành**, dùng để làm tương.

- **Hắc đại đậu** cây giây, lá hơi trơn, hoa biếc, vỏ tròn dài 5, 6 tấc.

- **Xích đại đậu** giống thứ đen mà hoa thì đen thắm, hai thứ này tục gọi là **đậu đũa**, có rất ít.

- **Bạch đại đậu** lại gọi là *đậu quảng*, cây giây bò lan, hơi ngắn, hoa vàng, vỏ dài 4, 5 tấc, hạt tròn lớn mà trắng.

- **Hắc tiểu đậu** giống hắc đại đậu mà nhỏ.

- **Xích tiểu đậu** cũng giống xích đại đậu mà nhỏ.

- **Đậu xanh** cây lá giống hoàng đại đậu mà nhánh thưa, lá rộng, hoa tía, vỏ dài hơn hai tấc khi non thì xanh, khi chín thì đen, hạt có thứ to thứ nhỏ, to thì thiệt xanh, nhỏ thì xanh thắm, người ta trồng rất nhiều, hể tán bột làm bánh ngâm giá đều dùng nó cả.

- **Đậu gạo bạc** giống bạch đại đậu mà nhỏ hơn.

- **Đậu đen** giống đậu gạo bạc mà hoa điểm xanh biếc, giữa dừn hạt thì đen.

- **Đậu ván** tức *biển đậu* hạt có thứ đen thứ trắng mỗi sắc giây và lá đều có một thứ to thứ nhỏ, to thì hoa xanh

biếc, nhỏ thì hoa trắng.

- **đậu đao** cây giây bò lan, hoa lá rậm rạp, hoa biếc vỏ dài 7, 8 tấc, rộng hơn một tấc, hạt bẹp mà to như vỏ hến.

Các thứ đậu ấy từ Thừa-Thiên ra bắc, mùa xuân tria, mùa hạ chín, nắng to thì khô ; từ Quảng-Nam cho đến Bình-Thuận thì đông tria, xuân chín, hè thì khô.

Ở Nam-kỳ lại thu tria, đông và đầu xuân thì chín, xuân già thì khô. Chỉ có đậu ván, đậu đao thường nằm ở trên cây không khô, từ thời đều có trái cả.

Thứ *xích đậu* lại có một giống ở mọi phía tây (tây phiên) đưa về, cây giây, lộc và lá đều nhỏ, hạt rất bé.

Lúa ma : Định-Tường, An-Giang và Cao-Mên có một thứ *thủy đạo* tục gọi là *lúa ma*, mọc ở các nhánh sông chằm nước tùy nước mà dài không phải vãi cấy gì cả, chỗ nước sâu cây lúa có thứ dài đến 6, 7 thước, hạt nhỏ mà dài, râu dài hơn một tấc, khoảng thu đông thì chín, người ta chống thuyền con, dùng gậy đập ở đầu bông cho hạt rụng vào trong thuyền rồi dựng vào sọt ngâm xuống nước vài đêm, vớt lên lại dùng gậy đập cho rụng râu đi, rồi mới phơi khô. Sắc gạo đỏ, nấu cơm ăn thì cứng. Nhà đói và năm mất mùa thì đi lấy nó. Những cây còn sót, hạt nó rụng xuống bùn sang năm sau lại mọc.

- Vương-Hội ²³¹ bảo thứ đậu mọi (*nhung thực*) là ở Sơn-Nhung. ²³²

- Sách Nhĩ Nhã ²³³ : « *Thúc a đậu mọi* ».

- Sách Quân-Tử ²³⁴ : « Hoàn-Công ²³⁵ đánh Sơn-Nhung truyền giống đậu mọi cho thiên hạ ».

- Quách-Phác bảo đây là thứ đại đậu.

- Sách Bản-thảo ²³⁶ bảo là thứ thanh-đậu.

Nước ta loài đậu cũng nhiều mà không có thứ thanh đậu ấy. Năm gần đây có người đi sứ Tàu mang giống nó về. Hạt nó giống như thứ hoàng đại đạo mà sắc lại xanh, trồng ra không được tốt. Ý giả giống nay vốn ở Sơn-Nhung trồng về đất ta không chịu được nắng nóng.

Lúa bắp (ngọc-thạch mạch) : có vàng trắng hai thứ, lại có thứ 5 sắc lẫn lộn : thứ 5 sắc thì dẻo, thứ trắng cũng có tẻ nếp tương tự như lúa, nhưng thứ nếp không nên cấy lại chỗ khác.

Hễ tria hạt về đầu tháng thì bông nó cả đầu liền đuôi đều mập và dài, mà hạt lòi ra ngoài đầu vỏ ; tria về giữa tháng, thì cũng mập và đủ hạt mà đặng đầu hạt không lòi ra ngoài ; tria về cuối tháng thì được hai phần (ba) mà đặng đầu thì gầy không thành hạt.

- Sách Tề dân yếu thuật ²³⁷ : « Thứ ngũ cốc vãi về đầu tháng thì được hơn cả, giữa tháng thì vừa vừa còn cuối tháng thì được ít ».

- Sách Tài thụ (trồng cây) : « Hễ trồng cây nên trồng trước rằm, trồng sau rằm thì ít trái ». Cái ấy cũng có kinh nghiệm.

Hễ lúa **bắc trang** ²³⁸ đủ 60 ngày thì có đốt (mạ ổng), cây không tốt nữa.

Chỉ Nam định, Ninh-bình và ở Nam-kỳ đất rất tốt cắt gốc đi chỉ để đốt nó mà cây cũng tốt và cũng có hại, nhưng không « được » cho lắm.

Hễ những ruộng cấy lúa, sau một đêm nước trong thì được mùa, đục mãi thì mất. Sau khi gặt rồi vỏ lúa và lông dài mà không rụng và khi sảy phơi dính vào thùng và đấu thì mùa sau chắc được. Nếu vỏ lúa sáng trơn, không dính vào các đồ dùng ấy thì mùa sau ắt mất. Chó ăn lúa mè ăn cám đều là cái triệu mất mùa. Nhà nông từng lấy làm nghiệm.

Cam chư, tục gọi **củ lang**. Nhà nông trồng nó để đỡ vào lúa, lợi nó rất nhiều. Vỏ nó chia ra hai thứ đỏ và trắng. Thứ vỏ trắng lại chia làm hai : một thứ lá chẻ mà nhọn có nhiều rìa, củ hơi nhỏ vỏ có vân ngang, thịt rất trắng, chặt và nhiều bột ; một thứ lá tròn cũng chẻ ra nhọn mà không rìa, củ to, vỏ vân nhỏ thịt hơi nhão, giống thứ khoai đỏ vỏ.

- Sách Lĩnh Nam Tập Kỳ : « loại *phiên thụ* có hai thứ đỏ và trắng ». Chính là nó vậy.

- Sách Thảo mộc trang của Kê-Hàm ²³⁹ « vỏ tía thịt trắng ».

- Sách Thực vật bản thảo « vỏ đỏ » ấy là chỉ nói thứ khoai vỏ đỏ mà thôi. Hễ trồng khoai lang, ba tháng thì có củ tạm ăn được, đến năm tháng nó mới sinh nở nhiều.

- Sách Vân đài loại ngữ ²⁴⁰ : « Thứ *hoàng độc* ở Thanh-Hóa, tục gọi là *củ cáo* ».

Xét từ Nghệ-An vào nam, tục gọi là **khoai vạc**, cũng là khoai này. Có củ dài một thước năm, thước sáu mà thẳng thì gọi là **khoai ná**, cong như ngà voi thì gọi là khoai ngà, hình bẹ, ngắn, đầu củ thì sùc sủ, thì gọi là **khoai cánh tiên**, như củ phục linh vỏ rất tía thì gọi là **khoai tía**. Các thứ khoai ấy, đều ở vào khoảng tháng hai, tháng ba cắt củ mà trồng, đến tháng chạp thì bới mà nấu ăn. Thứ khoai tía thịt chặt mà vị thì có ngon hơn. Lại có một thứ nữa, mầm cao vài thước, không có lá bò lan ra, giống như dưa chuột mà trơn, tục gọi là **khoai ổi** củ tròn, lá vàng, thịt trắng vị như khoai môn, thứ này lợi không bao lăm, người ta ít trồng.

Vu tục gọi là **khoai môn**, có vài thứ : thứ tía lại có tên là **khoai sáp**. Cây lá và vỏ đều tía, cây cao vài thước, củ dài bốn năm tấc, có mọc ánh con thịt vàng như sáp rất bổ vị, người đi lỵ ăn nó nhiều khi khỏi. Lại có thứ gọi là **khoai sọ**, cây lá hơi ngắn và nhỏ, thịt trắng, giã thành bột làm bánh rất ngon. Hai thứ ấy trồng ở ruộng khô. Có thứ đỏ gọi là **môn hành** giống như khoai sáp mà cây lá đều xanh, bẹ đỏ, rễ và vỏ đỏ, thịt trắng thứ trắng có tên là **môn tròn**, lại có tên là **môn khô**, lá tròn, lá và cây đều xanh ánh còn bò lan. Có thứ tên là môn ấp trên lá có điểm tía, ánh con phụ với củ mà trắng, đều trồng ở ruộng nước.

- Sách của Phiếm-Thăng-Chi ²⁴¹ : « Có thứ môn khô (*hạn vu*) và môn nước (*thủy vu*) ». Có lẽ là loài này. Hễ trồng môn phải đầy năm mới bới được. Thứ môn nước cũng ăn đỡ vào gạo, lợi gần bằng khoai lang. Môn ở hai xứ Gia-Lâm, Đông-Tà (Bắc-Ninh) là hơn cả. Lấy cả cây nấu canh

rất thơm và mềm, vào miệng thì tan ngay. (Xét môn cũng có tên là *thổ chí*, lại có tên là *cốt đốt* tức là thứ mà Lãn-Tân²⁴² dùng phần thân khô nướng ăn. Đó là thấy ở sách Lâm thị sơn gia thanh cung).

- Sách Chiên thư : « *Muốn biết ngũ cốc được hay mất thì chỉ xem 5 giống trái nhiều hay ít* ».

Trong 5 giống trái có trái lật chủ về lúa, nghề nông nước ta lấy lúa làm chủ mà đất lại có lật. Tục lấy chuối hột để xem lúa tháng mười được hay mất rất có kinh nghiệm. Đầu buồng cuối buồng đều đầy thịnh thì tháng mười lúa sớm lúa muộn đều được. Nhiều trái đầu buồng thì được lúa sớm, giữa buồng thì được lúa giữa, cuối buồng thì được lúa muộn. Nếu đầu và cuối đều gầy thì mất mùa to.

Loài **chuối**, ông Quế-Đường góp kể cũng khá nhiều : ²⁴³

- **Chuối quế** (quế tiêu) nay giờ chưa từng nghe.

- **Chuối cơm, chuối cau**. Chỉ nói những thứ sản xuất ở Hà-Tiên có khi cũng chưa hết vậy. **Chuối cau** ở Nam kỳ rất nhiều, bây giờ các xứ cũng có, to bằng trái cau, dài hơn hai tấc.

- Các thứ chuối khác ngoài vỏ đều có canh, chín thì hay bầy, chỉ thứ này vỏ đều non thì xanh luốc, chín thì vàng đỏ thịt đỏ mà trặt, để được một tuần mới có dấu lấm chấm như ốc tía mà không bầy, rất ngọt thơm, hơn cả trong các thứ chuối.

Các thứ trái như **mít** (ba-la-mật), **xoài** (am la), **vải** (lê chi), **đào** (đào), **mận** (lý), **dứa** hoặc **thơm** (bách nhãn lê)

đều chín về mùa hạ ; **nhãn** (long nhãn) **hồng** (thị), **bưởi** (du), đều chín về mùa thu ; **cam** (cam), **quýt** (quất), **thanh yên** (câu duyên) đều chín về mùa đông. Chỉ có **chuối** thì bốn mùa đều chín, đựng vào mâm thì nó hơn cả, nhưng vì nó dễ sinh trướng nên người ta không quý cho lắm. Chính chư sách Thảo mộc trang nói : cây *thủy tùng* ²⁴⁴ Người Nam không hay deo chứ người Lĩnh bắc rất ưa.

Mít sản xuất ở bờ khe miệt Đường Hào (Hải-Dương) trái không to lắm, bằng hai nắm tay, thịt chỉ được một múi, trong có một hạt mà vị rất ngon.

Hồng ở Bắc-Ninh, Hải-Dương, Nam-Định tục gọi *hồng mông* đều ngon. Từ Thanh-Hóa trở vô thì không bằng.

Sách Quảng dư : « *Am la tục gọi là hương cái là cực phẩm trong các trái* ».

Nay thấy to nhỏ hai thứ, cây đều cao lớn ; thứ to vị rất ngon ngọt, tục gọi là **xoài tượng**, từ Bình-Định trở vô rất nhiều, Bình-Định, Phú-yên phải cống vua, Quảng-Nam, Thừa-Thiên cũng có mà ít.

Từ Quảng-Trị ra bắc cũng trồng mà ít có trái. Thứ nhỏ thì vị đá chua, rất thanh mà thơm, gọt vỏ nó rời hơn một canh mà tay còn người thấy thơm, tục gọi là **xoài cơm**, lại gọi là **xoài muồm**, từ Thừa-Thiên trở vô rất nhiều.

Quảng-Bình ra bắc cũng có mà ít. Lại có thứ **sơn trà**, cũng là loài xoài, nhánh và lá đều nhỏ, trái nhỏ hơn xoài muồm, ở Hà-Tiên thì rất ngọt mà thơm, ở Quảng-Bình ra bắc thơm mà rất chua.

Vĩnh-Long, Biên-Hòa có trái **măng cụt** cây cao đến vài trượng, nhành lá giống cây vải mà thô, trái to như chén uống rượu, vỏ dày non thì xanh, chín thì tía, thịt trắng, có khía, hạt nhỏ mà mềm vị không thua xoài, nhưng thịt hay có troi. Ở Biên Hòa vị ngon hơn, cũng có tên là *thổ lý*.

Xét sách Quảng dư chép rằng : « Xoài ở Hà-nội gọi là *hương cái*, ở Chân-Lạp gọi như trên (*măng cụt*) lá nó như lá cây mận (*lý*) ».

Kỳ thực thì lá xoài khác hơn lá mận nhiều. Hoặc giả nghe nói hay cây ấy giống nhau, nhân chép vào chằng ?

Trái **hám lăm**, có tên là trái trung gián, tục gọi là trái **ca na** lại gọi là **trái trám** rất hay tiêu thực. Trái **tro** (*bồ quỳ*) cũng ăn được, cũng giống trám nhưng thịt nó xơ, vị hơi lạt.

Cây **sa kê**, cao hơn 1 trượng, lá như lá *thu đủ* (*mộc qua*) mà dày hơn, đầu nhành mập rậm, nhiều bông, trái như trái mít, vị béo nẫu với thịt lợn ăn ngon.

Sách Lĩnh biểu lục dị ²⁴⁵ : « Xứ Quảng-Châu không có cây lặt, chỉ xứ Cần-Châu trong núi có thứ thạch lặt trái nó một năm mới chín, vỏ dày mà thịt ít vị tựa như hồ đào nhân ».

Sách Thảo mộc trạng : « Cây thạch lặt sinh ở Nhật-Nam. Thứ ấy nay tục gọi là **trái trám** sinh trong núi, cây nó không phải giây cũng không phải cây, vị chính là vị hồ đào nhân, ngoài vỏ có lông, chùi không sạch ăn nó đâm vào miệng ».

Bài phú Thục đô có nói : « có thứ bột cây quang lang » và chú rằng : « nó sản xuất ở Cửu-Châu, Giao-Chỉ ».

Sách Lĩnh biểu lục dị : « cây quang lang nhánh và lá đều nhiều mà rậm hơi khác với cây táo, cây cau (tâm lang), dưới lá có râu tựa đuôi ngựa. Người Quang-(Châu) hái nó để dệt khăn tay và làm giầy neo, vỏ trái nó có phần như bột có thể làm bánh ăn ».

Câu này tức tục gọi là **Cây hoác**²⁴⁶. Lá như lá cau, vỏ như da cây móc (*linh lư*) người ta cũng lấy vỏ nó để may nón và buộc đồ đạc. Trổ buồng kết trái đều như móc, trái nó nấu ăn được, người ta hái trái làm bột gọi là bột hoác. Lại có một loài nữa, cây và lá giống hoác mà nhỏ, bột ở trong vỏ, trong núi tỉnh Sơn-Tây có.

Cây **thiên tuế** gốc và thân cây thấp ngắn, lòn chòn như cục gì, lá như lá cau mà nhỏ, cứng, mọc xung quanh đầu cây, trái hàng năm không rụng, cây cũng làm bột được, trổ buồng kết trái cũng giống móc, trái bằng ngón tay cái, nấu ăn vị cũng như lật.

Sách Thảo mộc trạng nói : « Thiên tuế có giầy lan ra đất, trái ở dưới gốc râu sắc lục, giao kết lại như dệt, một chùm có hơn trăm trái, sắc vỏ thì xanh vàng, trong có thịt như lật, vị cùng như thế. Khô thì vỏ và thịt rời nhau, lúc lắc có tiếng như hột nhục đậu khấu. Sinh ở Giao-Chỉ » là chỉ cây này.

Nhưng xét cái thuyết nói, cây giầy lan và râu sắc lục thì lại không biết là thể nào ? Lại xét sách Uyên giám²⁴⁷, bài ký Nghi đô sơn xuyên của Viên-Tùng-Sơn nói : « Núi Hăng

có thứ cây có trái, người ta không hề thấy nó hủ nát, tên là thiên tuế, lá như lá táo, sắc như sắc cây dâu, mùa đông cũng xanh, cứng cáp, ít mắt ». Đáng chùng lai biệt làm một loài khác.

Cây **bối đa** sinh ra ở Nam-Kỳ, cây như cây dứa (da) lá như lá tro (bồ-quí) mà dày tục gọi là cây **thốt nốt**. Người nước Cao-Mên lấy lá nó viết kinh Phật rồi lấy giầy đóng lại. Ở giữa các lá trở buồng nở hoa vàng, kết trái, tròn to như dứa, vỏ trơn không có dún, cũng không có xơ, vỏ vàng mỏng mà mềm, nước và mủ cũng như dứa mà lạnh hơn, ăn vào bị động phong. Người Cao-mên lấy nước và trái nó, khi chum non mới trở ra, cắt đầu ngọn mà bắt quýt xuống, lấy đồ hứng mủ nó nấu lên thành đường, sắc vàng đông cục, kém thua đường mía.

Xét sách Dậ dương tạp trợ ²⁴⁸ : « *Cây bối đa dài đến 6, 7 trượng mùa đông không tàn, có ba thứ : 1) đá la bà lực soa bối đa 2) đa lê bà lực soa bối đa, 3) bộ trà bà lực soa bối đa. Bối đa Tàu dịch là lá ; bà lực soa Tàu dịch là cây* ».

Sách Tây vực kinh ²⁴⁹ : « *Nếu biết quý trọng giữ gìn nó thì cũng sống được 5, 6 trăm năm* ».

Sách Phiên thích danh nghĩa ²⁵⁰ : « *Hình như cây móc, rất cao dài 8, 9, 19 trượng hoa như hạt gạo vàng* ».

Sách Đại nghiệp thập di của Đỗ-Thực ²⁵¹ : « *Lá dài thước năm thước sáu, rộng 5 tấc* ».

Sách Minh nhất thống chí : « *Nước Diển diện có thứ cây trên đầu rậm, lấy mủ ngào làm đường trắng, lá tức là lá bối,*

nước họ dùng làm sách để viết » là cây này.

Năm gần đây, Nguyễn-văn-Thanh ở sông Cửu-Long về có được một quyển sách nước Diển, cũng dùng lá ấy.

Sách Loại hàm, thiên Thủ Quảng-Châu ký : « *Như cây tì-bà mà trơn nháng, dập dới ánh trời, nhánh nó cách đất 4, 5 trượng, có rễ thòng xuống, đục đất thì dần dần lớn như nhanh cây, một cây cũng có được vài mươi rễ như thế, đều như gốc củ, hoa trắng, trái không ăn được. Tục gọi bằng **cây da**, Bắc-Kỳ gọi là **cây đa**. Lá mềm không viết được cũng tức là **cây dung** ».*

Cam đường (di cam) sinh ở Hải-Dương tốt hơn, ở Thanh-Hóa thứ hai đều phải cống vua. Đưa trồng ở xứ khác thì vị đổi.

Bưởi (du), phiên đào, thố nại (tục gọi bằng trái chay từ huyện Bình-Chín ra Bắc trong vườn tược trồng nhiều) đều có trắng đỏ hai thứ : trắng ngọt, đỏ chua.

Cà có nhiều thứ : thứ vú trâu, to bằng ngón tay cái, da xanh luốc tục gọi là **cà vú châu** ; to bằng ngón tay mà tròn da trắng, tục gọi là **cà pháo**. Hai thứ ấy chùm sây. To bằng nắm tay con nít mà bẹp, hơi có khía, da hoặc tía hoặc trắng, hoặc đầu danh bụng trắng, tục gọi là **cà dứa**. Những thứ ấy ăn uống, ăn nấu và muối đều được cả. To bằng chén uống rượu, dài độ vài tấc, da tía thịt mềm, tục gọi là **cà dái dê** ăn nấu hoặc ăn nướng chứ không muối. Trái bằng ngón tay, tròn vin, non thì xanh, chí thì đỏ, vị chua lá khuyết vò lòi ra, cây yếu mà bò lan, tục gọi là **cà chua**, chỉ nấu canh cá thịt. Các thứ cà ấy đều trồng vào khoảng đông, xuân,

giữa hè thì khô. Duy thứ cà pháo lại có một loại nữa tròn như viên đạn, trùm không sây, hết thu cũng không khô, tứ thời đều có trái, trồng một lần ăn được ba năm hay năm năm tục gọi là **cà bắc đấu**, trong các loài cà thì nó hơn cả.

Sách Thảo mộc trạng : « *trong vườn, trồng cà, để gốc lại ba hay năm năm, cây và cành cao lên lần lần rồi thành cây lớn* ». Tức là thứ ấy. Những nhà làm ruộng lấy sư trừ và muối cà làm chủ.

Sách Thảo mộc trạng : « *Năm Thái-Khang thứ 6* ²⁵² *nước Phù-Nam có cống mấy cây **mía** (giá) dài một trượng có ba đốt* ».

Sách Thể thuyết ²⁵³ : « *Mía Phù-Nam dài một trượng ba đốt, có mặt trời thì tiêu tan (?) gặp gió thì gãy* ».

Thường thấy cây **mía** ở Bình-Thuận – tức là đất nước Phù-Nam xưa – một đốt dài được 7, 8 tấc rất mềm nhưng không cây nào dài một trượng ba đốt có mặt trời thì tiêu tan cả.

Cây **cù tương** (trầu không) ở Hán thư, Thảo mộc trạng gọi là cây *tất bát* (lốt).

Tống-Kỳ ²⁵⁴ nói : « *Lá dày mà trơn, leo vào cây cứng mà sống, trái như trái dâu (lang thâm), khi chín thì ngoài đen trong trắng, làm tương để nêm đồ ăn. Có tên là phù lưu (trầu không)* ».

Xét cây **lốt** (tất bát) với cây **trầu** không (phù-lưu), trái nó đều như dâu, non thì xanh, chín thì tía, cây trầu không, lá dày leo vào cây cứng, trái rất ít không làm được tương.

Cây lốt lá mỏng, mọc lan giã đất trái nhiều, vị nó như *tiêu (tiều)*, lá với trái đều nếm đồ ăn được, nấu với ếch không có nó không ngon. Vậy (thứ mà sách trên nói) làm tương tức là nó chẳng ? Cũng giống như bây giờ làm tương có tán *hột cải (giới tử)* bỏ vào để trừ trùng và dầm tiêu để làm tương vậy.

Nhưng Thảo mộc trạng lại nói : « *Mọc ở Mọi (phiên) nhỏ mà tía, gọi là tất bát ; mọc ở Phiên-Ngung to mà xanh, gọi là cù mà vì ăn được nên gọi là tương. Lại tựa như chỉ vào cây phù lưu nhưng còn phân biệt tinh tế* ».

Tống-kỳ gồm chung làm một thứ gọi rằng thứ lá dày phụ vào cây cứng cũng có trái (Nói rằng) làm được tương thì chưa chắc.

Lại sách Tứ lục tất độc có chú rằng : « *Cây tiêu (hồ tiêu) người Nam hái lá nó ăn với cau, gọi là phù lưu* ». Đó là thấy lá tương tự mà nhận lầm.

Cây **tiêu** ở Hà-Tiên hơn cả, Quảng-Trị thứ hai. Cây *hậu phác (cây vối)* cũng sản xuất ở Hà-Tiên hơn cả.

Sắn (cát) có một thứ, tục là *sắn quảng* (quảng cát) mọc bằng mầm cao 6, 7 thước có nhiều cạnh, xanh trắng mà trơn, trồng vừa đủ năm thành củ, nấu rồi bỏ ruột, ăn vị ngọt, có độc, ham ăn có khi chết, ăn vào thấy buồn bụng, phải ăn mật mía hay cam thảo thì khỏi ngay. Chỉ mài bột làm bánh lộn đường, sắc đẹp như bồ phách, ăn rất ngon, không độc.

Củ đậu (đậu cấn) ở Sơn-Tây, Hà-Nội và huyện Quỳnh-Côi thuộc Nam-Định trồng nó. Cây, lá, hoa vỏ đều giống cây đậu chỉ hột cứng không ăn được ²⁵⁵. Đủ năm, củ bằng trứng

ngỗng, thịt trắng, vị ngọt thơm, ăn sống và nấu với thịt heo, thịt heo, thịt chim đều được, cũng chữa được độc rượu. Để trên giàn bếp sau một tuần, thì ăn càng tốt. Quảng-Nam và Bình Thuận cũng có, nhưng thịt khô, vì không bằng (các tỉnh trên). Đưa trồng ở xứ khác thì củ nhỏ dài mà cứng không ăn được.

Hoàng tinh ở Quảng-Bình, Quảng-Trị hay trồng trong các vườn, mài ra làm bột. Quảng-Bình phải sung cống.

Người miệt Chương-Đức, Thượng-Phúc (Hà-Đông) lấy lúa tẻ (hàng đào) cắt hai, ba năm, rang bỏ trấu, gạo trương như con ong mà không phải phơi, ngào với đường rất ngọt và mềm, đưa đi bán gọi là bông, cũng gọi là phùng.²⁵⁶

Xét sách Chu lễ : « *quan Biên nhận coi việc cốm phong, cốm phần, cốm trắng cốm đen* ».

Tiên Trinh chú rằng : « *ngào lúa bắp (mạch) là cốm phong, vừng (ma) là cốm phần, lòn (đạo) là cốm trắng, nếp (thử) là cốm đen* ».

Hậu trịnh²⁵⁷ chú rằng : « *Ở miệt sông Hán sông Hà lên bắc, nấu bánh bắp đem đi bán gọi là phùng thanh* ». Thì tiếng gọi cũng gần nhau, nhưng họ thì ngào bằng bắp mà đây thì bằng gạo tẻ.

Rượu thì miệt Hoàng-Mai thuộc Hà-Nội (Hà-Đông) ; Hào-Kiệt thuộc Nam-Định ; Ngọc-Điền thuộc Hà-Tĩnh ; Kim-Lung thuộc Quảng-Trị ; Gò-Cát thuộc Định-Tường đều có tiếng.

Cải bắp (*quan âm thái*) chỉ có người huyện Giao-Thủy thuộc Nam-Định trồng mà thôi, không hoa trái lấy cành cắm xuống đất thì mọc mầm, đến mùa đông thì tốt, lá xanh tía như thứ cải lớn (*đại giới*) mà dày, vị có hơi chát. Sau lần lần lá cuộn vào làm bắp như bắp chuối. Khi mới non chưa cắt ra sắc trắng vị rất ngọt xứ khác trồng nó dẫu tốt nhưng không cuộn lại thành bắp được.

Cây **Câu khuê** có trong sách Nhĩ-Nhã-Quách-Phác chú là : « *cây câu lâu, lại có tên là vương qua, trái rất đỏ, vị đắng* ».

Hình-Bính ²⁵⁸ dẫn giải bộ Bản thảo nói : « *Vương qua cũng có tên là thổ qua, lá như lá quýt lâu tròn mà không khuyết vào* ».

Thường trồng ở nơi rào giậu cũng có hột, chín thì đỏ như viên đạn, rể như sắn, nhỏ mà nhiều bột. Thứ ấy gọi là **dưa chuột trời** (thiên thử qua) lại gọi là *củ nhưng*. Cây tốt thì lá có chẻ vào, lấy củ làm bột, gọi là *bột nhưng*, nấu cháo làm bánh, lộn đường ăn được vị thanh mà ngon ; nấu với cháo thịt cũng tốt có tính giải thử.

Cây **chè** (trà), từ Bình-Định ra bắc xứ nào cũng có, từ Phú-Yên vào nam thì không. Nó có một thứ tục gọi là chè ngọt đắng (*cam khổ trà*). Bình-Định rất nhiều. Thừa-Thiên. Thanh Hóa cũng có.

Sách Quảng bác vật chí : « *Cây cao lư là tên riêng của chè* ».

Bản thảo chú rằng : « *cao lư không phải là chè, lấy một miếng bỏ vào ấm, vị rất đắng, bỏ ít thì trái lại vị ngọt* ». Tức

là nó.

Nâu (*vũ dư lương*) thuộc loài cây giây có gai, lá như lá cây kim cương (tắt giải). Người miệt núi nói củ nó chín thì vị rất ngon, nhưng khó mà được. Củ sống thì người Mường Moi cũng lấy để ăn đỡ gạo. Họ bóc vỏ, ngâm giữa dòng nước chảy để mất chất rồi phơi khô, đấm qua đem nấu ăn.

Hình Bính thích sách Nhĩ Nhã : « *Cây mạch đông có kẻ bảo và vũ dư lương* ».

Mới biết xưa nay đặt tên nhiều cái không nhất định. (Phàm cây giây thì củ ở dưới đất, chỉ có loài này củ phu bốn bên rễ nổi trên mặt đất).

Liên tiên thảo tục gọi là **rau má** cũng có tên là bán thiên thảo, ăn sống được và nấu canh ăn. Có thể làm tan tiền đồng được (?)

Sách Thảo mộc trang : « *Trái lưu cầu hình như trái dành dành (chi tử) khía sâu mà hai đầu nhọn tựa như trái vưng (kha lê lặc) mà cứng. Đến khi nửa vàng là đã chín, thịt trắng mà ngọt* ».

Thứ này tục gọi là **trái lại**. Sách Bản thảo gọi : « *Cây thuốc giun (sử quân tử)* » (Dùng phải cho chắc số nếu lè thì bị nức cụt).

Loài **nấm** rất nhiều, đều phụ vào cỏ cây mà sinh ra. Cây nào không có độc thì nấm cũng không độc, ăn được. *Hương-đàm* ở Lạng-Sơn tục gọi là **nấm hương**, vị ngon có tiếng hơn cả. **Nấm lan** sinh ở dưới cây lam vị hơi đắng mà thanh thì được thứ hai. *Nghị khuân* sinh ở trên tổ mối tục gọi là

nấm môi. Hóa khuôn sinh ở gốc lúa tục gọi là **nấm rạ** béo như mỡ lợn, đều đứng thứ ba. Ngoài ra nữa thì không bằng.

Hoa sen ở phương nam khoảng thu đông mới có, vì khí đất ẩm. Có lần vào Gia định, tôi thấy ao sen ở trước nhà Hộ tào đầu mùa đông đang có hoa. Hỏi thì họ trả lời rằng lấy lưu huỳnh lộn với bùn mà trồng mới được như thế.

Hậu Hán thư chép : « Nước Ai-Lao có cây (vòng đồng) hoa dẹt thành vải ». Có lẽ chỉ cây **bông gòn** (mộc miên).

Đường thư chép : « Nước Bà-Lợi đi vòng thẳng đến phía đông nam có thứ cỏ cát bối, góp hoa làm vải, thứ xấu là bối ; thứ tốt là chiêm ». Đáng chừng là cây **bông cỏ** (thảo khoáng). Nay nước ta dẹt vải đều là **bông cỏ**, cũng gọi là mộc miên. Cây cao độ vài thước, người ta trồng liền đội ở ngoài đồng, từ Khánh-Hòa ra bắc, xuân trồng hạ chín ; Bình Thuận Nam-kỳ và Cao-mên đông trồng xuân chín, lợi khá lắm.

Sách Quảng-Ký : « Thứ hoa đỏ, chùm rất nhiều, xúm xít liền nhau, sản xuất ở Giao-Chỉ, Vĩnh-Xương, tức là Ai-Lao ».

Sách Thông Giám chú rằng : « Miền Giang Nam khoảng tháng 2 tháng 3 thì trồng ».

Sách Ngô lục : « Sản xuất ở Giao-Châu, Vĩnh-Xương, trái bằng chén rượu, ấy là mộc miên ».

Cây cao to, mùa xuân nở hoa vàng có vỏ kết lại nhọn mà dài, nhiều trái thành từng đôi, đến mùa thu nở ra bông, cũng như bông cỏ tục gọi là bông gòn.

Sách Quảng-Châu ký : « *Cây như cây vông lá như lá bồ đào mà to sinh ở hai châu Giao, Quảng* » là cây ấy.

Người bây giờ hái bông nó để nhồi gối nhẹ hơn bông cỏ, nhưng sợi mềm không dệt làm vải được, hai thứ ấy giống mà không phải một loài.

Cây **bông cỏ**, lá non làm rau sống được, tục bảo rằng ăn nó thì hại mắt. Hột nó ngâm làm giá ăn được, cũng như giá đậu xanh mà vị lại càng thanh, ngon hơn giá đậu.

Lông **cu liên** (*kim mao cấu tích*) là loài cây giây, lông nhỏ nhẹ mà mịn hơn bông sắc tía dùng để nhồi gối và làm đũa rất nhẹ và mềm. Đứt tay chân, dịt vào cũng hiệu nghiệm. Sản xuất ở Hưng-Hóa, một cái đũa nó giả đến 30, 40, quan tiền, Quảng Trị cũng có mà ít.

Cỏ **bác** (*đăng tâm thảo*) lại có tên hồ tu, người miệt Đông-Yên thuộc Hưng-Yên cấy nó ở ruộng nước.

Cây **Cái** (*thổ phu vương*) trong Nhĩ nhã, Quách-Phác cho rằng : « *Sinh ở miền biển như cây hoàn lan. Người Nam Việt dùng làm chiếu* ».

Lại người Phú-Yên có dệt chiếu, rất trơn đẹp nhưng chất cỏ mềm không bằng chiếu lác.

Cỏ **lác** (*hoàn thảo*) có một loài sinh ở giữa ruộng, cây thô ngắn mà cứng như sa thảo, thứ to cũng cũng không dệt được chiếu, chỉ làm thuốc răn cắn, lấy rễ có nhai sống nuốt được và giã lấy xác rịt vào rất hiệu.

Bạch đậu khấu sinh ở núi Mô-Giao nước Cao-Mên. Núi ấy có nhiều đá gân, tiếng Cao-mên gọi đá là mô, đẹp là

giao cho nên đặt thế. Núi ở vào giới hạn nước Cao-Mên và Tiêm-la Cây ấy như cây sa nhân, nhưng cây mọc phía đông nam núi về phần đất Cao-mên. Vỏ trắng khí thanh dùng làm thuốc được, còn cây mọc phía tây bắc về phần đất Tiêm-La thì da xám khí táo, không dùng được. Khí âm dương có khác nhau như thế. Cỏ kẻ lấy cây nó trồng ở xứ khác, cây cũng tốt mà không có trái.

Sách Thảo mộc trạng : « *Cây như cây lau (lư) lá như lá gừng (khương)* » là chính nó.

Còn như sách Quảng ký : « *Cây như cây mướp (ti qua)* » thì không phải.

Núi Thiên-Quang ở Ninh-Bình, núi Hoài-Yên ở Hà-Nội, núi Vệ-Linh ở Bắc-Ninh núi Hồng-Lĩnh ở Hà-Tĩnh, đều có thứ cỏ mọc tốt cao 4, 5 thước, cây lá xanh đốt đều nhỏ như thứ trúc non, nhưng cây yếu, lá ngắn và mềm, nhiều chùm, thô nhám, hơn một thước, đời truyền rằng đây là **cỏ thi**. Cũng có từng bụi chừng một trăm cây.

Cây **quỳ**, cây hoác đều hướng theo mặt trời. Quỳ hướng theo mặt trời bằng hoa nhưng chỉ một hoa ở đầu cây nở theo chính hướng đông, còn những hoa ở bên cạnh thì không. Cây hoác cũng là loài đậu, hướng theo mặt trời bằng lá. Lá cây tiểu biến đậu buổi mai nghiêng về phương đông, trưa bằng ngang, chiều thì nghiêng về tây.

Hoa bông phấn (*yên chi*), giờ mảo, đậu thì nở, quá hai giờ ấy thì sụp lại.

Hễ loài cây cỏ có lá đối nhau đều ban ngày mở ra, ban đêm khép lại. Loài cây giây thì khép phía trên tỉ như sắn, đậu ;

loài cây gỗ thì ấp phía dưới tỉ như khế ngũ liêm) chua me (hợp hoan).

Sách Quảng dư chép : « **cây nha đam** (lô hội) sản xuất ở nước Tam-Phật-Tề ²⁵⁹, loài thảo hình như đuôi con sam (hậu vĩ), hái nó về lấy đồ bằng ngọc nghiền thành cao, gọi là lô hội ».

Nay xứ Nam-Kỳ có (cây) mù rất nồng, bẻ ra thì mù chảy ra rồi đông lại thành khối, không cần đồ bằng ngọc giã nữa.

Phương nam khí dương thịnh nên có nhiều loài cây tốt, những loài kỳ trầm quế ở trung châu không có. **Kỳ nam** giống với **trầm hương** nhưng có phân biệt : **Trầm** là cây thương lục ²⁶⁰ già rồi, cành lá khô héo, khí thơm kết tụ người ta lấy cả cây và gốc, chọn thứ tốt làm trầm hương, xấu làm *tốc hương*. **Kỳ** là khí thơm phụ vào cây mà ngưng kết chỉ một vài chỗ ở thân hoặc ở cành cây, còn cành lá thì vẫn xanh tốt như thường, người ta phải xẻ cây ra mới được. Nó hình như tim trâu nhiều lỗ trống, to có vài cân, nhỏ một hai lạng còn toàn cây đều là gỗ.

Kỳ nam có vài thứ : một thứ gọi là hổ ban hương sắc vàng xám như vẩn hổ, chất mềm nhuận, bấm móng tay vào có dấu, chẻ ra mà đầu mùi cuốn lại là tốt ; một thứ gọi là áp lục hương sắc xanh luốc như đầu vịt mềm là thứ vừa, cứng lại kém nữa ; một thứ gọi là nộn dong hương sắc xanh trắng như lá dong mới nở, chất khô hương ít là tốt. Chỉ Phú-Yên, Bình-Thuận, Khánh-Hòa có mà thôi.

Trầm ở đảo Phú-Quốc sắc xám, trong thô, nhai mà mềm là thứ tốt nhưng ít được. Trầm ở Bình-thuận, Phú-Yên, Bình-

Định, Khánh-Hòa thì thứ hai. Trầm Hà-Tĩnh, Quảng-Bình sắc đen sờ cứng vị đắng là thứ xấu.

Tô hợp hương ở trong núi Phú-Yên, lấy nó phải xẻ da cây lấy ống tre mà hứng dùng nó đưa tặng bầu bạn.

Giáng chân hương ở Quảng-Bình sắc xanh đen trừ ác khí, nghiền nhỏ để bôi vào vết thương, cầm máu sinh da rất mau. Dân gian tế tự từ Quảng-Bình vào nam dùng thứ *thanh bạch duyên hương* và *san diệp hồ hương*. Từ Bình-Chính ra bắc dùng *hắc huyền hương*, giã than hòa với nhựa trám đen (*ô hâm lăm*) mà có trái ăn được, rồi tẩm vào que tre mà dùng. Bắc-kỳ lại dùng *hương trắng (bạch hương)* do người xã Lai-Triều thuộc Nam-Định làm (góp các hương vụn hồ vào que tre, hương Lai-Triều thì khác).

Cây **xâm mộc quế** trong Nhĩ Nhã, Quách Phác chú rằng : « *hoa trắng không có trái* ».

Sách Nam bộ tân thư ²⁶¹ : « *Đêm rằm tháng 8, chùa núi Linh-An thường có trái* » quế rụng.

Thơ Lý-Đức-Dụ có câu : 桂子落寒山 « *Quế tử lạc Hàn sơn* », nghĩa là Trái quế rụng ở núi Hàn.

Thơ Lưu-Ngạn Xung có câu : 落子半飄雲 « *Lạc tử bán phiêu vân* », nghĩa là trái rụng bay theo mây.

Có lẽ do ở đó. Kể ra ở phương bắc cũng chưa thiết thấy cây ấy. Cây quế ngày nay, hoa trái như dâu, non thì xanh chín thì tía. Người miền núi Quảng-Nam, Quảng-Ngãi hay trồng xem vào cam quýt, mộc tê, hoa không kết trái.

Lại xét sách Thập di ký của Vương-Gia ²⁶² chép : « *Phía bắc Ám-ba có thứ quế tía mọc thành rừng, trái bằng trái táo, các tiên hay ăn* ».

Thiên địa vân độ kinh chép trong Loại bảm rằng : « *Phía bắc Thái-Sơn có 70 cây quế trái đỏ như trái quít* », (đều là hoang đường không thể tin được).

Kim giao mộc, cây cao lớn, lá như lá quít hẹp mà dài không có răng cưa, sắc cây tía. Tỉnh : Sơn-Tây, Hải-Dương, Thanh Hóa đều có. Người ta dùng làm đũa để trừ thuốc độc, nói rằng gặp đồ ăn thì thuốc độc phun ra.

Ô mộc có hai thứ, đều sản xuất ở Bình-Thuận : một thứ như cây ôi (thiên-đào) lá như lá quít, cây cong không cao lớn, đường kính chỉ 4, 5 tấc, sớ thịt hay răn, dùng làm đồ vật đen nháng như sơn tục gọi là **gỗ mun**.

Sách Động thiên thanh lục ²⁶³ : « *Gỗ mun làm được chân đờn cầm* » ; một thứ lá như lá dứa, lá cau mà mỏng, cây lùn thẳng, người ta lấy đan buồm và rèm. Sớ lá làm cung và roi, sắc đen sẫm mà cứng tục gọi là lá bun.

Bản thảo chép là vân mộc, lá như lá móc là phải, nhưng lại nói gộp ô mun là một loại với cây này thì không phải, chớ trừ thuốc độc là cây gỗ mun, không phải cây lá bun. Lại có thứ ô thị mộc núi nào cũng có tục gọi là lam thị 藍柿 chất cứng làm các đồ vật được, sắc đỏ cũng như gỗ mun, nhưng trơn nháng thì không bằng.

Cây **me** sinh ở phương nam, cây cao to lá như lá hòe mà nhỏ, hoa vàng trái dài hai tấc, cây này cành lá hoa vò

đều như cây đậu hợp hoan, vỏ rất chua, non thì xanh, chín thì đen, nấu canh cá, vị như khế cũng có nước chua, bỏ nước chua sao đường để làm mứt. Gỗ sắc xanh sớ thịt dày dùng làm xe súng rất kiên cố.

Cây **Giáng hương** sinh ở Nam Kỳ mùi thơm như cây hoàng tử, có u, cây to, đường kính có vài thước, cưa ra, sắc tía có vân, dùng làm đồ vật cũng đẹp.

Tỉnh Cao-Bằng, Thái-nguyên, Tuyên Quang có cây **hoài nàn** không có cành, lá, chỉ có rễ, từng đốt lùm xùm trên mặt đất như con trâu nằm ngủ, người Mán gọi là trâu là hoài, ngủ là nàn cho nên có tên ấy. Gỗ rất cứng, dùng làm mâm bàn cũng tốt. Lại từ Thanh-Hóa ra bắc có cây **lược** (sơ mộc) như cây trắc, nhẹ mà cứng làm mâm bàn tốt.

Trái **dừa** vỏ có xơ như bụng to, người ta xẻ vỏ lấy xơ, bện làm giầy rất bền, lại ở nước mặn dùng làm giầy thuyền rất tốt. Người xứ Tân-Quan (Bình-Định) lấy những trái nhỏ dùng gáo làm môi múc nước, bầu đựng thuốc, v.v... Lại có dừa nước (thủy da) biệt ra làm một thứ riêng, giữa gốc trở lá, thân cây sát đất, không hoa trái. Người ta lấy lá nó để lợp nhà.

Sách Loại hàm : « *Cây tử phi sinh ở nước Chân-Lạp cao hơn trượng, lá như lá quít, mủ cây nhân mưa chảy ra* ». Cây này tức là cây **cánh kiến** (tử nghị) bởi vì kiến cắn vỏ cây, mủ chảy ra ngoài rồi đọng lại. Các miệt nguồn Nghệ-An, Thanh-Hóa cũng có. Lại có thứ **trần hoàng** sản xuất ở Hà-Tiên tức là mủ cây thành ra, sắc như sáp ong, dùng làm thuốc.

Sách Thảo mộc trạng : « *Cây hạp đặng leo vào cây cứng mà sống như cây giây thông thảo, trái nó sắc tía đen* ». Có tên là **đậu voi** (tương đậu). Ba năm mới chín, vỏ nó đựng thuốc, trái hăng năm không nát. Cây này tục gọi là cây **lam gậy**.

Sơn (tất) *mãnh hỏa du* đều rạch cây mà lấy mủ. Cây sơn trồng trong vườn thành từng đám, được vài năm vừa non mà tốt, buổi mai khi mặt trời chưa mọc, rạch vỏ cây ra lấy đồ mà hứng, đến thìn tị thì xong. Sáu, bảy năm thì cây già mủ loãng, không thành nhựa sơn nữa, lại đào đi mà trồng thứ khác vào. Cây mãnh hỏa du rất cao to sinh ở trên núi, đục cây ra một lỗ, lấy lửa un qua, mủ trong lỗ chảy ra mà lấy.

Nhựa trám (hám lăm chi), cây như cây cam đường, nhựa nó do vỏ cây chảy ra thành từng khối, đầu chót lá cũng có. Cây này cũng kết trái như trám đen (ô hám lăm) mà bẹp không ăn được, sắc nhựa vàng, không giống với thứ nhựa người Bắc dùng làm hương đen. Thứ nhựa dùng làm hương sắc trắng như nhựa thông (tùng chi) phải nấu lên mới đông lại thành khối.

Làm nhà cửa, đồ thuyền thì nhất là nam mộc, **gỗ lim** (thiết mộc). Cây gỗ lim ở Thanh-hóa tốt hơn hết, Nghệ-An thứ hai, các xứ kém hơn. Lại dùng tử mộc tức *kiền kiền tử mộc (tau)*, cụ mộc tức cây **săng lẻ** là thứ nhì. Làm đồ vật thì nhất là **gỗ trắc**, thứ hai là **gỗ cẩm lai, gỗ mun**. Làm quan quách nhất là gỗ nam mộc, gỗ **vàng tâm** (hoàng tâm).

(Khứ-Toàn cho gỗ *du sam* là tốt hơn, tục gọi là **gỗ de**, gỗ này trừ được thấp, nhưng tục lại bảo hại xương vì khí nó cay nồng quá thì cũng có lý, người ta có dùng phải lót, một tầng gỗ khác ở trong).

Làm ghế dựa thì dùng gỗ **nhãn** (long nhãn). Làm yên ngựa thì dùng gỗ *ưu bát*. Làm con vắn thì dùng gỗ nam mai tức là gỗ **mù u**. Làm ván khắc thì dùng gỗ **thị** (thị mộc).

Nhựa thông hay giữ được hơi. Thợ nhà nước dùng nó để bọc đồ kín, gắn những đường mạch đường rãnh rất tốt. Người xưa sở dĩ dùng *lich thanh* (tức nhựa thông) cũng nhận biết tính nó.

Cây sanh, cây **cừa** hay ứng theo mưa.

(Sách) xưa chú : sanh là hà liễu. Nay tục ta gọi cây sanh là chỉ cây cành lá như liễu : Cừa thì cây cành và đốt có nhiều u. Hai loại tùy cứ mà sinh, hoặc ký sinh trên một cây khác. Rồi nó bén xuống đất lại thành thân cây. Cây cừa ưa sinh ở bờ sông, rễ phụ nó ứng theo mưa. Cầu-Trai ²⁶⁴ cho cây *hà liễu* tục gọi là cây **bần**, lá tròn sinh ở bãi sông, chung quanh gốc có mầm nhọn từ dưới đất mọc lên, gần mưa thì sắc trắng. Lại có cây **dung** (dung mộc), cây **lăng tiêu hoa**. Đại phàm loài thảo mộc có rễ phụ đều biết trước mưa. Và có cây **lưỡi rồng** (long thiệt), không thân không cành, đầu tiên cắm một lá xuống đất, dày và to như lưỡi trâu, sau mới thứ tự tiếp tục nhau mà sinh thêm, đang tháng nắng mà sinh lá non ắt có mưa.

Đại phàm những cây khó sinh trưởng là gỗ tốt, dễ dàng là gỗ xấu. Cây đa không làm được đồ dùng chỉ trồng ở chỗ

đình miếu nên nhiều cây sống lâu. Các núi ở Phú-Yên, Khánh-Hòa lại có một thứ vỏ và sớ đều trắng, tục gọi là gỗ **cồ cồ** 棋棋木 rất cứng đến nỗi sứt rìu mẻ cưa, người ta cũng không dùng.

Cây trai ²⁶⁵ rất cứng, nhưng thân cây cong không dài được mấy, người ta dùng để kê cột nhà thay đá vì chịu được ẩm thấp.

Bản thảo chú rằng : « *Long não tức là nhựa cây sam mộc* ». Nay có bọn khách ở Thái-nguyên, Cao-Băng lấy *cỏ đại bi*, cây này không ra thảo cũng không ra mộc, cao vài thước, lá to bằng bàn tay ngã ra, nhiều lông, dùng chảo gang bỏ lá vào, trên đậy vung đồng rồi nấu, nạo lấy sương nó đóng ở trên vung làm long não, lại nấu một lần nữa thì làm bằng phiến như cách nấu *hoàng đan*, nhưng mùi nó giống mùi sam mộc.

Tre hoa (ban trúc) ở các xứ Cam-Lô (Quảng Trị) Thiên-Quang (?) Thái-Nguyên đều có cả. Vắn (ngoài vỏ) như vỏ ốc, chất rất cứng, người ta thích dùng làm đòn võng. Miệt Qui-Hợp thuộc Hà-Tĩnh cây tre nhỏ, chỉ làm được gậy và ống điếu, v.v... Tre ở núi Yên-Tử thuộc Hải-Dương cũng như tre Qui-Hợp mà mắt lại nổi lên gọi là *gối hạc* (hạc tất). Tre hoa sắc hơi tối ở Vĩnh-Long. An-Giang rất nhiều nhưng vắn (ngoài vỏ) thì thưa, chất yếu ; xấu. Mới biết sách Bác vật chỉ có câu : « *Tương sơn nhiễm lệ* », nghĩa là nhỏ lệ ở núi Tương. ²⁶⁶

Có thứ tre rất cứng, tục gọi là cây trầy thân cây thẳng mà nhỏ, chu vi chỉ được 3, 4 tấc, trong ruột hơi đặc, dùng

làm lược và xương quạt rất tốt.

Trúc phổ của Đại-Khái-Chi ²⁶⁷ : ***cung trúc*** như mây (đẳng) đốt dài mà cong, phần nhiều nằm giữa đất, đứng thì phải tựa vào cây cứng, dài gần trăm tầm, hình như chắp nối nhau, cây có vằn hoa, song phải xoa mỡ mới hiện. Thứ này tục gọi là cây ***giang*** dùng để bện giầy. Nhưng phàm tre xoa mỡ rồi un lửa thì thành vằn hoa gọi là tre xông người ta dùng làm xương quạt và ống điều thì không chỉ một loài cây này mà thôi.

Nam-Kỳ chỗ nào cũng có tre thành rừng, mỗi lần có kết trái tròn bằng nắm tay, vỏ và mo bọc từng lớp, thịt trắng như măng mà thô sơ. Thứ này so với thứ mà sách Trúc phổ chép, 60 năm thì đổi rễ, có trái, rồi khô mà chết, thì không giống nhau.

Bản Tứ dân nguyệt linh trong Loại hàm : « Ngày 13 tháng 5 gọi là tre say lại gọi là tre mê, tháng ấy trồng tre thì nhiều cây tốt ».

Sách Tỵ thử lục thoại : « Tháng 5 trồng tre tốt ».

Sách sơn gia thanh sự : « Nghinh dương thì trồng tháng chạp ; thuận khí thì trồng mùa mưa (?) ».

Nay có câu ngạn : « Tháng giêng trồng trúc, tháng lục trồng tiêu » ²⁶⁸ . Bởi vì phong khí có khác nhau vậy.

Hễ măng tre mọc ra ngoài bụi thì năm ấy không có bão, mọc lẫn vào trong thì có nhiều, nhà nông thường xem nó mà biết trước. Lại khoảng đầu tháng mà chặt tre thì hay mọc, chặt khoảng cuối tháng thì lại bền cứng.

Sách Bản thảo : « Cây **móc** (lư mộc) sản ở An-Nam tính cứng sắc tía hồng, thứ nào có hoa thì gọi là móc hoa (hoa lư) làm được giường ghế xương quạ ».

Bây giờ giường ghế xương quạ, mỗi thứ dùng một cây khác nhau. Thứ làm giường ghế, tục gọi là *mây hoa* (hoa đặng), vẫn hoa ở ngoài da sinh ở các núi Khánh-Hòa ; thứ làm xương quạ, tục gọi là *gỗ lồi*, núi nào cũng có vẫn hoa ở trong, hai thứ ấy khác nhau (Bản thảo lại bảo là *nhược thảo* có tên là *liêu diệp*, mọc ở chằm phía nam, rễ và cây đều như tre con, lá và mo như lau, lấy lá làm nón. Nay ở Quảng-Trị và Khánh-Hòa vào Nam, những người lấy lá nó làm nón, tục gọi là lá **mật cật** sắc xanh. Nghệ-An và Quảng-Bình dùng làm tơ. Từ Nghệ-An ra bắc và Bình-Định dùng làm nón, tục gọi là **lá bôi** ; lại gọi là **lá tro**, tức là cây **bồ qui**, lại là một thứ khác. Lại còn một thứ nữa giống như bồ qui mà hơi nhỏ, đầu ngọn cây chia ra mười hai tua, người ta cắt ngọn làm tơ tục gọi là **lá tơ**. Mấy thứ ấy cũng tương tự cây móc mà to nhỏ có khác.

Bao-Chiếu có câu thơ 花蔓引藤輪 Hoa man dẫn đặng luân, nghĩa là dùng sợi lác dệt thành hoa. Vương-Thù chú rằng : thơ Đỗ-Phú cho đặng luân là chiếu (hồ đoàn) lấy lác làm ra. Nay người miệt Bình-Chính (Quảng-Bình) dùng lác làm dây kín (ấn nang), nhuộm màu dệt cách hồi vẫn lan can ²⁶⁹, cũng là loại này.

Năm Tây-Sơn sắp mất, một nhà ở xã Việt-Yên-Thượng (Hà Tĩnh) có giàn bầu, tự nhiên cành và lá đều co rúm lại làm hình con rồng, đầu, sừng, râu, chân đủ cả, lá chất từng

lớp như vảy, được một tuần rồi héo. Bùi-Tồn-Trai cho là rồng thuộc hỏa, mượn cây mà sinh, chú về hỏa tai. Được hơn một tháng, xã ấy cháy hết hơn trăm nóc nhà.

Đá thì núi Yên-Hoạch thuộc Thanh-Hóa tốt hơn, núi Than ở Đông-Triều thuộc Hải-Dương thứ hai, núi La-Vân thuộc Quảng-Nam thì chót. Đá núi Yên-Hoạch sắc xanh sớ mịn rất trơn nháng, thứ sắc trắng hơi loạn (sờ) không bằng thứ trên.

Đá hoa (văn thạch) sản ở núi Mô-Giao thuộc Cao-Mên thì tốt hơn, ở núi Ngũ-Hanh thuộc Quảng-Nam thì thứ hai. Đá Cao Mên có đủ năm màu già màu lục. Đá Quảng Nam chỉ có sắc đen và trắng. **Đá đỏ** (*chử thạch*) sản ở giếng son núi Phượng-Hoàng thuộc Hải-Dương thì tốt hơn. Đá **nam châm** (*lư thạch*) sản ở núi Nam-Châm giữa biển Quảng-Nam. Các núi sản mỏ sắt (ở ta) cũng có.

Đá huyền (*huyền thạch*) sản ở đảo Phú-Quốc thuộc Hà-Tiên, người xứ đó lúc mặt trời mọc thấy đám cỏ nào mù sương lâu khô thì đào tất được, như lối lấy phục linh. Chất đá nhẹ, sắc rất trong bóng, người ta hay dùng làm chuỗi hạt châu, có kẻ dùng làm nghiên mực hay sinh sắc đen nhưng mau khô nước.

Ở hải đảo có thứ vỏ sò *tai voi* rộng hơn một thước, giống như tai voi, sửa làm nghiên mực, trắng má bền, cũng hay sinh sắc đen.

Cua đá (thạch giải) hay sinh ở chỗ bờ biển, sóng và đá xát nhau, cũng có khi sinh ở giữa ruộng. Huyện Kim-Đông thuộc Hưng-Yên có ruộng cua đá chỉ có vài sào. Lúc mới đào

lên cua còn mềm và cử động được, có gió và ánh mặt trời thì cứng lại.

Có tên tù Mọi đưa cho Bình-Thành-Bá một cái bát đất, chất rất nhẹ có vân lăn lăn giấp giớ, bảo là vật có từ 500 năm về trước, đánh cá được ở giữa sông. Hỏi sao mà biết thì nó nói : Hễ đồ sành ở trong bùn 500 năm, đem đựng cơm, cách một đêm cơm còn mềm, vị cũng không đổi, chưa đủ 500 năm thì không thể. Thí nghiệm quá đúng, nhưng lại trả cho nó.

Có người làng đào đất được cái bình con trong chỉ có nước lạnh và bảy đồng tiền đời cổ. Tôi thấy tiền thì đang còn tốt so với tiền đời nay thì to hơn một vành, sắc luốc mà rất nhẹ, mặt sấp có hai chữ triện « ngũ thù » 5 đồng cân, mặt kia không có chữ. Xét tiền ngũ thù nhà Tùy trở về trước thường lưu hành, không biết đời nào đúc ra.

Của chảy như suối, nước suối chảy mà không đọng, tiền cũng giống như suối, cho nên tục bảo rằng chôn tiền dưới đất lâu năm có khi bay mất. Xem sách Xuân Chử Kỷ Văn của Hà-Viển ²⁷⁰ chép việc Ma-Thanh thì cất tiền trong nhà cũng thế (Đời Tuyên-Hòa ²⁷¹ thu phục được Yên-Vân, bèn đánh thuế quan huyện chiếu theo đẳng đệ xuất tiền thêm, tha khỏi tiền phụ. Ở Hoài Nhân thuộc Hải-Châu có bà họ Lưu, chồng là Dương-Lục đậu Tú-Tài mất rồi ở với một đứa con, nhà vốn giàu thấy quan trên đục đòi nghiêm gấp, những nhà nghèo không biết lấy gì đóng góp bèn quan huyện cúng cả gia tài 100,000 quan để tha đóng góp cho dân nghèo. Sau khi chở hết kho tiền bảy gian được ba ngày

sáng dậy vào xem kho thì tiền lại chất đầy, điếm lại thì đủ 100,000 quan mà lõi râu tiền thì bằng gai đỏ, mỗi năm quan đóng làm một vác, đầu vác có thẻ gỗ nhỏ đề hai chữ « ma thanh » không biết cố sao. Có kẻ bảo là mới đây có nghe nói ở châu Thanh có Viên ngoại họ Ma nhà rất giàu gọi là « Ma Thập Vân » có khi thần chở tiền ấy đến đây chẳng ? Sai người dò hỏi thì quả có người châu ấy họ Ma giàu đã ba đời. Từ đời ông cất 100,000 quan vào kho mà không bao giờ dùng đến. Một hôm thấy mất, không biết đi đâu. Bà Lưu liền cho người đến bảo họ Ma đưa thuyền xe đến để trả tiền ấy lại cho song họ ấy lại từ tạ không dám nhận. Bà bèn đem tiền ra phát hết cho dân nghèo, không để lại một đồng. Sau lại giàu thêm). Lúc tôi còn bé nhà cha tôi ở làng Chỉ-Châu (Hà-Tĩnh) một hôm vào khoảng giờ vị nghe phía ngoài có tiếng như tiếng sóng, ra cửa xem thấy ngoài một trăm trượng ở giữa đồng có một đôi tiền từ phương bắc đến dài chừng mười hai trượng, cao 6, 7 thước, trước đội như có một cây cờ nhỏ thoắt đỏ thoắt xanh, có kẻ gập nó bắt lấy, đụng vào tay thì nháy hay qua sông, không biết đi đâu ?

Phàm mọi vật không ra ngoài khí âm dương, dầu đã khô cháy rồi cũng vậy. Đĩa đèn rơi xuống đất, ban ngày thì sắp, ban đêm thì ngửa.

(Bởi vì) đất và than cân nhau, khí trời đông chí đã tới thì than nặng, khí hạ chí thì lại đất nặng.

Tháng năm (ly) đã có khí âm, cho nên nấu nước thiệt sôi mà thò tay vào đáy nồi được, đến khi thêm nước lạnh vào thì lại nóng không thể nhúng vào được. Tháng một

(khảm) đã có khí dương, cho nên dương buổi mùa đông thịnh mà nước suối thường ấm, mức lên mới lạnh.

Làng chài ở sông hồ thường cân nước đoán lụt lội. Mỗi năm, đem trừ tịch ²⁷², khoảng canh hai, mức nước giữa dòng sông đem đựng vào một cái đồ gì. Đến canh tư lại mức, đựng riêng ra một cái khác, trước sau phải mức ở một chỗ. Rồi đem nước mới và nước cũ ra cân, nước mới nặng thì năm ấy nhiều lụt, nhẹ thì ít.

Sách Nghiện bắc tạp chí ²⁷³ : « *Cân nước để đoán (lụt) không phải là chuyện láo* ».

Cát nóng (phất sa) ở huyện Hòa-Đa thuộc Bình-Thuận do nước suối nóng đọng lại thành hột, giặt áo rất trắng nhưng mau rách (người ta bỏ một vài giọt vào đồ ăn mà nấu, đồ ăn mau bầy, nhưng ăn độc).

Từ-Triều-Tuân nói : « *Mưa đá (bạc) bởi khí dương quá thịnh đầy tràn các hang cùng, khiến cho âm băng rơi xuống thành mưa đá* ». Thuyết ấy chưa chắc đã đúng. Thường thấy mưa đá phần nhiều là đám mây quần lại thành trận mưa mau, khoảnh khắc lại tạnh có khi không ngoài vài mươi dặm, không phải là mây cả trời mưa khắp đất. Phương nam không có băng từ đâu mà sinh mưa đá, bởi vì khí âm phục ở giữa trời bị khí dương vây ép mới kết thành khối không rơi ra từng giọt được cho nên thành mưa đá.

Lại sách Tinh lý, có chép thuyết của Trình-Tử ²⁷⁴ : « *Có Tham nghị họ Vương lên trên núi Ngũ-Đại thấy con thằn lằn (tích dịch) ngậm nước phun ra làm mưa đá được một chỗ*

mưa đổ xuống ». Bởi vì con thằn lằn cảm lấy khí âm hút nước làm phun ra bị khí dương đẩy không kịp tán ra từng giọt nên cũng thành mưa đá.

Gà con mới nở phải đợi nước xuống mới thả ra đất. Những nhà ở xa sông biển không nhớ con nước thì mức một gáo nước dội lên mái nhà cho chảy xuống rồi sẽ thả ra đất. Nếu lầm mà thả khi nước lên thì gà sẽ bị chết dịch hoặc quạ điều tha mất (Bởi vì) gà gáy sáng là ứng về dương. Lại gà ấp trứng cách năm ²⁷⁵ thì không nuôi được. Cái đó không thể giải ra.

Cu ngói (*ngõa cứu*) **cu cườm** (*lục cứu*) tục bảo đều do cá hóa ra. Cu ngói là cá mò hóa ra, nhỏ bằng chim sẻ (tước) sắc xanh hồng, xứ Bắc-kỳ đến tháng 8, 9 nó bay từng đàn, người ta đánh lưới bắt được. Cá mò thì sắc vàng.

Sách Giao-Châu Ký ²⁷⁶ : « *Biển nam có thứ cá vàng đến tháng chín thì hóa làm chim cú (thuần)* ». Ấy tức là cu cườm mà do cá chim hóa ra. Cu này to bằng bồ câu (cáp) sắc lục tiếng kêu như mõ, Hà-Tĩnh, Quảng-Bình khoảng tháng 4, 5 thì có. Nó không bay từng đàn, người ta bắt chước huyết tiếng, đánh lưới chụp được. Phàm các loài cu, mật nó ngọt thịt đều ngon, cho người bệnh ăn không độc.

Con quạ đút mồi trả lại cho mẹ nó là thứ chim có hiểu trong loài chim. Nó cũng hay thương đồng loại. Có kẻ bắt sống được một con quạ, khoanh khắc có hàng chục hàng trăm con quạ bay lại mổ, hình như muốn cứu. Lại có khi thấy chim dữ nào thì nó quần tụ lại vừa kêu vừa đuổi.

Sách Nhĩ nhĩ có kể một thứ chim **điền mân mẫu**. Sách Lĩnh biểu lục dị : « *Chim mân mẫu hình như chim thanh ích, mỏ to mà dài hay bắt cá trong ao mà ăn, khi hót thì trong mỏ văng ra những muỗi, nên cũng có tên là chim nhả muỗi (thổ mân) ».*

Tôi tới Nam-Kỳ ban đêm nghe tiếng như người ọe mưa, dân ở đấy bảo là **chim ác** kêu thì nhà muỗi ra. Nam-Kỳ nhiều muỗi, đại để là con cung quăng (kiết quyết) ở trong nước hóa. Có lần đi thuyền từ Hậu-Giang qua bãi soi Kiêm-Hà, muỗi bay che sông, tiếng kêu như bầy ong, giữa sông thấy đầy xác cung quăng.

Khoảng tỉnh Vĩnh Long, Định-Tường, An-Giang có loài chim cao độ vài thước sắc xanh, lông đủ 5 sắc, tục gọi là **phượng hoàng**, ngay nấp đêm bay, bay rất mạnh và mau, (vùn vụt) như tiếng gió, thích đậu trên cây bổi da.

Xét sách Bác Nhã. ²⁷⁷ « *Các giống chim mạch, sặc thốc, cô dung, tuần nghĩa quảng xương, tiêu minh đều thuộc loài chim phượng-hoàng ».*

Sách Cầm kinh ²⁷⁸ « *Đỏ gọi là đan phượng, xanh gọi là vũ tường, trắng gọi là hóa dục, huyền gọi là âm chữ, vàng gọi là thổ phú ».*

Lại sách Tỳ ²⁷⁹ dẫn bản Cổ cầm kinh : « *phượng xanh gọi là chim hạt, phượng đỏ gọi là chim thuần, phượng vàng gọi là chim loan, phượng trắng gọi là chim túc, phượng tía gọi là chim sặc ».*

Bản Nhạc thổ đồ trưng ²⁸⁰ :

« 5 loài phượng đều có 5 sắc làm điềm tốt chỉ có một mà điềm xấu thì đến bốn (4 loài này đều giống phượng) :

« - Chim **túc sương** mỏ cu (cưu), mắt tròn, mình có nghĩa, đội tín, giữ lễ, mang nhân, đeo trí, nó đến thì ứng việc (binh) dịch.

« - Chim **phát minh** mỏ quạ, cánh và cổ to, mình nhân, đội trí, giữ nghĩa, mang tín, đeo lễ, nó đến thì ứng việc tang.

« - Chim **tiêu minh**, cổ dài, lông thưa, dưới tròn mình nghĩa, đội tín, giữ nhân, mang trí, đeo lễ, nó đến thì ứng việc nước (lụt).

« - Chim **u xương** mắt sáng đầu nhỏ, mình to, chân nhỏ, ống chân có vảy, mình trí, đội tín, mang nhân, đeo lễ, giữ nghĩa, nó đến thì ứng về (lại) bạn.

« Bốn thứ chim này đều được điềm xấu ».

Ôi ! Phượng thuộc về dương tính là chim điềm tốt thấy ở kinh Thi, Thư, Luận ngữ, Lễ ký không lẽ nói bậy. Những lời sách Vĩ thư ²⁸¹ nói không đủ tín. Và lại 4 thứ chim ấy đã mang dấu ngũ thường mà lại chỉ điềm xấu, theo lẽ càng nên bác. Hoặc giả nhà nho đời Hán thấy các triều vua ưa điềm tốt nên đặt ra thuyết ấy để phúng thích đó chăng ? Và loại vật tương tự nhau cũng nhiều chưa chắc đều có điềm tốt xấu. Ở Nam-Kỳ loài chim này không có gì lạ, nó bay ra thì các chim khác không theo. Bởi vì nó đủ 5 sắc cho nên tục gọi tên ấy, nhưng vì nó ngày nấp đêm bay là loài âm điều thường đậu ở vườn cây, người ta cũng ghét.

Chim **sơn khí phượng** lớn như con ngỗng (nga) cao một thước hai, mỏ đỏ mà cong dài hơn 5 tấc, to bằng cánh tay trẻ con, đuôi và chân đều ngắn, lông cánh dài hơn lông đuôi và lông chân, mình đỏ, trên đầu có lông trắng cổ và lưng cánh đều có vằn ngang sắc vàng, đỏ đen như giải thắt có tầng thứ không lẫn lộn, sản xuất ở chân núi ít khi có.

(Khoảng năm Minh-Mệnh có người được dâng lên, vua sai đeo cho chim một đồng tiền vàng rồi thả đi. Chim này tục gọi là **phượng đất**).

Yến sào sinh trong hốc đá ở hải đảo, sắc trắng nõn cũng có thứ có điểm hồng. Người lấy yến nói rằng : tháng xuân lấy lần đầu thì trắng nõn, lấy được rồi bỏ thứ vàng đi, lấy lần thứ hai thì đang kỳ mạ ấp con, nó phải khổ công làm tổ đến nỗi phun máu ra cho nên có lộn điểm hồng, nếu chim non đã nở mà lấy được thì hơi có màu tro, thứ này giá rất đắt, mà thứ có điểm hồng gọi là yến huyết, tục lại càng quý, thứ có sắc tro thì hơi rẻ.

Hồi quốc sơ, có Quận công Nguyễn-Hoàng-Đức ²⁸² cùng thủ hạ từ Nghệ-An chạy sang Tiêm-La, đi đường núi hết lương, qua dưới một cây lớn thấy lá rụng đầy đất, trông xa thấy nhúc nhích lại gần thì hóa ra chim con cả, nhân lấy ăn. Người Tàu gọi thứ cây **bướm bướm** (*giáp điệp*) cũng là loài ấy ; thực vật hòa làm động vật vậy.

Đất Kiên-Giang (Hà-Tiên) nhiều chim thường đậu ở bãi soi, không biết bao nhiêu mà kể, làm tổ nuôi con rất nhiều, thấy người không sợ lắm, gọi là chỗ chim đậu (điều đình) thổ nhân bắt lấy lông có cái lợi làm quạt lông bán. Khoảng

năm Minh-Mệnh, (vua) nghĩ rằng hại nhiều sinh vật, mới cấm đi. (Đều là loài thủy điều xấu như chim **bồ nông** (đẽ hồ) **chim thèo** (*thốc thu*), v.v... họ bắt chim con lấy lông).

Loài lông vũ thuộc dương, cho nên thân dáng nhỏ mà tiếng kêu nghe xa, loài lông mao thuộc âm cho nên thân dáng thô mà tiếng kêu lại đục. Hồi trước có con chim tên là **a chày** ở bên Tây dương đưa qua, mình chim lông thú, không lưỡi, không bay và kêu được, trạng mạo xấu xí đáng ghét.

Xét sách Tục văn hiến thông khảo : « *nước Tổ Pháp Nhi (?) có con chim **đà kê** mình bẹp cổ dài như hạc, cao 3, 4 thước, trên mỗi chân có hai cựa lông như lạc đà* » Tức là chim này.

Vật có thứ khắc nhau như **thủy ngân** làm mềm được **vàng**, lấy vàng bỏ vào đồ đựng thủy ngân thì nổi chứ không chìm ; **cương sa** làm tan được váng mỡ lấy cương sa hợp với mỡ lợn đựng vào trong một đồ gì, để cách đêm thì hóa thành nước. Có vật do khí nó theo nhau như làm thịt trâu, lợn, bỏ muối vào huyết, huyết gặp chất mặn thì tan ra không đông lại. Đánh huyết cho đều rót vào bong bóng, lấy giầy buộc đầu miệng rồi xối nước liền tay đến trăm lần, nấu lên cắt ra thì đông lại. Lại lấy vài chục trứng vịt đập lấy riêng lòng vàng và lòng trắng đánh cho đều, đổ lợn vào bong bóng lợn, buộc chặt xối nước trăm lần hay để ở dòng nước chảy một đêm, nấu lên cắt ra thì thấy lòng vàng ở trong lòng trắng bọc ngoài y như một trứng. Bởi vì khí theo nước chuyển vận nên mới ngưng kết được. Lại như lấy **cỏ roi ngựa** (*mã tiên*) đốt ra than để chữa ghẻ ngựa và dẫu

ngựa cắn. Nước miếng mèo chữa chuột và rắn cắn. Gạch cua chữa sơn ăn. Mỏ con tấy chữa hóc xương cá, là lấy cái lẽ nó khắc nhau cả. **Chim côộc** (lư tư) hay bắt cá, thịt rất tanh, làm thịt nó phải bỏ vài con cá đã nấu rồi vào nồi nước sôi để trứng lòng sẽ nở lòng làm thịt ăn được (rồi còn) rửa mẹt sậy gạo lấy nước mà uống. **Cóc** (thiêm thử) cắn thì đập **ruồi** lấy xác bôi vào là lấy cái lẽ nó theo nhau. Lại như lấy cây bị sét đánh chẻ làm gậy, hễ thấy điều bay qua dưới ánh mặt trời dùng gậy ấy đánh vào bóng nó sẽ sa xuống ngay, cũng là do khí xui nên như vậy.

Bài Thiên kim phương trong sách Nguyệt-Linh tập yếu ²⁸³ có nói trong tháng 9 theo hướng tuất đào một lỗ sâu ba bốn thước, chôn năm cân than lấp đất lại để trừ hỏa tai, vì hướng tuất là mồ của hỏa. (Làm thế là) chế trừ ở khí vậy.

Theo lời người Cao-Mên thì sừng tê thiệt vẫn khó được bởi vì đực cái khó (giao) hợp nhau. **Tê** cái mỗi lần giao hợp với trâu rừng (Sơn ngư) sinh con cũng như tê mà sừng dài, ấy là **bò tốt** (chủ) Chỉ cha mẹ đều tê thì sinh con sừng ngắn, lờm chớm như ngọn núi, mới thiệt là sừng tê, dùng tốt hơn cả. Thuyết này cũng giống như thuyết con lừa (lư) và con la (loa). ²⁸⁴

Loài **cọp** mình nó lạnh lẽo nên người ta sợ nhưng cũng có người cọp lại phải sợ. Làng Hương-Duệ thuộc huyện Kỳ-Anh (Hà-Tĩnh) có Dương-Tào trước làm Đô đốc Tây-Sơn. Buổi quốc sơ, qui thuận làm chức Cai đội. Ông ở nhà mỗi lần xóm lân cận bị cọp quấy, tới đám thì được nay. Đi đêm trong núi, gặp cọp thì ông thét mắng (nó) phủ phục không

động đậy. Bởi vì người ấy đã có định thần. Người Tàu nói : « *Qui thần không sợ người dũng mãnh mà sợ người quả cảm* », cũng một lối ấy.

Loài vậ đều có một điểm sáng của nó, cho nên chó ngựa biết báo đềm cho chủ. Giống khác cũng vậy. Năm trước ở Kỳ-Anh có đứa trẻ chăn 2 con trâu ở ngoài đồng bị cọp vồ, nhờ có cái tơ nên bị thương nhẹ vội vàng gọi : « Trâu lại cứu tao ! » Hai con trâu bèn lại báng cọp, cọp phải thả người để đấu với trâu, nhưng thua chạy bị một con trâu rượt theo vào núi, còn một con ở lại giữ bên đứa trẻ. Chốc lát người đổ ra đồng, được vô sự.

Người ta bảo cọp không sợ dao gậy mà sợ roi ngựa vì roi ngựa chất nhỏ mềm và bặt. Khi (nó) nghe tiếng roi vút không dám vô người vì sợ roi quất phải mắt. Khoảng đường Bình-Thuận, Khánh-Hòa, phu trạm đi đêm gặp cọp thì lấy roi ngựa quất, nhiều khi cọp phải tránh. Nhưng đó là loài **beo** (*bưu*) chứ thiệt cọp thì chắc nó không sợ.

Mũi cọp không có lỗ nên nó cứ hác miệng luôn. **Cá sấu** (*ngạc ngư*) không có cổ và lưỡi nên ở chỗ nước sâu, sức không có. Bắt vật gì nó phải nấp ở trong cỏ bùn hay ở mép bờ sông bám vào đất dùng đuôi quất cho vật ấy ngã xuống nước rồi mới nuốt. Năm trước sông Cẩm Đàm thuộc tỉnh Gia-Định có con sấu to làm hại nhiều người, có một ông Tri bộ nọ bị sấu ăn mất, sấu bèn thành ma-trành như cọp người ta gọi là « Bộ Cẩm » Thuyền đi qua đẩy dạn nhau phải đi giữa dòng chớ không dám đi gần bờ. Quan Tổng trấn sai người ngoắc con vịt vào lưỡi câu buộc dây gai vào thuyền nhỏ, mỗi vịt nổi ở bờ sông, khi sấu đã mắc câu, thả

dây ra để mặc nó lội lên xuống vài ngày, đợi khi mệt sức vào bờ thở, mới lấy giáo đâm.

Cá sấu lâu chết, người ta bắt được nó lấy dây tre trói lại chôn xuống đất chừa một lỗ ở chỗ mũi để cho thở, mỗi ngày lấy nước gạo đổ vào, được vài tháng thì nó càng mập và trắng, trước hết cắt đuôi mà ăn, không chạm đến tạng ruột.

(Ăn thịt dần) đến một tuần nhật vẫn không chết. Chặt đầu nó sau vài ngày, miệng hãy còn ngáp.

Nam Kỳ chỗ nào cũng có sấu mấy năm gần đây nó chẳng làm hại gì, chỉ làm đồ ăn cho người. Duy những gà heo thả rông ở ngoài bến sông thường bị nó ăn cũng như cách chồn cáo. Sông Hàm-Long thuộc tỉnh Vĩnh-Long có một con sấu to bằng vài mươi hộc, người đi thuyền qua thấy nó lội ở giữa nước mà cũng không lấy làm sợ.

Hồ biển ở dưới núi Thạch-Bi thuộc tỉnh Phú-Yên cũng có sấu nhưng không làm hại gì. Hồ ấy ở ba lưu các sông Bàn-Thạch. Dân ở đấy nói thường có hai con sấu giữ cửa sông. Các sấu khác theo nước lên mà vào sông đều bị nó cắn đuổi phải trở về, nhưng giản hoặc có con nhỏ nào lọt thì con ấy phát tính dữ tợn làm hại người. Thuyết ấy cũng huyền hoặc.

Nước Cao-Mên trong núi có thứ trâu gọi là **diên**, lông và sừng đều trắng cả, người ta bảo thứ trâu ấy hay ăn rắn, sừng có chữa được độc rắn.

Con **gấu** tự cho bàn tay mình ngủ, khi nó ngủ thì bỏ tay vào miệng cho nên tay nó là món ăn ngon.

Sừng **nai** (mê) **hươu** (lộc) rụng (lại mọc) nhưng mùa đông mùa hạ. Nhánh sừng theo lông trắng hay vàng đen mà khác nhau. Sừng hươu chẻ ra ba nhánh, sừng nai hai, là theo số dương thì lẻ mà âm thì chẵn. Lại có lần thấy họ săn được con nai sừng dài một thước tám, giống như sừng trâu, hơi thẳng mà không có nhánh.

(Chẻ sừng nai bẹp bằng quân cờ lấy bột cau đốt cho thành than, làm thuốc hút độc trùng và độc rắn).

Con **sơn mã** tục gọi là con *ca tông*, mình giống như hươu, lông vàng, sừng rất to đến 7, 8 thước, nhánh sừng cái dài cái ngắn bất tề, xoáy tròn bằng cái đầu, thịt ngon hơn nai hươu (Sách Châu-Lập phong thổ ký của Chu-Đạt-Quan đời Nguyên ²⁸⁵ có nói : « *Loài thú có con sơn mã là vật mà nước Tàu không có* ». Nay chỉ ở Nam-Kỳ có thôi).

Thượng thư Phan-Mai-Xuyên ²⁸⁶ nói có lần thấy con **cá bông** (*hồ sa*) hóa làm con nai.

Xét sách Loại hàm : « **Cá lộc tử**, đuôi đỏ, đuôi và vây đều có điểm hoa vàng đỏ như hươu. Giữa Nam hải có bãi cồn soi đến mùa xuân loài cá ấy nhảy lên bãi hóa làm hươu ». Có lẽ nó cũng giống như **chim sẻ** hóa vẹm (cáp), **chim trĩ** hóa sò (thần), nhưng gián hoặc chỉ một vài loại, không phải hết thảy đều như thế.

(Thân) con **thỏ** chỉ có 8 lỗ, cho nên tục bảo nó không có con đực, chỉ trông trắng mà nhà con ra. Sự thật thì thỏ cũng có đực cái. Sách Bản thảo dẫn hài Mộc lan từ : « *Hùng thỏ cước phác sóc* », nghĩa là chân thỏ đực ánh gió bắc đủ làm chứng biện ra sự thật.

Nhím (vị) là một vật đủ cả âm dương, cũng thường ở cặp đôi nhau.

Đời nay nuôi **ngựa** tất nuôi **khỉ** bảo rằng nó có thể trừ được dịch ngựa. Sự ấy không biết ai bày đầu.

Xét truyện Quách-Phác : « Ông ta có lần tới nhà Tướng quân là Triệu-Cố vừa khi con ngựa tốt của Triệu chết tiếc lắm, Quách bảo lựa hai ba mươi đứa khỏe mạnh đều cầm sáo dài đi về phương đông 30 dặm, thấy có gò lùm đên miếu nào thì đập (vào bụi), hễ được vật gì thì đem về cho mau, ngựa sẽ sống lại ». Họ nghe theo, quả bắt được một như con khỉ đem về. Con vật ấy thấy ngựa chết bèn tới thổ hơi vào mũi ngựa, được một chốc ngựa sống dậy được ? Ý giả gốc ở chuyện này.

Tinh khí của cây đã già cũng hóa làm khỉ.

Sách Pháp Uyển châu lâm ²⁸⁷ : « Trương Bá-Cao dẫn cây, có 6, 7 ông lão đột nhiên ở lổ cây đi ra, cây ngã thì cũng chết nốt, nhìn kỹ thì khắp người đều có lông. Có lẽ là loại mà người ta gọi là khỉ bay (phi hầu) cũng quý vọng lượng ».

Nguyễn-Bá-Thản ²⁸⁸ trước làm Án sát Ninh Bình nói khi làm Tri huyện Lô-Dương (Thanh-Hóa), có một hôm đi đâu về gần tới nhà, trời đã chiều mây nổi đen sì và có sấm chớp sắp đổ mưa, bèn cũng vài đứa hầu đi bộ về trước cho mau, qua dưới một cây to thấy một vật như con cáo cứ quẩn theo chân, trong bụng lấy làm lạ, bèn cởi áo chụp bắt được, bọc lấy đem về, sai người nấu nước làm thịt, khi bắt ra thì giống cáo mà không phải cáo, giống khỉ mà không phải khỉ, mềm

nhũn. Làm thịt ra thì không có xương thử cho chó mèo ăn thấy không hề gì, bợn hầu nhân cũng ăn bảo thịt rất ngon. Một tuần sau, cây ấy chết khô.

Kinh thi có câu : « Trâu ơi tới đây ! Tai mầy phe phẩy ». Tục đời nay xem tướng **trâu**, tai và sừng muốn ước, vai muốn nở, chân muốn nhỏ, móng muốn khít, lông xoáy muốn cân, răng muốn bẹp và to như vỏ sò mà khít. Ghét lông so che trán, ghét trên cổ trước hông và dái cỏ xoáy, ghét mắt đỏ, ghét sờ da thô, ghét răng tròn mà thưa. Trâu mà lông sọ lấp trán và ngựa chạy phất đuôi thì tục rất riêng.

Sách xem tướng trâu của Nịnh-Thích ²⁸⁹ : « *Hồ thọ của trâu cách sừng gần thì đi lanh, mắt cho to, trong mắt có đường trắng đi xuyên qua con ngươi thì rất tốt, xương đầu dài và to, bước đi cho rộng ; chỗ cưỡi cho được như thắt lưng ngựa ; đỉnh cho rộng lớn ; quan (hàm) cho đứng thẳng, xương như cây lan rủ xuống ; châu cho to lớn ; nhạc (u) cho to, đầu cao, các bộ xương cho khít ; thùy tính (râu cằm ?) được như có dáng giận : bấp thịt cho to mà sà xuống ; móng chân chữ bát ; âm hồng thuộc đầu dương diêm (?) cho rộng ».*

Thường trâu nào tiếng như chim hót ấy là có (ngư) hoang. Hồ và châu sâu thì không thọ ; chỗ thượng trí mà lông loạn thì phản chủ ; thân như cuộn lại, bấp chân sau to và xương sườn thưa thì khó nuôi ; đầu như đầu rồng, mắt lồi thì hay vọt nháy. Gân cốt đều đặn, lông ngắn và dày nếu dài và thưa thì không chịu rét, đuôi chớ dùng con dài quét

đất, đuôi lông ít mà xương nhiều mới mạnh ; bắp thịt cho cứng sừng cho nhỏ, mũi như gương thì khó dắt, miệng vuông thì dễ nuôi. Con thủy ngư nào to mập đuôi xanh thì mạnh lắm ; dưới cổ có lông trắng hai khoanh rõ ràng thì không sợ dịch tễ).

Ngày nay tục thấy đám mây đen sì có vòi bở xuống, gốc to ngọn nhỏ thì bảo rằng **rồng lấy nước**. Lúc trước tôi ở Tân-Bình (Gia-Định) một hôm gió thổi mưa phùn, khi mây đầy cả bên cửa sổ, ban đầu tôi lấy làm lạ bèn ra cửa xem thấy mây loạn trời chạy như tên bắn. Cách nha môn vài trăm trượng có đôi ruộng cạn, nước chỉ có vài tấc, giữa không trung có một vệt xanh đen rất dài, trên to che được vài mẫu ruộng, dưới có vòi bở xuống cách đất hơn trượng, nhỏ chỉ bằng cột nhà, nước giữa ruộng vọt lên hết, cỏ rác lá cây gần đấy đều bị bốc lên trời cả, người đứng đó thì áo quần cũng cuốn ngược, chân đứng hình như không vững. Chừng một giờ dần dần rút vào mây, gió lớn cũng theo đó mà mất. Rồng khi nhỏ khi to, chỉ có cái vòi bở xuống không rõ là vật gì. Từ Triều-Tuấn bảo rồng là khí giữa đất hút lên mà thành, chứ không phải hình nó như thế. Lời bàn của nhà nho thì rằng : Khí dương uất kết dưới đất, gặp lỗ ùn ra cũng như khói bay ra cửa bếp gốc nhỏ mà ngọn to, chuyển động được nhà ở sức gió thì cũng có lẽ, nhưng tất là ở trên có mây dày từ hồi trước rồi mới như thế, khi sắp đi, lại có gió theo quét sạch, thì ngờ là có vật ấy. Đến như Nhâm-Khải-Vân nói rồng lấy nước, nó thả đuôi xuống chứ không thấy đầu. Nói thế là giải cái nghĩa bầy rồng không đầu phụ hội với bọn bỉ lậu chứ không xét đến nơi (khoảng năm Cảnh-

Hưng nhà Lê (1710-1786) có rồng hiện trong phủ họ Trịnh, xanh và trắng, đầu như đầu trâu, dài vài trượng, uốn mình trên nóc nhà. Thức giả cho là không có bằng cứ.

Hương rồng (long cốt) sản ở núi Đa-Bút, huyện Vĩnh-Lộc thuộc Thanh-Hóa. Dân ở đấy đào lấy làm thuốc. Răng, móng, đốt chân đều có cả, không phải đá cũng không phải xương, hễ chỗ nào có xương rồng thì có vỏ sò hến lộn lẫn.

Sách Nhĩ Nhã : « **Đẳng xà** (rắn thiêng) ? »

Tuân-Tư bảo : « **Đẳng xà** không có chân mà bay được ».

Thường thấy người miệt biển nói tình cờ gặp đi trên mặt biển báo gió mưa sắp đến. Có con **chạch biển** (hải dừ) to bằng cột nhà, từ mặt sóng bay lên trên cạn, gió mưa theo nó, làm hại gãy cây đổ nhà. Lại ở xã Thuận-Chân thuộc huyện Thiên-Lộc có một người đi thăm đồng trời mưa, đến bờ đập lở, nước sâu và chảy xiết, bỗng thấy một con rắn to bằng cột nhà ở gần bờ dựng đứng lên giữa nước, đuôi gần ra khỏi mặt nước thì người ấy vội trở cán xuống đánh, rắn lặn ra chết, xem thì vảy nó có hoa 5 sắc. Ý giả cũng thuộc loài Đẳng xà. Gần đây năm kỷ Dậu (1849) ở Quảng-Bình trong trận gió có một vật rất đỏ, đi đến đâu thì nhà đổ đó đến vài mươi nóc. Cũng là loài này. Tục gọi là **gió vảy đỏ** (*xích lân phong*).

Sách Nhĩ Nhã nói : « **Con trăn** (*mãng vương xà*) ».

Bình-Thành-Bá kể chuyện khi bé có lần theo thuyền buôn vượt biển tới Khánh-Hòa ghé vào một hòn đảo, người trong thuyền lên bờ hái củi và lấy nước, ông ta cũng đi

theo, thấy trên đá có lỗ như cái bát, nước sâu chừng vài tấc có con **tắc-kè** (*cáp giới*) nằm trong ấy, năm sắc giấp giới, râu lông dài hơn một tấc. Người thuyền dặn rằng đừng thột, rồi họ trở xuống thuyền lấy hương và vàng giấy tới cúng, hỏi thì nói có con măng xà đang nấp ở đó.

Thuồng luồng (giao) thuộc âm nên tính âm. Năm ất Dậu đời Minh-Mệnh (1825) có người học trò quê tên ở Nga-Kê (Hà-Tĩnh) kể chuyện : năm ấy về tiết thu mưa to nước ngập vào nhà dân làng người ấy cao có vài thước. Đến khi nước rút, có người dân làng sang dậy mở cửa quét tước thấy có một hộp sơn tròn đặt trên giường trong nhà, mở ra không được, con gái của người ấy chừng 16, 17 tuổi lại mở được. Trong hộp có vài đôi trâm và xuyên, cô gái bèn cất đi. Người ấy (sau rồi) đưa cả nhà đến ở Hồng-Lĩnh. Được hơn một tháng, người học trò nọ và mấy người xóm diềng ngẫu nhiên thấy trong vườn người ấy có một con thuồng luồng quấn dưới gốc cau, thấy người thì quấn quai thất thế. Ý giả ngày trước dỗ đưa con gái mà bị thần phạt đây chăng ? Bèn xúm lại giết chết.

(Những huyện duyên giang thuộc tỉnh Hưng-Hóa có nhiều thuồng luồng, ở hang, dân ở đây cũng có cho ăn lúa gạo. Thường năm cuối xuân thì nó xuống sông giao cầu. Nước miếng nó rơi xuống đất rất độc).

Năm xưa tôi đến Hà-Tiên vào nghỉ một quán, chủ quan làm thuốc, ban đêm đang ngồi nói chuyện, có một con rắn to bằng ngón tay leo vách.

Chủ quán bảo : « Đó là con **rồng gỗ** (mộc long) ». Rồi đứng dậy lấy chuối để trên rường nhà, rần cũng đi.

Tôi không hiểu gì cả nhưng không muốn hỏi vội. Sau hỏi thì dân ở đấy rằng : « Nó là tinh khí của loài cây chừa lại mà sinh ra, không hại người, người ta thường nuôi trong nhà để làm ăn cho có lợi. Mỗi tháng cứ mồng một và rằm thì lấy chuối hay trứng gà, vịt cho nó ăn, rần nút ruột chuối hay nước trứng để xác vỏ lại mà không tan vỡ ».

Xã An-Dã, thuộc Quảng-Địa, tỉnh Thanh-Hóa có sản một loại rần rất nhiều, tục gọi là **rần nang**, cỏ đỏ đuôi ngắn, chu vi không được vài tấc, tính nó cũng thuần, hay ở tường vách, đường, ngõ không hại người. Dân ở đấy xưa có ông lão ở đây nuôi một đôi rần đều cắt đứt đuôi, nên còn sót giống lại nay, quen người. Rần này sợ **hành thun** (tiểu toái), người xứ ấy cũng không hay trồng (tiểu toái tục gọi là hành chám, có xứ gọi (hành) thun có xứ gọi nặng có xứ gọi nắm).

Rần có hai lưỡi ²⁹⁰, thì giải rần thuộc kỹ và bính ; hỏa thuộc về lộc đình. Trong thân thể thì hỏa chủ về lưỡi nên rần có hai lưỡi. Tôi thì cho rằng : Những loại tượng về ngũ hành, hể vật thuộc thủy thì thành đôi cả. Nguyên, hanh, lợi đều một mà... thì gồm cả chính cố ; trắc ầu, u ỗ, ...nhượng đều một mà... thì phần được thị phi ; Tâm, căn, tì, phế đều một mà thận thì có hai trái ; Mào, ngọc, đậu đều một mà... thì hợp cả thủy và thổ ; Long điều... đều một mà sao Huyền Vũ ²⁹¹ lại hợp cả qui và xà. Nhưng qui và xà tuy thuộc thủy

mà rùa (qui) hình tròn ghé về thỏ, rắn (xà) thì cong queo toàn thuộc thủy, nên có hai lưỡi.

Tục Nam-kỳ lấy **rắn hổ mang** (*hổ xà*) làm món ăn quý, thường dùng đi lễ quan trên và đãi khách khứa. Lấy máu nó hòa với rượu mà uống bảo là trị phong thấp ; bỏ đầu và đuôi 5 tấc rồi mới ăn, cho là độc ở các chỗ ấy (Gấp đuôi lại dún rồi chặt đôi ra, lại lấy khúc đuôi do khúc đầu mà chặt bỏ). Lại có nhà nuôi rắn ấy dùng ống tre độ vài lóng một đầu để mắt, đầu kia để trống, bỏ rắn vào, lấy vật gì bịt kín miệng. Đàng mắt tre xuyên một lỗ nhỏ đâm hành thun tằm tằm tre bỏ vào lỗ, rắn sợ hành phải co lại, không thặng ra được, một tuần sau thay tằm khác, cũng tằm hành mà đẩy vào thêm, rắn càng co mãi lâu dần ngắn bằng con chệch, vảy trắng ra, rất ngon béo. Nhưng khi mở ống bắt nó phải lưu ý, nếu không nó cắn phải thì không thể cứu được.

Ở Nam-Kỳ có rất nhiều, chỉ không có **cá gáy** (*lý ngư*) và **cá giếc** (*tức ngư*).

Cá anh vũ sinh ở Tam-Nông thuộc Hưng-Hóa đến cửa sông Việt-Trì thuộc Sơn-Tây. Mỏ như mỏ vịt (anh vũ) mình dày và dài, vảy sắc xanh luốc, không có xương vụn. Cá ấy ở Việt-Trì rất ngon. Sông Nhị-Hà dài có ngàn dặm mà chỉ có khúc này là có cá ấy, đến khúc khác lại không có. Tiết rét mùa đông đánh lưới bắt nó, đầu xuân đang có khí lạnh cũng đánh được ít chiều. Cuối xuân về sau thì không còn nữa, nên lấy làm quý. Có tên là *Gia-ngư*, có kẻ bảo sông Việt-Trì có lỗ thông đến Bính-Huyệt²⁹². Cá này đến rét thì dời sang nam, nóng lại về bắc. Cho nên cá ở Bính-Huyệt tháng 3 mới

có, tháng 10 vào huyết mà đi. Cả sông (ở ta) thì đông tới, xuân đi.

Sách Sơn đường duy khảo ²⁹³ : « cá này thường lên sông Long-Môn ở Giá-Hưng (Triết-Giang) để hóa rồng ».

Cá chày (*chiên ngư*) chỉ sản ở sông Tam Thoa thuộc Vĩnh-Huyện mà thôi, còn xứ khác cũng không có.

Sông Sơn-Minh thuộc Hà Nội có **cá bạc** (*ngân ngư*) dài hơn một tấc, sắc trắng không vảy. Bắt được đang tươi nấu chín thì xương và thịt hóa ra như cao, vị rất ngon, nhưng nó ra khỏi nước liền chết không đưa đi xa được. (Cá này có tên là *khoái dư*).

Cá thi, sách Loại hàm gọi là *hoa ngư*, cũng gọi là *đấu ngư*. Sách Cao nam tạp chí lại gọi là *đình ban ngư*.

Cá du đô, vốn sinh ở Nam-kỳ. Miền bắc chỉ có *cá du ngư* sinh ở ruộng cũng giống cá trên mà nhỏ bằng ngón tay cái, sắc xanh thịt kém ; người ta bắt được thường bỏ đi. Lúc xưa không có cá này. Hồi quốc sơ mới nuôi nó, nay thì xứ nào cũng có. Cá này khéo nuôi con, bầy cá con đang lội bơi một đoàn, sắc đỏ rờng, mẹ đi theo sau, gặp khi kinh động thì mẹ há miệng cho con chui vào, cá khác không làm hại được cho nên sinh nở ra nhiều lắm. Thuở xưa có **cá trau** (*lệ ngư*) vị khá ngon, sau bị cá này ăn dần đã gần tuyệt nòi. Ở Nam-kỳ có **cá hoa** (*hoa ngư*) cũng giống như cá Du Đô mà hơi to, đầu và lưng đều có vẩy vàng, vị không ngon bằng.

(Nam-kỳ lại có thứ cá **thất lạt**, mình mỏng đuôi dài, giống như **cá leo** (*chiêm ngư*) mà có điểm tròn, vẩy nhỏ,

xương mềm, vị nó so với các cá khác cũng khá ngon. Ở Kinh (Huế) cũng có mà nhỏ).

Cá không ngủ cho nên ưa động. Sách Qui-Tân tạp thức của Chu-Mật : « *Những người đem cá giống đi đường bộ, gặp ao hồ phải múc nước mới, mỗi ngày thay vài bận, đi luôn cả ngày mà đêm cũng không được nghỉ, dẫu muốn nghỉ một chốc cũng phải để một người lay động nó luôn, bởi vì nước có lay động thì cá mới bơi lội nhớn nhỡ, như lúc ở giữa sông hồ, trái lại nước lặng thì cá chết. Nay những người ở Hưng-Yên buôn cá giống đều phải làm như vậy. Lại những người buôn cá giống nuôi trong ao hồ, không thấy nó đẻ con* ». Chu-Mật bảo là ban đầu mới nuôi cá, lấy dầu sao với cám cho ăn nên như thế.

Cá ở khe đầm, mùa hạ có chữa, đến tháng 6, 7 được trận mưa lớn, nó lôi lên bờ cỏ giữa ruộng để trứng thành con, đến tháng 10 mới ăn được. Nhà làm ruộng thường xem cá con nhiều ít để bói năm tốt xấu : Gáy, giếc nhiều thì đông, xuân mưa gió phải thời ; rô (quá sơn ngư) nhiều thì rét tợn, leo nhiều thì năm sau đại hạn.

Cá **lạc** và **lệch** (*man lí*) ở Bình-Định, Phú-Yên có nhiều, thứ đen vị ngon trong loài không có vảy có nó tốt hơn, còn thứ trắng kém.

Ở Biên-Hòa có cá **bạch thu** sinh sản rất ít. Nước Cao-Mên cũng có. Người Mên có yêu thuật, thù ai thì mời thầy vẽ thư phù một vật vào bụng người thù sẽ bị bệnh như bệnh cổ. Chữa bệnh ấy phải lấy vật ấy ra như gai cây, xương cá, đùm tóc, bọt nước, v.v... mới khỏi ²⁹⁴ Người bị

bệnh ăn làm phải quả **bí đao trắng** (*bạch đông qua*) thì khó chữa chỉ ăn cá bạch thu thì rất hiệu, họ nói người nào thường ăn cá ấy, yêu thuật không phạm đến cho nên ở Mên rất quý thứ cá ấy. Mà khó được nó, một con phơi khô giá đến 3, 4 quan tiền.

Con **tấ** (*thát*) hay tế cá. Thường khi một bày vài mươi con bắt (cá) để trên bờ sông, (tế) xong thì đá vào rồi đi. Nước tiểu nó có độc, làm mà ăn phải thì bị bệnh, cho nên tục thường dặn nhau được cá trên đất hoang tịch thì không nên lấy, là sợ thứ cá mà tấ đã bỏ rồi.

Hải thu tục gọi là **cá ông voi**, mình dày không vảy, đuôi giống tôm, kỳ nó rất sắc, mũi ở trên trán, tính có nhân hay cứu người. Người đi thuyền gặp phong ba mà đắm nó thường đội trên lưng đưa vào gần bờ, vẩy đuôi bỏ lên. Người miệt biển rất kính. Có con chết mà tạ vào bờ ruồi lẳng không đậu, họ bèn góp tiền làm ma, ai chủ việc ấy thì đánh cá và buôn bán có lợi.

Xét Tuy thư chép : « *Nước Chân-Lạp có con **cá kiên đông**, bốn chân, không vảy mũi như voi, hút nước phun ngược lên 5, 6 trượng* ».

Sách Minh nhất thống chí cũng thuật theo như thế. Nay hỏi người Nam-Kỳ và Cao-Mên thì không có thứ cá nào mũi như mũi voi, chỉ có thứ cá này mũi ở trên, đi thì phun nước như voi tắm, cho nên có tên ông voi. Còn bảo 4 chân là vẩy dưới bụng nó.

Cá lợn (*hải đôn*) đầu như đầu lợn mình như cá ông voi mà cồng, da dày 7, 8 phân, thịt rất ngon béo, mỡ nó thoa

đậu sang phát ngứa, nấu sôi sôi ghẻ lở rất hiệu ; lấy da mài với nước mà bôi cũng hay.

Hà Đồn to bằng ngón tay, dài vài tấc, ở dưới nước, hay cắn chỗ kín của người mà người không biết đau, lên khỏi nước mới biết, bắt được nó thì trướng bụng lên bằng cái bát, thả xuống nước thì trôi lênh bênh như chết đuối, một chốc lại bơi lội như cũ, cũng là ác vật nên gan rất độc.

Người duyên hải không giết thứ ***cá giang đồn*** có khi nó mắc lưới thì mở thả ra cũng như người thợ bắn không bao giờ bắn quạ vậy. Họ nói khi có một con giang đồn chết, cả bầy cá ấy đều xúm lại đỡ lấy con chết theo dòng nước mà lên xuống, thở than ngậm ngùi dường như khóc lóc, đến khi thịt con chết rửa mới tan, ấy là giống cá biết thương đồng loại, cho nên người ta không nỡ giết, nếu làm mà giết thì đánh cá không lợi. Chỉ người Quảng-Yên bắt nó nấu dầu. *Hải đồn* tục gọi là ***cá mòi***, *hà đồn* là ***cá nóc***, *孽* *giang đồn* là ***cá nặc*** 喙.

Kiểm ngư cũng là một món ăn biển ngon. Mình nó dày mà dài như ***cá nhám*** (*hồ sa ngư*) gọi là ***cá Mệ***m. Cá biển hay ươn chỉ có cá này bắt được bọc vào mo chuối, cách một đêm hãy còn làm gói được.

Sách Lĩnh biểu lục dị : « Con ***Chương cử*** hình như ***con mực*** (ô tặc), *Mán-Việt* ²⁹⁵ có nhiều, đang tươi cũng như ***sứa*** (thủy mẫu) dùng gừng và giấm mà ăn. Thạch cự cũng một loài với *chương cử*, mình nhỏ mà chân dài tằm muối, phơi khô nướng ăn rất ngon ». Thạch cự tục gọi là ***cá mực*** phơi khô đưa đi xa được. *Chương cử* tục gọi là ***con nuốt***.

Cua cũng có đực cái. Nhưng không thấy nó sinh sản gì. Trứng sam (hậu) đầy cả bụng mà sinh con lại ít, cho nên sách Quảng-Đông tân ngữ²⁹⁶ bảo : « *Cua ở Viêm hải đều là sam hóa ra cả, trong 10 phần thì 9 phần cua, 1 phần sam* ».

Lại có thứ thịt **hến** (hạng cấp) hóa ra. Có lần thấy người nhà nấu hến, có một con thịt đã hóa ra cua mà hầy còn mềm so với con cua nhỏ đèo trong bụng con hải cánh²⁹⁷ không giống nhau. Gạch cua (giải hoàng) cũng theo tuần trăng tròn hay khuyết khoảng trước hay sau ngày 30 thì chắc, trước hay sau ngày rằm thì óp. Cua ưa đem tối. Nó đi thì cứ theo mặt trời, buổi mai phương đông, chiều phương tây, trưa phương nam, nửa đêm phương bắc, chất nó thuần âm khi động lại ứng về dương.

Ở Nam-Kỳ có một loại **ba ba** (miết) gọi là *trắng bóng* 鼻俸 nó với **rùa** (qui) và **đôi môi** (đại mai) giống nhau, đều có hai lớp mai. Rùa sinh ở núi, hình nhỏ, mai đỏ mà mềm ; đôi môi sinh miết biển, hình to mai có vân mà cứng ; trắng bông sinh ở sông chằm, nhỏ hơn đôi môi, mai cũng có vân, nhiều vân trắng lợt, người ta thích dùng làm chóp nón. Rùa tục gọi là Quảng đông 廣蠃 làm thịt nó phải bắt vài con trùn (dấu) nắn sạch bùn rồi nấu lẫn với rùa thì thịt mới lìa mai, không thì cứ dính mãi. Cũng không thể hiểu được ra sao. Ý lấy lẽ con trùn hay co duỗi chẳng ?

Con **hàu nhím** sinh ở những đảo thuộc Quảng Nghĩa, Bình-Định, dính bào đá bằng chén rượu, ngoài vỏ có gai như chiếc đũa nhỏ, dài tấc rưỡi, tua tua như trái **thầu dầu** (ti

ma), thịt sắc tía, vị ngon hơn loại mã đao, muối mắm rất ngon, các loài có vỏ và thứ ốc côm đều không bằng.

(Tỉnh Quảng-Yên có sản con *viên viên* cũng như hầu nhím, không dính vào đá làm mắm, được thứ hai).

Ốc côm sản ở Tiền-Giang phong vị lại hơn. Ở Nam-Kỳ lại có *hương loa* tục gọi là **ốc lươn** sinh ở chằm sác, hay leo cây, người ta bắt lấy đập vỡ đầu nhọn, bỏ mỡ heo và gừng ớt vào rồi nút ăn, cũng ngon.

Chân-Lạp phong thổ ký chép : « Loài hến, sò, trai, ốc, v.v... ở biển nước ngọt nên vớt được. Chỉ không thấy cua ở biển nước ngọt ». Bởi vì Biển Hồ là nước Tiền-Giang chảy vào.

Có câu : « Một tấc (a) giao, ngàn trượng (nước) đục » (一寸膠千丈澤).

Sách Mộng-Khê bút đàm : « Xứ Đông-Á ²⁹⁸ có Tể-Thủy chảy vào, mức nước ấy nấu a-giao hòa với nước đục thì trong, lấy lẽ rằng nước sông Tể chảy xuống thì trong mà nặng vậy ».

Phương nam hiểm A-giao thiệt mà người ta cũng không thấy. Hễ gánh nước đục đựng vào một đồ gì dùng vài đồng bạch phân hóa vào hay là giã một nắm đọt hồng qui mà lỏng, một chốc trong ngay. Chỉ nước Biển-Hồ thì đen mà đục hòa vài đồng bạch phân vào chính nước thì hơi đứng lại như nước đậu, tạm uống được nhưng mùi tanh không nấu được trà, lóng đến hai bận mới trong, nhưng lại chua chát không thể uống được. Duy chỉ bỏ vài con hến vào để nó hút

chất bùn, cách một đêm thì nước trong mà ngọt, bởi vì bùn nước Biển-Hồ nhẹ mà nổi.

Nhà nông hay dùng **xương đùi ếch** (*điền oa*) để xem tuần mưa. Thường nghiệm rằng : nửa trên đen thì mưa vào đầu tháng ; giữa đen thì mưa giữa tháng nửa dưới đen thì mưa cuối tháng ; toàn đen cả thì mưa luôn ; toàn trắng cả thì không mưa. Gân hàm con gà cũng vậy.

Thơ Chương-Hiến-Tiêu có câu :

田家無五行, 水旱卜蛙聲

Điền gia vô ngũ hành, Thủy hạn bốc oa thanh. Nghĩa là nhà làm ruộng không biết ngũ hành, lụt hay hạn chỉ bói vào tiếng ếch. Nay tục bảo rằng : **Ếch** kêu sớm mà nhận thì được mùa ; kêu chậm mà thưa thưa thì mất mùa. Lại **cóc** (*thiêm thừ*) **nhái** (*thanh oa*) trong những tháng nắng mà kêu thì có cái triệu sắp mưa. Thơ của Chương chắc cũng theo đó.

Sách Tự thuyết của Vương-An-Thạch ²⁹⁹ : « **Con ễnh ương** (*hà mô*) hay nhớ đất cũ, đưa bỏ một nơi xa đêm sau nó lại về chốn cũ, dầu đưa đi thiệt xa, nó cũng nhớ mà về nên có tên thế ».

Nhưng đưa đi xa mà về là **con cóc** (*thiêm thừ*) cũng có tên là lại hà ma. Đến như ễnh ương thì nổi danh về tiếng kêu.

(Ngạn ngữ có câu : « như cóc bơi vôi, ba năm lại về », để ví với người nhớ quê hương. Đời Tống cũng đã có câu như thế).

Con **ngao hoa** (xa ngao) lúc mới sinh ở bãi cát nhỏ bằng hột kê hột gạo, thành từng sợi dặt nhau, hơi lớn thì đứt rời từng con một.

Sách Gia-Định thống chí của Cấn-Trai chép : « Con **Sò huyết** (huyết cáp) đục lỗ giữa cát sâu hay cạn hành từng hàng, loài **hến cơm** (cam cáp) cũng như thế cả ».

Sách Toàn Nam tạp chí : « Có con **ốc tằm** ở giữa biển, trên thịt có gân như sợi, chim yến ăn lấy, thịt tiêu mà gân không tiêu, nó lại nhả gân ấy ra làm tổ. Nước ta nhiều xứ sản yến sào, nhưng chưa nghe nói đến sự ấy ».

Thơ Đỗ-Phủ có câu : « **Điểm thủy thanh đình khoản khoản phi** ». Nghĩa là **chuồn chuồn** đớp nước bay tung tăng. Chuồn chuồn đớp nước rơi trứng xuống rồi hóa ra sâu, hình như cà cuống (quế đở) mà nhỏ không cánh, kịp khi thoát xác lại hóa làm chuồn chuồn như cách con cung quăng (hóa muỗi).

Phù Ngô đo có câu : « **Hương cống bát tàm chi cấm** », nghĩa là lòng cống (vua) có thứ gấm tám lần tằm. Và chú rằng phương nam khí ẩm một năm nuôi được 8 lần tằm.

Năm Minh-Mệnh thứ 17 (1836) lấy giống **tằm bạc** (ngân tằm) ở Tô-Châu đưa về (trứng to hơn trứng tằm ta gần gấp đôi). Lúc lấy là tháng 9 người xứ ấy dự tính đến tháng hai thì nở con. Kịp khi về đến nước ta thì mãi đầu tháng giêng trứng tằm đã nở, nuôi không được tốt. Bởi vì khác đất nó không chịu nổi khi nóng.

Thi sở của Lục-Cơ : « Con **liều thân** (phù du) sớm sinh tối chết ». Xét con này mỗi sáng bay trên mặt nước, người

Bắc-kỳ bắt về làm món ăn, mặt trời mọc thì rơi xuống nước chết cả. Đến tối lại nở ra. Cho nên Vương-Bao nói rằng « *liều thân ra về đêm* ». Lục-Cơ sớm sinh tối chết đại khái tả sự mau đó thôi.

Sách Nhĩ Nhã nói con **thổ phong** và **mộc phong**. Quách-Phác chú rằng : « ở Giang-Đông có thứ ong lớn làm tổ trong đất, hay ăn con của nó, tức là thứ **mã phong**. Người miệt Kinh-Ba ³⁰⁰ gọi là *thiện*. Mộc phong cũng như thổ phong mà nhỏ, làm tổ trên cây, cũng ăn con của nó ».

Xét thổ phong, tục gọi là **ong chẵn**, lại gọi ong chằm chằm, trong các loài thì ong ấy to hơn, nọc rất đau. Mộc phong tục gọi là **ong cù vẽ** vì ngoài tổ nó có vân như vẽ vậy. Hai loài này đều không có mật. Đầu xuân chỉ có một con làm tổ bằng trái cà, tục gọi là ong bồ côi rồi con này đẻ con kia, thêm ong thêm tổ, dần dần to bằng cái đấu, tổ nó chỉ mở một cửa, mùa đông tự đóng cửa lại, nhiều con chết rét trong tổ, con nào không chết thì đến xuân sang năm mở cửa ra, phân tán mỗi con đi làm tổ một nơi. Lại có một loài ong sắc vàng tục gọi là ong vang, cũng làm tổ trên cây và hè nhà cũng như cù vẽ mà nhỏ, ít nọc, cũng không mật, con nó gầy nhỏ, người ta không hay ăn.

Sắc Phương ngôn ³⁰¹ : « Con ong người Yên, Triệu ³⁰² gọi là **mông ong**, con nhỏ gọi là **ế ong** có kẻ gọi là **u thoát**. Theo Bác Nhã của Trương-Ấp thì u thoát tức thổ phong, tức ế ong vậy ».

Thế thì tiếng phong với ong đời Hán đã nói rồi. Ế ong là con (ong) nhỏ. Chỉ con **quả lỏa** tức nay tục gọi là **con vò**

vò ³⁰³ thì sai. Sách Nhĩ Nhã chú là mã phong. Tiếng u với tiếng vò nghe gần giống nhau).

Ong làm mật có ba thứ : một thứ to bằng quản bút, sắc tía, đốt người thiệt đau, cả bầy rất đông, hay làm tổ bên lèn núi, to bằng cái học (Cửa động núi Tiên thuộc Hà-Tiên có một tổ ong to bằng vài học đầu từ 6, 7 mươi năm về trước). Sáp và mật rất nhiều, tục gọi là **ong mật** (*mật phong*) (vì mật nhiều nên chỉ gọi tên ấy). Lại có thứ gọi là **ong sứ** (*sứ phong*), **ong quân** (*binh phong*), và **khoái phong** tới ở vườn người, bị người ghét (lấy nó thường vào tháng 6). Một thứ to bằng chiếc đũa, chân vàng, ít nọc cả bầy được độ vài bát, người ta hay nuôi, làm tổ trong bông, gỗ, sáp và mật không được nhiều lắm, tục gọi là **ong bông** (*dụng phong*) (hoặc gọi là **ong ruồi** (*dăng phong*) vì nó hay ở bông cây, người ta cũng đục gỗ làm bông để nuôi. Có nhà không nuôi mà nó đến, tục cho là điềm tốt và lợi. Hai thứ này đều sắc vàng. Một thứ nhỏ bằng ruồi, sắc xanh, nọc ít, cả bầy không bao lắm, làm tổ ở cỏ và cây hay chỗ bờ rào, to cỡ nắm tay, sáp và mật cũng ít, tục gọi bằng **ong ruồi**. Mật nó có thứ biếc, có thứ trắng là tùy khi nút hoa màu gì. Phàm hoa ong nút chia làm ba hạng ; một hạng trắng vừa thì đội lên đầu đưa về dâng chúa một hạng rất trắng mà có mỡ, mang lên lưng đưa về làm tổ ; một hạng vàng mà không gợn thì kẹp ở chân đưa về gầy mật. Hái hoa uống nước xong (con ong) trở về tổ, khi còn xa thì bay nghiêng, gần đến nơi thì lại bay cao, nó sợ người ta dò theo, phá hại chẳng. Lại có một thứ ong to bằng ngón tay sắc thiệt đen, đốt rất đau, làm tổ trong cây tre khô, chỉ có một mà đẻ được vài con nhỏ tục

gọi là bằng **ong mọt** (đỗ phong) cũng gầy mật làm phần sắc trắng lợt.

Sách Phương ngôn : « *Khoảng Yên Triệu có thứ ong to mà có mật gọi là đỗ phong* ».

Quách Thác chú : « *nay có thứ ong đen xuyên lỗ cây tre cũng có mật, hoặc gọi là địch cư* ». Ấy tức loài này.

Bản Âm dương biến hóa lục trong sách Loại hàm : « *Loài ong mỗi năm đến tháng 3, 4 thì sinh sắc đen, cũng có con gọi là tướng phong (võ), có con gọi là tướng phong (văn) thứ này, không biết hái hoa chỉ biết gầy mật, không có thứ này thì không nên mật. Khoảng tháng 7, 8 thì chúng chết hết, nếu không chết thì cả bầy bị đói. Tục bảo rằng tướng phong (văn) qua được khỏi mùa đông thì cả họ nhà ong hết sạch* ».

Đời nay người ta đang truyền thuyết ấy cũng bởi (sử) trong triều ngoài đã đều chép. Đại loại cũng như bảo con voi An-Nam biết được người gian hay ngay. Kỳ thiệt thì không thể. Thường thấy người ta nuôi ong, đầu xuân không có con nào sắc đen và làm được mật. Ong nút hoa đem về đẩy trong chân ra, kẹp vào lỗ, hai chân nó tự đập lấy, lại dùng vòi mà hít, không đợi đến ong đen gầy mật, đến mùa hạ mới có ong đen, mật đã dần dần hao tổn, ong đen càng nhiều thì mật càng hao, lấy một tọng mật trong tổ ra xem thấy trong gác lỗ có con non mà đen, ý giả ong mạ tình cờ nút phải hoa xấu mà sinh ra loài làm hại cho nó. Nhà nuôi ong cũng ghét thứ ong đen ấy, thấy nó nhiều thì bắt giết đi bảo là ong lười vì không biết nút hoa gầy mật. (Trong tổ

ong khoảng trước và sau ngày 30 thì mật đầy, khoảng trước và sau ngày rằm thì ít đi. Con ong non béo hay gầy cũng vậy, cũng như cua gạch).³⁰⁴

Hễ ong có mật thì làm tổ từng miếng nghiêng xuống, cửa trở một bên, ong không làm mật tổ từ trong ra từng nụ chắp lần lần như mắt cây, cửa trở phía dưới. Nó tùy tài làm hết sức. Loài vật bé tí mà như thế. Nếu để miệng tổ trở xuống cả khi nó không thể gầy mật được.

Vật có chất ngọt thì hay sát trùng. Mật ong rất ngọt có thể làm tan được **địa** (*thủy điệt*) là một vật khó làm cho nó chết. Rưới vào thịt, cá, nem dưa thì không sinh giòi. Nước dừa cũng trị được **sán** (*bạch thốn*).

Sách Thần dị kính của Đông-Phương-Sóc³⁰⁵ : « *ăn mía trị được giun* (*bư*) ». Khoai lang cũng thế.

Vật cũng tùy thủy thổ mà tính chất khác nhau. Như địa khó làm chết, ai cũng ghét mà **đôn đột** (*hải sâm*) khi đang tươi, hình sắc như địa, bắt được nó đem phơi khô, dùng làm canh, là một món ăn rất ngon dùng khi tế tự.

Loài côn trùng nhiều con theo khí mà hóa. Thường thấy những con trùng có vỏ (giáp trùng) ở trong nước.

Sách Toàn nam tạp chí : « *con long sất như con bọ trong phân trâu sặc đen mà mình mỏng, bóc vỏ mà ăn* ».

Nay tục gọi là **bọ niệng** (vốn) ở không trung sa xuống giữa cỏ, ban đầu từng bày dính cục lại như trái cù, đến khi tản tác không gặp được nước rồi bay mỗi con một ngã, đủ biết loài trùng không phải hết thảy ở nước sinh ra. Lại ở

trong giếng và chậu nước, khi trời mưa, thường có giun to bằng chiếc đũa không phải dưới đất hiện ra. Con *quế đố* (tức là con mà Triệu-Vũ-Đế dâng Hán-Văn-Đế, tục gọi là **cà cuống**)³⁰⁶ đẻ trứng, vị cũng kém. Lại vào tiết cuối hạ đầu thu thường có lưới **nhện** (*thù*) giăng giữa trời tục gọi là tơ thiên tôn (thiên-tôn-ti).

Nhện giăng lưới trên đám cỏ, mỗi buổi sáng mù bám vào mặt lưới xem như tờ giấy mỏng, nhà nông cũng hay xem nó để bói mùa được mất. Lưới ngang bằng, chính giữa thụng xuống sâu thì được mùa ; nếu nghiêng lệch và thụng xuống cạn thì mất.

Hồ da tử là thứ sâu ở đọt cây hồ da, cây như loại hải táo mà trái nhỏ tục gọi là *sâu thâm lá*, hình như ong non, bỏ vào ruốc cá cho nó ăn, rồi bắt nướng ăn rất ngon. Ở Vĩnh-Long rất nhiều, có cống (vua). Mùa đông thì lấy, đến xuân sâu đã già, hóa ra sâu có vỏ rồi bay đi.

(Sâu ở cây đậu ván có gai, ăn cũng ngon. Trần-Ngọc-Diễm³⁰⁷ làm Án sát Vĩnh-Long nói trong núi Hùng-Quan có thứ sâu to bằng ngón tay cái sắc trắng có vòi, chân như chân voi, tục gọi là **sâu voi sương**, ở hang dưới đất mỗi khi có đốt rồi mới mọc mầm, nó lên ăn sương, người ta bắt nướng ăn gần được như hồ da tử).

Quảng-Đông tân ngữ : « **con rươi** (*hóa trùng*) là rể lúa hóa ra » loài này sinh ở ruộng có nước thủy triều. Khi đầu ẩ (dưới nước) nhỏ bằng sợi chỉ, dài vài thước, sắc đỏ tía, liền sợi, không miệng, không đốt, khoảng trước sau tiết sương giáng (24 tháng 10) thì chín khi chín thì hóa rất mau,

đoạn nào chín thì dứt ra, nổi lên mặt nước ngay như mũi tên. Rươi ở Ninh-Bình rất ngon, có cống vua (Tỉnh Hải-Dương và Bắc-Ninh lại có con bùi nước (thủy trần) bằng hột tằm, nổi lên mặt nước quây quần theo bọt, dùng vải làm lưới nhỏ bắt để làm mắm, sắc đỏ, vị ngon. Mắm ở Lương-Tài (Bắc-Ninh) làm thì ngon hơn).

Tép (*điền hà*) phần nhiều là rể cỏ thi hóa ra. Sách Quyện du lục : « *Xứ Lĩnh Nam về những tháng nắng có thứ mỗi (bạch nghi) xuống nước hóa làm con tép, người xứ ấy dùng đuốc soi, bắt về làm mắm* ».

Ve (*thiên*) là rể cây mục nát hóa ra. Có lần thấy người ta đào cây niêm khô (lá như lá hòe, giã vỏ làm nhựa trết chim. Bản thảo cương mục bảo là cây câu cốt như câu thơ Đỗ-Trọng : Nam sơn hữu cây nghĩa là núi Nam có cây câu, tức là câu, này người ta lấy vỏ nấu keo đánh chim gọi là nhựa niêm ly) chỗ rể mục có 5, 6 con ve chưa động đậy bay được. Sách Đậu dương tạp trở : Ông Vi-Kiều tháng đông đào rể cây được con ve, bẻ bụng nó ra đang còn có chất cây khô Tên có như thế.

Núi Hoa-ổ ở nguồn Câu-Đê thuộc Quảng-Nam rất nhiều ve, người xứ ấy bắt lấy, bỏ cánh và chân, rang ăn vị tương tự như con phù-du mà người Bắc-Kỳ hay ăn tục gọi là cái vờ.

Tắc-kè (*cáp giới*) leo cây mà lên, gập nhánh có mắt thì dừng lại, thợ đốn gỗ vào núi làm việc, lấy giây buộc con tắc kè thả dưới gốc cây cho nó leo lên, khi nó đã dừng lại thì

kéo xuống đo giây, biết được thân gỗ dài ngắn bao nhiêu cho nên tục gọi là con *mực thước* (*mặc xích trùng*).

Chuột chù (*xú thử*) người ta đều ghét. Cũng có chỗ không nên ghét là hễ nhà ai có chù reo thường có điềm tiểu hỉ.

Giống (*thạch long nhuế*) chứa cỏ khô vào hang phòng mùa đông, có khi ăn hết phải cắn đuôi mà ăn, sang xuân đuôi lại mọc.

Trên mặt đất, tinh vật không giống nhau mà thói tục cũng khác. Theo địa xứ mà nói thì người Bắc-Kỳ hay ăn con *chúng*, tục gọi là **châu châu** và con **chuột đông** (*điền thử*) ; người Thanh, Nghệ ăn loài giáp trùng ở nước ; người Bình-Thuận ăn con thạch long nhuế tục gọi là chóông. Họ đều cho làm món ăn thường, người xứ khác thấy thế lấy làm lạ. Người Nam thích ăn **ngư tinh thảo** tức *trấp thái* ³⁰⁸ mà phần nhiều người Bắc không ăn được ; người Bắc thích ăn **rau lá mơ** mà người Nam có kẻ không nỡ nếm. Nhà chùa hay làm **bạch đậu hủ**, ai thích nó thì ăn không không biết chán, ai không quen đến gần là rùng mình. Ở Nam-Kỳ ăn thịt rắn cho là món quý, mà người nơi khác mời nếm đã rợn gáy. Người Bắc trải chiếu giữa đất mà ngồi, người Nam làm nhà phải lát ván trên nền, không thì phải ngồi ghế vì khí đất (ấm) thấp. Từ Quảng-Bình vào nam cái cây thô mà to phải cày trâu đôi, từ Hà-Tĩnh ra bắc cái cây lại nhỏ mà cày trâu một vì ruộng có nước không tiện (khác nhau). Theo thời đại mà nói thì người đời xưa ăn rau quỳ mà đời trung cổ thì không ăn ; đời xưa đốt cây ngải (tiêu) mà nhà Lương về

sau lại dùng hương ; đời xưa tể thì dùng lụa mà nhà Đường về sau lại dùng tiền giấy ; đời xưa tiền bằng vỏ sò mà đời sau lại không ; đời xưa lấy bạc trang sức đồ vật, không làm tiền tệ mà đời sau lại chuộng nó. Theo vật tinh mà nói thì ở Bắc-Kỳ thịt gà ngon thịt vịt kém mà Nam-Kỳ thịt gà không bằng thịt vịt. Cá Tiền-Giang phần nhiều cùng một loài với cá biển mà cá sông cá biển ở xứ khác lại phân biệt. Cây mít là gỗ tốt mà mọc ở Nam-Kỳ sợ gỗ lại thô. Các loài như thế bởi phong khí với tập thượng khác nhau.

Vật tốt lắm tất có chỗ xấu lắm. Những món ăn ngon thường có chất độc, dầu loài ngũ cốc cũng vậy. Gạo thơm thì người bệnh và đàn bà có thai ăn động khí. Cá gáy rất động phong. Thịt công (khổng tước) làm nem sắc trắng vị rất ngon người yếu ăn động khí, đau các đầu khớp xương chân tay. Đầu và mật công rất độc ăn phải chết người. Các quan làm thịt nó phải cho người xem xét, chôn đầu và mật. Thịt đồi mồi cũng động phong. Hai loại ấy ý giả người nó có văn hoa nên như thế. Người đời xưa ăn cơm hút canh rau chẳng những một tiết kiệm mà cốt ở vệ sinh.

Nam-Kỳ **thịt bò** (*hoàng ngư*) cũng độc. Tôi ban đầu không tin. Có lần nhận làm một con, người dự tiệc hơn nửa không ăn, chỉ có vài mươi người ăn đều bị đau cả, có kẻ phát rét rồi cũng khỏi.

Thịt mà dùng lá cau làm củi nấu đều có độc, hay sinh đau bụng, tháo dạ, đi lỵ

Bầu (*biểu qua*) ở Hải-An tỉnh Bắc-Ninh ; **đào** ở Lạng-Sơn ; **khế** ở Vị-Xuyên tỉnh Tuyên-Quang ; **quýt** và nước

mậm cây **lư**³⁰⁹ (Thường năm tháng 10, cây lư trở mậm, nhân móc, sương và mưa thấm vào đọng thành nước), ở Hưng-Hóa đều có độc cái ăn lấy thì mắc sốt rét (chướng) hại người.

Nấm lim rất cứng, có độc làm chết người Chỉ lấy nó mài với rượu bôi vào vú đau (nhũ ung) rất hiệu. Tri phủ Tư-Nghĩa Quảng-Nghĩa xưa là Văn mỗ nói : « **lim** tức là kinh loan. Sách Bản thảo. Sản (ở xứ) ngoài biển lớn, to vài mươi vòng, gọi là thiết mộc, hoa nó (ăn) chết người ».

Sách Tây oan lục³¹⁰ : « Gạo làm cơm cá kho nước đi qua rừng cây kính »³¹¹ tức là nó.

Hải tộc có con **rắn đén** (hổ sa) rất dữ cũng gọi là **cá rắn** (xà ngư). Ở chỗ chiến sa Tiền-Giang có nó, một khúc ở Thuận-Cảng lại càng nhiều, thuyền đi đến chỗ ấy thường dạn nhau chớ có tắm giặt. Ngạn có câu : « Nước cạn tránh sâu, nước sâu tránh đén ».

Sách Bác Nhã nói thứ **rắn hủy khuê**.

Sách Bản Thảo : « rắn **thanh khuê** có tên là **thanh trúc**. Sắc lục hay leo nhánh cây và tre, độc rất dữ. Rắn này tục gọi là **rắn lục** đẻ con nhả ra đànang miệng, mỗi một lần đẻ chỉ có vài con, mà quẩn lấy nhánh cây để đầu xuống dưới, con rơi xuống đất, trở lại ngó mẹ ngay, thường bị quạ diều ăn mất, con nào không ngó mà chạy thẳng thì khỏi. Mẹ nhả xong thì chết ngay, cho nên loài nó không mấy. Tiếng kêu rắn lục như gõ sừng mà to, con lươn (oa ngư) kêu như gõ sừng mà nhỏ ».

Sách Lĩnh biểu lục : « **Rắn hai đầu**, ngoài lĩnh biểu rất nhiều loài này bằng ngón tay dài chừng một thước, dưới bụng có vảy đỏ, trên lưng có vân gấm, hai đầu đều có thể bò lui tới được ». Rắn này tục gọi là **rắn mai gấm**, to bằng ngón chân cái, một đầu có miệng có mắt, một đầu tựa như có miệng nhỏ mà không mắt, nọc rất độc.

Năm xưa tôi ngồi dạy ở một nhà kia. Một hôm, tình cờ ngủ ngày, khi đã dậy thấy dưới chiếu có vật gì cồm lên, rờ thì thấy tròn mà bằng, đường kính hơn 6 tấc bốn bề nhúc nhích luôn. Sai người mở sẽ chiếu thì là một con rắn. Bèn giết đi. Ấy là con rắn hổ.

Bình-Thuận có loại rắn nhỏ vừa bằng quản bút hay ngón tay, sắc cũng y như sắc đất trên lưng có từng vết dọc, tục gọi là **rắn đọt na**, cắn người rất độc. Miền này có **cây san hô** đọt giống xương rồng lá bằng con toán mà tròn, lấm mủ, mủ nó chữa được nọc rắn ấy.

Bình-Thuận có **cây gai chặm lưới**, cao 5, 6 thước, lá như lá cây (tì thị) hơi hẹp mà nhọn, gai nó ở đầu lá, nhọn mà nhỏ bằng hạt cát, đâm phải người rất độc ai lằm mà bị, dần dần nó rút vào thịt, càng ngày càng sâu, không thể lể được, có người sinh mụn lở đến vài tháng, chỉ giã **củ tỏi** (đại toái) xoa vào, thì lấy gai được, rất nghiệm.

Nha phiến, thuyền (tây) dương chở sang hình như phân gà, nó làm mục dạ dày và ruột, mất cả thần trí người ta. Ai nghiệm phải thì hết của hư thân. Chắt độc cỏ cây không gì bằng nó. Thị Lang là Nguyễn-Đình-Tân ³¹² có kể : « Ngày trước, ông ta nhân đi lại với bọn làng chơi trẻ tuổi,

có hút mấy lần rồi thành nghiện, lại sợ người ta biết, thu thu dấu dấu đê tiện quá chừng. Lâu rồi thần trí tối tăm, chỉ biết có hút, chứ không hay trên đời có gì đáng lo đáng mừng nữa. Lỡ lối nửa ngày mà không được hút thì buồn bực muốn chết. Sau vừa hồi vừa sợ mời thầy tới chữa. Thầy cho thuốc uống, cai được vài ngày liền phát ra trăm chứng, cơ hồ nguy đến tính mệnh. Thầy bảo phải nhẫn nại, được vài hôm sau đi ngoài toàn phân đen đều là khí thuốc nghiện, 7 ngày dần bớt, 21 ngày thì lành, thần trí mới bình phục ».

Lại nói : « Hồi ông ta đi sứ Tàu có viên Thông sự nhà Thanh là Lý mỗ cũng nghiện, khi đi đường tỉnh Trực Lệ cả ngày không có hút, chết muộn ở trên xe, 9 khiếu đều có có những con trùng bò ra như cung quăng trong nước mà đầu mỏ thì cứng ».

Ông ta lại nói : « Có tới một nhà kia, giường chiếu sạch sẽ, ngồi một chốc có con thằn lằn (thủ cung) trên nóc nhà rơi xuống chiếu chết. Hỏi người bên cạnh thì họ nói chủ nhà ấy thường hút thuốc phiện ở chỗ này, con vật nọ bắt nghiện, bây giờ mắc khách, nó không được hít khói nên chết muộn như thế ».

Gần đây ở bộ Công có ông Viên ngoại cũng nghiện, người còn trẻ rất tráng kiện, tình linh bị đau nặng. Lúc nguy cấp, không nuốt được hồ nữa, chỉ lấy tay vẩy tên đầy tớ bảo nó hút đi rồi dùng thoe thổi vào miệng mình. Nuốt khói được một lát thì chết. Dễ sợ như thế. Tôi năm xưa ở Gia-Định, có lần đi với một bọn nọ uống rượu, lúc đã say, họ đều hút thuốc phiện, mời tôi cùng hút. Tôi thử hút chơi một điếu, mới khỏi miếng thấy trong bụng cồn cào không chịu

được, kể đau bụng muốn đi ngoài và muốn mưa, y như sách thuốc nói chứng ỉa mưa khan (can hoặc loạn) Tôi liền trách bọn kia. Họ nói : « *Đó là tại hút chưa quen lại bị gió cảm. Lâu rồi mới biết ngon* ».

Tôi bảo : « *Chịu sao được mấy lần gió cảm thành chứng ỉa mưa thế này* » Hơn một giờ mới thôi.

Năm xưa, người Tiêm hãm Châu-Đốc (1833) chiếm hơn một tháng, khi quan quân dẹp được vào thành thì thấy ruồi đậu trên mặt đất như rắc đậu đen không nơi nào hở. Phải đốt quét đến vài ngày mới hết, hôi ghét khó chịu. Vật theo có loài, đáng ghét như thế.

Truyện ký chép đá vọng phu là người đàn bà hóa ra. Sự thiệt lờ mờ lắm. Bảo là (người ấy) rất mực chi thành, ngưng cứng lại thành đá, có khi cũng có lý. Nhưng lạ có vật tựa như vô tình mà hóa ra. Bên gò Đông-Sơn ở biển Cao-Mên, có thò ra một tảng đá giống nửa chiếc thuyền trong có những đá nhỏ cát vụn, có cái in như hình bát, đĩa, gắn chặt vào thuyền có cái từng chõng dính nhau, có người xẻ ra lấy được. Cái diệu xảo của Tạo vật không thể lường được. (Phía lái thuyền có nước suối chảy ra biển Hồ).

Sách Mặc khách huy tê ³¹³ nói : « *ở Hồ-Sơn có một cây bá đáí độ vài thước, một nửa đang còn gỗ cứng. Thái-Quân-Mô thấy lấy làm lạ bèn chở về nhà* » Cùng một loại như trên cả chăng ?

Nài giữ voi không dám ăn thịt voi. Chó hay ghét người làm thịt. Nhà nông cắt lúa giống kiêng bỏ đồ sắt vào. Lúc ra

giống kiêng quét nhà. Bỏ phân gà vào ao thì cá đi mất. Loài vật đều có thứ ghét nhau.

Đá nọc rắn (*độc xà nảo trung thạch*) có thể rút được nọc rắn nọc trùng (Hình đá bẹp như quân cờ, sắc như trái cật lợn, hơi có đầu và mỏ, đặt vào miệng bị thương thì rút nọc ngay, rút hết thì rơi xuống, bỏ đá vào chén sữa cho nó nhả nọc ra sữa (đang trắng) hóa xanh. Nếu không thì đá nứt. Cho đá rút nọc một lần thứ hai nếu bết thì không dính nữa). Vật nào theo loài này. Nhưng đôi khi cũng có cái không hiểu được Như người ta thích ăn thịt gà thì thích ăn với rau răm (lục) và lá chanh (đắng) mà hai vật ấy đều chữa vết thương gà. Ăn thịt chó thì thích ăn với sơn phi tục gọi là (củ sả) mà sơn phi hay chữa vết thương chó. Ăn thịt trâu thì thích ăn với tỏi, mà tỏi cũng chữa ghẻ trâu. Cọp bị thương thì nó ăn thứ cua khê điền mà con sau này cũng chữa cọp cắn. (Cua khê điền sinh ở khe tục gọi là con chiêm khế, không mấy khi được giã sống ra lấy nước uống xoa vào chỗ bị thương). Cho đến việc chôn mèo ở dưới gốc khế thì bột chua ; chôn chuột dưới cây quít thì lằm trái. Những loài ấy tuy là vụn vặt mà cũng đủ biết việc cách vật là khó vậy.

= HẾT =

SẮP CÓ BÁN : LAM SƠN THỰC LỤC

NGUYỄN TRÃI soạn

vua *LÊ THÁI TỔ* đề tựa

Bản dịch của Mạc Bảo Thần

Một bộ sách rất có giá-trị về sử-học nước nhà, vì do chính tay người đương-thời chép lại chuyện đương-thời, sự-thực có thể trăm phần trăm là đúng.

Người Việt-Nam chúng ta, ai chẳng nhớ công đũa giặc Minh, lấy lại giang-sơn của Lê-Thái-Tổ, ai chẳng muốn biết rõ từng ly về công việc ấy ? Vậy ai cũng nên có một cuốn sách này.

HÃY ĐÓN : LIÊU TRAI CHÍ DỊ TOÀN TẬP

Bản dịch của Nhượng Tống

Nhà xuất bản TÂN-VIỆT

Đã khởi công :

TRANG TỬ NAM HOA KINH

Một nền triết học có hệ thống chặt chẽ nhất ở nước Tàu
Bản dịch của NHƯỢNG TỔNG

*

NGŨ TIÊU VẤN ĐÁP

của NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU
do Phan văn Hùm và Nhượng Tống chú thích

*

TRIẾT HỌC NHẬP MÔN

của NGUYỄN ANH NGHĨA

*

ĐẠI VIỆT SỬ KÝ TOÀN THƯ

của NGÔ SĨ LIÊN
Bản dịch của Mạc Bảo Thần

*

NHÀ XUẤT BẢN TÂN VIỆT

29 Lamblot – Hanoi

SÁCH TÂN VIỆT

TỦ SÁCH TRIẾT HỌC

- Triết học Bergson (hết)
- Triết học Kant (hết)
- Triết học Nietzsche (hết)
- Triết học Einstein (hết)
- Phật giáo triết học in lần thứ hai (hết)
- Siêu hình học (giá 5.00)
- Triết học Descarte (giá 4.50)
- Triết học Aristote (giá 3.80)
- Vương dương Minh (giá 13.80)

TỦ SÁCH DỊCH

- Sử Ký Tư mã Thiên (giá 16.00)
- Tây sương Ký (hết) Thế giới mới (hết)
- Thanh niên trước thế giới mới (hết)
- Nghệ thuật làm việc (hết)
- Vườn hồng (giá 1.10)
- Nghìn lẻ một đêm (quyển I đã tái bản, giá 2.50), các quyển II, III, IV (đều hết), quyển V giá 2.50, quyển VI giá 2.50, quyển VII giá 2.80.
- Truyện dị thường : quyển I giá 4.50, quyển II giá 4.50.
- Ly tao (giá 6.00)
- Thơ Đỗ Phủ (giá 11.50)
- Nghìn lẻ một ngày (giá 5.00)

TỦ SÁCH DANH NHÂN

- Thi hào Tagore (hết)
- Trông giòng sông Vị (hết)
- Văn hào Toistoi (giá 2.40)
- Nguyễn văn Siêu (hết)
- Học thuyết Freud (giá 2.50)
- Trong 90 chóp núi (hết)
- Phiếm luận về Auguste Comte (giá 3.00)
- Ngô vương Quyền (hết).

LINH TINH

- Việt Nam Phật Giáo sử lược (giá 11\$50)
- Những sự gặp gỡ của Đông Phương và Tây Phương (giá 6\$00).
- Đàn bà và nhà văn (giá 1p20).
- Một ngày của Toistoi hết Nhạc sĩ tây phương (giá 1p30)
- Luận tùng (giá 1p50)
- Triết lý về vũ trụ và nhân sinh (giá 2p30)
- Chính trị đại Cương (giá 3p70)
- Tìm nghĩa văn học (giá 2p20)
- Vàng sao (giá 2p50)
- Hát dặm Nghệ Tĩnh (giá 8p00)
- Ma lâu Việt (giá 3p20)

**THỜI THỰC KÝ ĂN IN LẦN THỨ NHẤT TẠI NHÀ IN
QUANG HOA, SỐ 172 PHỐ HÀNG BÔNG HANOI – GIẤY
PHÉP SỐ 27 NGÀY 12-3-1944.**

tve-4U
CÙNG ĐỌC, CÙNG CHIA SẺ

Notes

[← 1]

Đôi câu đối : 衣不戎衣, 擔世間之難事, 提三尺劍, 收天下之心. « Ý nhất hung y, đờm thế gian chi nan sự ; Đề tam xích kiếm, thu thiên hạ chi nhân tâm ». Nghĩa là : « Khoác chiếc áo nhung, đảm đương việc khó thế gian ; cầm ba thước gươm thu hết lòng người thiên hạ ». Tương truyền là của vua Lê-Thánh-Tông, nhưng miền Thạch-Hà lại truyền là của Trương nghĩ ra để trả lời một ông bạn đồng liêu nhạo cái nghề của quê quán mình.

[←2]

Người ông là Trương-quốc-Kỳ đậu cử-nhân năm 1753. Người cha là Trương-quốc-Bảo đậu tú tài năm 1825.

[← 3]

Nay ở đền Trung-Liệt (Hà-nội) có thờ Trương.

[←4]

Hi-Long di thặng của Đặng-nguyên-Khu (Nam Phong số 132). Trích thêm một đoạn nữa : « *Hỏi ra trận ấy thời giặc Tàu đóng ở bên An-Lập, giặc Thổ đóng ở làng Bùi-xá. Ông Trương sai ông Hồ-Ba đóng quân ở Đông-Ninh. Giặc ở trên bộ kéo xuống, cùng thuyền giặc hơn hai trăm chiếc ; hai lối đánh vào, quân sợ chạy tán loạn, lẫn cả xuống sông, chết cũng nhiều. Ông Trương cùng với ông Trần-huy Than chết trận. Lúc ấy ông Văn-Đức-Nhai chỉ còn có thủ hạ hơn hai mươi người cùng giặc cự chiến bị hại* ».

[←5]

Xem ở chương sau...

[←6]

Ngày nay có Vũ-Tá-Luyện ở xã Hà-Hoàng (Thạch-Hà) là thầy bói nổi tiếng một vùng.

[←7]

Sách Thối thực ký văn ở trường Bác cổ Viễn Đông bản số A-99 thì lại lấy đầu đề là CÔNG HẠ KÝ VĂN đặt chương Chế-độ lên đầu mà chương Tạp sự thiếu sót, bản số A-104 thì đầu hết lại là chương Nhân Phẩm cũng thiếu sót nhiều. Theo E. Gaspardonne trong Bibliographie annamite (Văn tịch An-nam) B.E.F.E.O. nói có một bài tựa của tác giả đề năm 1851, nhưng chúng tôi đã dày công tìm kiếm mà không thấy.

[←8]

Quyển này ở Bảo-đại thư viện có.

[←9]

Nghĩa là điềm lạ.

[←10]

Hán-Cao-Tổ nhờ trận gió ở Tuy-Thủy mây đen phủ khắp trời khiến địch quân đang vây kín không biết đường lối nào nữa, nhân đó mà thoát. Hán-Quang-Vũ nhờ nước băng cứng cả sông nên đi qua trốn được.

[← 11]

Quê làng Nành, phủ Nam-Sách (Hải-Dương) đậu Hoàng giáp năm 1691. Là ông của Nguyễn Tuyển khởi loạn năm 1739.

[← 12]

Đền Tam-Tòa hiện nay ở gần chợ Vinh.

[←13]

Tức Lê-Quảng-Chi (1454-1485) đậu năm 1478. Làng Thần-Dầu thuộc huyện Kỳ-Anh (Hà-Tĩnh).

[← 14]

Một tuần xưa ăn 10 ngày.

[←15]

Quê làng Treo huyện Can-Lộc (Hà-Tĩnh).

[← 16]

Nay là huyện Can-Lộc.

[← 17]

Năm 1466. Sau làm đến Thượng thư bộ Binh.

[← 18]

Không biết hử gì.

[← 19]

Một thi gia đời Đường.

[←20]

Đỗ-Nhân sau đổi qua tên Nhạc quê huyện Tế-Giang (Bắc-Ninh) đậu Tiến sĩ năm 1494, sau bị Mạc-Đăng-Dung giết.

[←21]

Xã Phù-Lưu-Tràng nay là Mỹ-Tường thuộc tổng Phù Lưu chứ không phải Thu-Hoạch.

[←22]

Theo Lễ-Quận-Công gia phổ thì việc này xảy ra vào đời Trịnh-Tràng chứ không phải Trịnh-Tùng.

[←23]

Cả vùng Can-Lộc không có thần Hồng-Lĩnh đại tướng quân. Tác giả nghe lộn chằng ?

[←24]

Nay là tỉnh Hưng-Yên.

[←25]

Nay là cửa An-Dụ, đến ở về phía hữu.

[←26]

Thuộc tỉnh Hà-Đông.

[←27]

Có tên là Văn-Thiên hay Văn-Triệu quê làng Bắc-Vọng huyện Quảng-Điền (Thủ-Thiên).

[←28]

Nay là huyện Vụ-Bản.

[←29]

Quê huyện Chương-Nghĩa (Quảng-Nghĩa) đời Lê làm đến Tổng trấn Quảng-Nam. Sau theo Nguyễn-Hoàng dẹp yên Hời, Mọi ở Nam-Nghĩa.

[← 30]

Nay là Ngoại-Can-Lộc

[←31]

Đền thờ Lê-Khôi, công thần của Lê-Thái-Tổ, tước Chiêu-Trưng-Vương.

[←32]

Ở chợ Tràn thuộc phủ Hưng-Nguyên (Nghệ An).

[←33]

Một bài phú Tịch Cư Minh Thể còn truyền có sách bảo là của Nguyễn Khổng người Sơn-Tây ở ẩn về đời Lê.

[←34]

Tức Trạng Quỳnh.

[←35]

Chắc là Nguyễn-Trọng-Thường người làng Trung-Cần đậu Tiến-sĩ năm 1712 làm quan Hữu thị lang bộ Lại. Sau đi sứ Tàu chết ở dọc đường.

[←36]

Bùi-Sĩ-Tiên quê làng Kinh-Lũ (Nam-định) sinh năm 1690, đậu năm 1715.
Đời chúa Trịnh Giang bị cách chức về ở nhà.

[←37]

Quê làng Kinh-Dao, huyện Giáp-Sơn (Hải Dương).

[←38]

Có sách bảo là tượng thần Phạm-Lãi, tướng nước Việt đời Xuân-Thu.

[←39]

Đậu năm 1748, làm đến Đại học sĩ tòa Đông-Các.

[←40]

Thuộc phủ Hưng-Nguyên (Nghệ-An).

[←41]

Tức Phạm-Nguyễn-Du (xem sau).

[←42]

Có lẽ là Nguyễn gia Phan, tức Nguyễn Thế Lịch quê làng Đại Mỗ huyện Từ Liêm (Sơn Tây) đậu tiến sĩ năm 1775.

[←43]

Cha Nguyễn-Du, quê làng Tiên-điền, huyện Nghi-Xuân (Hà-tĩnh) đậu tiến sĩ năm 1731.

[←44]

Quê làng Hoàn Hậu, huyện Quỳnh Lưu (Nghệ An).

[←45]

Quê làng Nguyệt-Áng, huyện Thanh-Trì (Hà-Đông).

[←46]

Tức Bùi-Dương-Lịch quê làng An-Hội, phủ Tức-Thọ (Hà-Tĩnh) đậu Tiến sĩ năm 1787.

[←47]

Có lẽ là Phan-Khiêm-Thụ quê làng An-Việt phủ Đức-Thọ (Hà-Tĩnh) đậu năm 1757.

[←48]

Tên là Trương-Quốc-Kỳ, đậu năm 1753, bị giam đến 47 năm mới được tha.

[←49]

Không thấy tên trong Đăng khoa lục.

[←50]

Quê làng Việt-Yên, phủ Đức-Thọ (Hà-Tĩnh) đậu cử nhân năm 1813.

[←51]

Có lẽ Hà-Tôn Quyền quê làng Cát-đông, huyện Thanh-uy (Hà-đông) đậu Tiến-sĩ năm 1822.

[←52]

Tức Trần-Huy-Phác ở xã Đông-Lũy phủ Diễn-Châu (Nghệ-An) đậu Hội nguyên năm 1829.

[←53]

Đậu cử nhân năm 1825, người Hà-Tĩnh.

[←54]

Đậu cử nhân năm 1828, người Hà-Tĩnh. Làm quan đến Kinh Lịch.

[←55]

Quê làng Trung-Lương, huyện Can-Lộc (Hà-Tĩnh) đậu phó bảng năm 1829.
Trong Quốc Triều-Khoa Bảng Lục chép tên Nguyễn-Thường.

[←56]

Tức Bùi-ngọc-Quỹ ở xã Hải-Thiên huyện Tiên-Lữ (Nam-Định) cũng đậu tiến sĩ đồng khoa.

[←57]

Hiệu lực : làm rán sức để chuộc tội.

[←58]

Tức Vũ-huy-Quỳnh người xã An-Tập huyện Đông Thành (Nghệ-An), cử nhân năm 1813.

[←59]

Quê xã Bác-Vọng huyện Quán-Điền (Thừa-Thiên) đậu cử nhân năm 1821.

[←60]

Bị giáng xuống 2 trật nhưng vẫn giữ chức cũ.

[←61]

Giám khảo : quan chấm quyền thi lần thứ ba ở nội trường.

[←62]

Điền thí : chánh chủ khảo.

[←63]

Người làng Liên-Bạt huyện Sơn-Minh (Hà đông) sau làm đến Tổng đốc.

[←64]

Người làng Thương-Cát huyện Từ-Liêm (Hà-đông) sau làm đến Đốc học.

[←65]

Người làng Tả-Thanh-Uy huyện Thanh Uy (Hà đông) đậu đệ nhị giáp làm
đến Tri phủ.

[←66]

Người làng Vĩnh-Trụ huyện Nam-Xương (Hà-đông) sau làm Tế tửu Quốc tử giám.

[←67]

Người làng Linh-Đường huyện Thanh-Trì (Hà-đông) đậu đệ nhị giáp làm
đến Tri phủ.

[←68]

Người làng Trang-Liệt huyện Đông-Nghệ (Bắc-Ninh) sau làm Tư nghiệp Quốc tử giám.

[←69]

Tức là Vương-Hữu-Quang quê ở làng Tân-Đức huyện Tân Long (Gia-định)
vốn người Minh hương.

[←70]

Người đời Xuân Thu bên Tàu một lần sai người thả cá, nó làm thịt ăn mất rồi kiểm điều nói nõi, ông cũng tin.

[←71]

Chim quốc có tên là Đổ-Vũ, nguyên là vua Thục ngoại tình với vợ Biết-Lĩnh rồi truyền ngôi cho người này mà bỏ đi mất, đời truyền hóa ra chim quốc.

[←72]

Khoa này chỉ có 16 cử nhân có lẽ tác giả nhớ lộn chẳng ?

[←73]

Quê huyện Hải-Lăng (Quảng-Trị).

[←74]

Quê huyện Hương-Trà (Thừa-Thiên) là cháu Nguyễn-cư-Trinh.

[←75]

Hoặc Phong tục Thông Nghĩa của Ứng-Thiệu đời Hán-Soạn.

[←76]

Quê làng Long hàm huyện Tiên-Du (Bắc-Ninh) trước làm lính giản sau về thi đậu Cử nhân năm 1813.

[←77]

Quê làng Lính Đường, huyện Thanh-Trì (Hà-đông) đậu cử nhân năm 1821.

[←78]

Biên thư = thư ở ngoài biên thùy gửi về.

[←79]

Theo sử thi lại là Phạm-công-Trị.

[←80]

Theo sử thi là Nguyễn-Quang-Toản.

[←81]

Tức nay là Mỹ-Tho, Gò-Công.

[←82]

Quê ở Thừa-thiên trước làm Vệ-úy ở Gia-định rồi theo Lê-văn-Khôi, sau lại trở về với Triều đình đi đánh Lê-văn-Khôi.

[←83]

Tức Trương-Minh-Giang quê huyện Bình-Dương Gia-Định bấy giờ làm tham tán.

[←84]

Tức Nguyễn-Xuân.

[←85]

Sông thuộc Vĩnh-Long.

[←86]

Sông thuộc Vĩnh-Long.

[←87]

Bến sông thuộc Vĩnh-Long.

[←88]

Tên phủ thuộc tỉnh An-Giang.

[←89]

Có lẽ một viên quan ở Châu-Đốc, trốn được về đó.

[←90]

Người Thừa-Thiên.

[←91]

Quê huyện Bình-Dương (Gia-Định).

[←92]

Niên hiệu Tùy-Văn-Đế (589-600).

[←93]

Niên hiệu Tùy-Đường-Đế (601-616).

[←94]

Niên hiệu Đường-Cao-Tổ (618-626).

[←95]

Niên hiệu Đường-Thái-Tông (627-649).

[←96]

Niên hiệu vua Đường-Cao-Tông (650-656).

[←97]

Thông khoản : nước này chịu hàng phục nước kia.

[←98]

Quê làng An-Ninh, huyện Yên-Dũng (Bắc-Giang) đậu năm 1469.

[←99]

Quê làng Kim-Hoa (Bắc-Ninh) đậu năm 1466.

[← 100]

Quê làng Tam-Sơn huyện Đông-Nghệ (Bắc-Ninh) đậ năm 1475.

[← 101]

Quê làng Thượng-Đáp, huyện Thanh-Lâm (Hải-Dương) đậu năm 1490.

[←102]

Trọng-Xác hay xung-Xác mới đúng, quê làng Kim-Đôi (Bắc-Ninh) đậu năm 1469.

[←103]

Quê làng Lương-Hà thuộc Vĩnh-Ninh (Thanh-Hóa) đậu năm 1480.

[← 104]

Quê làng Bình-Ngô, huyện Gia-Bình (Bắc-Ninh) đậu năm 1484.

[←105]

Quê làng An-Đình huyện Chí-Linh (Hải-Dương) đậu năm 1487.

[←106]

Quê làng Mạn-Nhuế, huyện Thanh-Lâm (Hải-Dương) đậu năm 1493.

[←107]

Quê làng Tam-Sơn, huyện Đông-Nghệ (Bắc-Ninh) đậu năm 1493.

[← 108]

Quê làng An-Ninh, huyện Yên-Dũng (Bắc-Giang) đậu năm 1483.

[← 109]

Quê làng An-Trong thuộc Thiên tài (Bắc-Ninh) đậu năm 1484.

[← 110]

Hoặc Ngạn-Thư quê làng Đa-Nghi huyện Vĩnh Lại (Hải-Dương) đậu năm 1490.

[←111]

Quê làng Kim-Đôi Bắc Ninh, đậu năm 1481, năm 1466 đã đậu một lần.

[← 112]

Quê làng Kim-Hoa Bắc-Ninh, đậu năm 1481

[←113]

Quê làng Nghiêm-Xá, huyện Thượng-Phúc Sơn-Nam, đậu năm 1487.

[← 114]

Quê làng Hải-Lý huyện Yên-Lăng Sơn-Tây, đậu năm 1487.

[←115]

Quê làng Lê-Xá huyện An-Dương Hải-Dương, đậu năm 1487.

[← 116]

Quê làng Thượng-Phúc, huyện Thượng-Phúc, Sơn-Tây, đầu năm 1498

[← 117]

Quê làng Nhân-Lý, huyện Thanh-Lâm Hải-Dương, đậu năm 1493.

[← 118]

Quê làng Đàm-Xá, huyện Trường-Tân Hải-Dương, đậu năm 1484.

[←119]

Quê làng Mậu-Hòa, huyện Đan-Phượng Hà-Đông, đậu năm 1484.

[←120]

Người đầu hoặc có tên Thuận-Thông quê làng Tử-Kiều huyện Đông-An Nam-Định, người thứ hai hoặc tên là Phạm-nhu-Huệ quê làng Phù-Vệ, huyện Ngự-Thiên Hưng-Yên đầu đậ năm 1487.

[←121]

Quê làng Nại-xuyên huyện Kim-Thành Hải-Dương, đậu năm 1491, làm đến
Hiệu thảo viện Hàn-Lâm.

[←122]

Quê làng Đông-Mặc huyện Đông-Ngạn Bắc Ninh, đậu năm 1490.

[←123]

Quê huyện Đại-An Nam-định, đậu năm 1490.

[←124]

Quê làng Ngọc-Dôi Bắc-Ninh, đậu năm 1493.

[←125]

Quê làng Cao-Hương huyện Vụ-Bản Nam-Định, đậu trạng năm 1463.

[←126]

Quê Làng Liễu-Lâm, huyện Siêu-Loại, Bắc-Ninh đậu Tiến sĩ năm 1475.

[←127]

Quê làng Hải-Triều, huyện Ngự-Thiên, Hưng-Yên.

[←128]

Quê làng Man-Nhuế Hải-Dương.

[←129]

Quê làng Tôi, huyện Quế-Dương Bắc-Ninh.

[←130]

Quê làng Diên-Hà Thái-Bình.

[←131]

Cấp đệ : 3 người đậ đầu đệ nhất giáp được gọi cấp-đệ.

[←132]

Quê làng Đông-Lý, huyện Yên Dinh Thanh-Hóa. Đậu lần thứ hai, Trịnh được vua y ước gả công chúa.

[←133]

Quê làng Lạc Quán, huyện Thanh-Lâm Hải Dương.

[←134]

Quê làng Lý-Trai, huyện Đông-Thành (Nghệ-An).

[←135]

Quê làng Bồng-Lai huyện Quế-Dương (Bắc-Ninh).

[←136]

Có tên huyện Kim-Hoa.

[←137]

Vốn quê huyện Can Lộc Hà-Tĩnh, sau dời ra ở làng Mạo-Phổ huyện Sơn-Vi Phú-Thọ.

[←138]

Công-Thiếp và Tông-Củ ở Sơn-Tây. Thận và Diêm ở Lập-Thạch, Đôn-Phục ở Can-Lộc.

[←139]

Quê làng Kim-Đôi, huyện Vũ-Ninh Bắc-Ninh.

[← 140]

Quê làng Thượng-Cốc, huyện Lô-Dương Thanh-Hóa.

[← 141]

Quê làng Tam-Sơn, huyện Đông-Nghệ (Bắc-Ninh).

[←142]

Quê làng Nghiêm-Xá, huyện Thượng-Phúc (Sơn-Tây).

[←143]

Quê làng Hoài-Bảo, huyện Tiên-Du (Bắc-Ninh).

[← 144]

Quê làng Vân-Điêm huyện Đông-Nghệ Bắc-Ninh.

[← 145]

Quê làng Bảo-Triệu.

[← 146]

Chính tên là LỄ-SĨ-Triêm quê Hà-Tĩnh.

[← 147]

Quê làng Lạc-Đạo.

[← 148]

Quê làng Bình-Hồ.

[← 149]

Quê làng Mộ-Trạch huyện Đường-An Hải-Dương.

[←150]

Quê làng Chấn-Thiên huyện Thọ-Xương Hà-Nội.

[←151]

Người đậu thứ ba là Trịnh-Cảnh-Thụy. Tương truyền khi sắp thi, Trịnh mộng thấy mình gánh hai người Tàu. Vào trường mới hay rằng lẽu mình phải đóng ở giữa hai cha con họ Ngô. Khoa ấy đầu bài phần nhiều hỏi về kinh điển Phật giáo nên cả trường đều hỏng chỉ một mình Ngô Trí-Hòa học rộng nhớ nhiều là làm được. Ngô nhờ Trịnh-Cảnh-Thụy đưa bài nháp cho cha mình thành thử cả ba đều đậu.

[←152]

Tức là Lữ-Mộng-Chính đậu Tiến sĩ làm quan to Đời Tống.

[←153]

Nhà cải cách chính trị làm tướng đời vua Tống-Thần-Tông.

[←154]

Tức là Tô-Thức hay Tô-Đông-Pha, danh sĩ đời Tống.

[←155]

Niên hiệu vua Thanh-Thánh-Tổ (1662-1723).

[←156]

Người đời Minh, đậu tiến sĩ làm Thượng thư bộ Lễ đời vua Hiếu-Tông.

[←157]

Tức Chu-Hy nhà nho đời Tống.

[←158]

Chức quan coi sóc trường thi, phần nhiều chọn những kẻ ít học.

[←159]

Tức Búi-Dương-Lịch (xem trước)

[←160]

Quê làng Nộn-Liễu huyện Nam-Đàn Nghệ-An đậu cử nhâ năm 1819.

[←161]

Hai năm 1848 và 1843, không rõ là năm nào.

[←162]

Quan trường chấm quyền thi đầu tiên.

[←163]

Vua Thang đánh được nhà Hạ, bèn thân đến cầu đảo ở Tang-Lâm.

[← 164]

Tức quan tỉnh.

[← 165]

Tức Lê-Quý-Đôn.

[←166]

Sử đầu tước là quyền đầu trong bộ Sử-ký Tào.

[←167]

Quê làng Hoa-Đường, huyện Đường-An Hải-dương, đậu Tiến-sĩ năm 1779.

[←168]

Người đời Tam-Quốc, có lần cầm đuốc hầu vợ Lưu-Bị ban đêm, giữ được trọn tiếng.

[←169]

Quê làng Thuần-Thiện, có tên là Lê-Hồng-Hân, con thứ hai Lê-Sĩ-Lang, Đốc đồng đời Lê, Hân nổi tiếng thần đồng từ trẻ. (x. Kho sách Bạn Trẻ q.5).

[←170]

Thực ra thì đậu thứ hai, kể chân Lê-Huy-Trâm. Lúc ấy đổi tên là Phạm-Nguyễn-Du.

[←171]

Của Trầm-Quát đời Tống soạn. Tác giả là một nhà học rộng.

[←172]

Của Diệp-Mộng-Đặc biên tập những điều tai nghe mắt thấy cũ, soạn thành 2 quyển.

[←173]

Thi vào làm chức Trung thư lệnh, tức là Tổng thư ký trong cung.

[←174]

Cô gái đời xưa giả trai đi đánh giặc thay cho cha.

[←175]

Của Chu-Mật đời Tống góp nhặt những điều tai nghe mắt thấy gồm có 6 quyển.

[←176]

Niên hiệu Tống-Triết-Tông (1086-1093).

[←177]

Quê làng Bột-Thương, phủ Hoảng-Hóa (Thanh-Hóa) đậu Tiến sĩ năm 1787, làm giám thị trường Nam-Định năm 1819. Lê bị học trò gọi là « Bột tinh giáng thế » ý trỏ người làng Bột-Thương (sao Bột lại là một vị ác tinh).

[←178]

Đề quyết : là chim đỗ quyên, tiếng nó kêu xui lòng khách nhớ nhà.

[←179]

Bài thơ này rất khó vì có nhiều chữ hoặc chép sai, hoặc không hiểu điển tích, dịch giả cố dịch đại khái, còn chờ sự đính chính của thức giả.

[← 180]

Quê làng Trung-Cần huyện Thanh-Chương (Nghệ-An) có tên là Lê-Nguyên-Huệ

[←181]

Quê làng Ích-Hậu, huyện Can-Lộc (Hà-Tĩnh) đậu giải nguyên năm 1813, làm quan đến Lang-trung.

[←182]

Quê làng Xuân-Viên, huyện Nghi-Xuân (Hà-Tĩnh) đậu cùng khoa với Lưu-Công-Đạo, là cha Ngụy-Khắc-Đản.

[←183]

Tức là Ngụy-Khắc-Tuần.

[←184]

Tức Bạch-Cư-Dị, thi gia đời Đường, tác giả bài Tỳ bà hành.

[←185]

Tức Cao-Biền. Năm 864 có sang Việt-Nam đánh quân Nam-Chiếu.

[←186]

Tức là Phạm-Trọng-Yêm, đậu Tiến sĩ làm quan to đời Tống-Nhân-Tông.

[←187]

Người đời Tống làm quan Tham chính, sau phải trốn ra viễn châu vì việc xây sơn lăng không cẩn thận.

[← 188]

Tức là Vương-Hội người đời Tống-Nhân-Tông làm quan lớn.

[←189]

Bài này có kẻ bảo là của Tống-Cảnh người đời Đường được phong tước là Quảng-Bình Công.

[← 190]

Câu dịch của Nguyễn-Văn-Đề (Trong 99 chóp-núi).

[←191]

Người đời Trần đồng thời với Phạm-Sư-Mạnh (x. V.N.C.V.H.S.H).

[←192]

Quê làng Ông-Mặc, huyện Đông-ngạn (Bắc-Ninh) đậu tiến sĩ năm 1490.

[←193]

Quê làng Ông-Mặc, huyện Đông-Nghệ (Bắc-Ninh) đậu Trạng Nguyên năm 1508.

[←194]

Quê làng An-khanh, huyện An-Phonng (Bắc Ninh) đậu Tiến sĩ năm 1514.

[←195]

Tấn thân : tiếng chỉ nhà làm quan lớn.

[←196]

Tức Cừu hoang bản thảo của Chu-Vương-Túc Đời Minh soạn nói về các vị
ăn năm đói.

[←197]

Người đời Đông-Hán, học rộng, dạy nhiều học trò, làm quan đến Thái-úy.

[← 198]

Một nhà triệu phú đời Tấn.

[←199]

Người đời Đường, giàu có, có ngôi nhà Yên-Nguyệt rất đẹp.

[←200]

Niên-hiệu vua Đường Huyền-Tông (742-755).

[←201]

Niên hiệu vua Đường Ý Tông (860-873).

[←202]

Quê làng Trảo-Nha, huyện Can-Lộc (Hà-Tĩnh) có công lớn với nhà Lê trung hưng.

[←203]

Quê ở làng An-Cự, huyện Hương-Thủy (Thừa Thiên) ở đời Gia-Long, Minh-Mệnh.

[←204]

Tức Nguyễn-Quang-Toản, con vua Nguyễn-Huệ.

[←205]

Là quan tam công, chức phụ tướng.

[←206]

Tức Đoàn-Duy-tĩnh quê làng Hải-Yến huyện Quỳnh-Côi Thái-Bình, đậu
Hoàng giáp năm 1752.

[←207]

Quê làng Phú-Thị, huyện Gia-Lâm (Bắc-Ninh) hiệu là Vô-Song đậu cử nhân năm 1807.

[←208]

Quê làng Vân-Canh, huyện Từ-Liêm Sơn-Tây, đậu cử nhân năm 1807.

[←209]

Tức là Nguyễn-Văn-Thành.

[←210]

Tức Thừa-Thiên.

[←211]

Quê làng Thổ-Hào huyện Thanh-Chương (Nghệ An) đậu cử nhân năm 1821.

[←212]

Quê làng Nhân-Mục, huyện Thanh-Trì Hà-Đông trong năm Cảnh-Hưng làm
Tri-huyện Thạch-Uy.

[←213]

Tức là Trần-Sư-Đạo, một văn sĩ nổi danh đời Tống.

[←214]

Tức là Tần-Quan, người đồng thời với Trần nổi danh văn chương.

[←215]

Sự tích vua Tống-Thái-Tổ.

[←216]

Chỉ vua Hoàng-Đế vì đô đóng ở đất Hữu-Hùng.

[←217]

Tên núi, vua Hoàng-Đế đánh rợ Xuy-Vưu và đóng đô ở đó.

[←218]

Quê làng Lai-Thạch (Hà-Tĩnh) đậu Thám hoa năm 1743, làm đến thừa chính sứ.

[←219]

Quê làng An-Toàn, Hà-Tĩnh đậu năm 1787.

[←220]

Quê làng Đức-Bửu, huyện Phú-Vinh Thừa-Thiên, đậu cử nhân năm 1821.

[←221]

Phùng-Mông học bắn với Hậu-Nghệ, học hết tài nghệ trở lại giết thầy.

[←222]

Có lẽ Lê-Văn-Duyệt.

[←223]

Tức là tác giả truyện Kiều.

[←224]

Nay là huyện Kỳ-Anh.

[←225]

Tức Bến-Tre và Trà-Vinh bây giờ.

[←226]

Tức là xã Bồng-thượng, phủ Quảng-Hòa (Thanh-hóa).

[←227]

Lính đi bắt như lối canh sát, tuần thành bấy giờ.

[←228]

Có lẽ là phủ Hoảng Trị thuộc tỉnh Vĩnh-Long.

[←229]

Lính đóng ở đồn coi giữ ngã sông.

[←230]

Có lẽ là sách Vật lý tiểu thức của Phương-Dĩ-Tri đời Minh soạn.

[←231]

Người đời Tống (x. trước).

[←232]

Họ phía bắc nước Tàu xưa.

[←233]

Tên sách nói về vật loại, rất cổ của Tàu, tương truyền của Chu-Công soạn ra, môn phái họ Khổng sửa lại, nhà nho đời Hán thêm vào.

[←234]

Hệ sách phần nhiều nói về kinh tế của Quản-Trọng đời Xuân-Thu.

[←235]

Tức Tề-Hoàn-Công bá chủ đời Xuân-Thu.

[←236]

Sách nói đến 365 vị thuốc tương truyền của vua Thần-Nông soạn, kỳ thực làm đâu vào khoảng Hậu-Hán.

[←237]

Của Giả-tư-Hiệp đời Hậu-Ngụy soạn, gồm 92 thiên toàn nói về nông học.

[←238]

Tức bắc ước. Lúa để mọc ruộng rồi vãi trên luống bùn ước.

[←239]

Tức là sách NAM PHƯƠNG THẢO MỘC TRANG gồm có 3 quyển. Tác giả là người đời Tấn.

[←240]

Của Lê-Quý-Đôn.

[←241]

Người Tàu làm quan Nghị lang đời Hán-Thành-Đế 32-7 tr.J. giỏi về nghề nông có làm một quyển sách 18 thiên, được nhiều kẻ chuộng.

[←242]

Tên hiệu Minh-Toản Thiên sư, tính nhác mà tợn nên lấy hiệu là Lãn tân. Lý Bí lấy làm lạ tới thăm, thấy sư đang bươi lửa lấy môn nướng ra ăn, bẻ một nửa cho Bí mà rằng : « *Đừng nói nhiều, ăn lấy mười năm Tế-Tướng* » (Từ nguyên).

[←243]

Chép trong Vân Đài Loại Ngữ.

[←244]

1 loại gỗ thơm không rõ là cây gì.

[←245]

Gồm có ba quyển, của Lưu-Tuân đời Đường soạn, nói kỹ về động, thực vật.

[←246]

Đại-Nam Nhất Thống Chí chép tên hạt tương hay hạt báng.

[←247]

Tức Uyên giám loại hàm, thuộc sách bách khoa 450 quyển, do vua Khang-Hi sai soạn.

[←248]

Của Đoàn-Thành-Thức đời Đường soạn gồm có hai ba chục quyển.

[←249]

Tức Tây-Vực-ký, bản du ký của sư Huyền-Trang đời Đường.

[←250]

Như Phật học từ điển, của sư đời Tống là Pháp-Vân soạn lỗi 20 quyển.

[←251]

Có tên là Nam bộ yên hoa lục, không rõ tác giả.

[←252]

Niên hiệu Tấn-Huệ-Đế (280-289).

[←253]

Tức Thế thuyết tân thư hay tân ngữ của người đời Tống soạn.

[←254]

Người đời Tống đậu tiến sĩ làm đến Thượng Thư bộ Công, sửa bộ Đường thư.

[←255]

Ấn vào chết.

[←256]

Có lẽ là cốm Vòng.

[←257]

Sách Chu Lễ của Chu-Công soạn. Lần đầu được Trịnh-Hưng, Trịnh-Chung chú thích gọi là tiên Trịnh, sau được Trịnh-Khang-Thành chú nữa, gọi là hậu Trịnh.

[←258]

Người đời Tống dẫn giải bộ Nhĩ Nhã và Bản Thảo.

[←259]

Tức là Can-Đà-Lợi hay Thất-Lợi-Phật-Thệ hay Palembang, tỉnh thành của đảo Sumatra ở Úc-châu.

[←260]

Loại cây làm giấy tốt hơn dó.

[←261]

Của Tiền-Dị đời Tống soạn, chép các việc cũ đời Đường, Ngũ-Đại gồm 10 quyển.

[←262]

Tác giả là người đời Tần, đều là những chuyện hoang đàng.

[←263]

Của Triệu-Hi-Hộ đời Tống soạn.

[←264]

Tên hiệu Trịnh-Hoài-Đức tác giả bộ Gia-Định thông chí

[←265]

Có lẽ là cây châm trai.

[←266]

Có tích vua Thuấn chết ở Thương Ngô, hai bà phi theo kịp khóc rất thảm. Nước mắt giọt xuống tre ở núi Tương thành từng vệt nên tre ấy có tên là Tương phi trúc.

[←267]

Người đời Tấn soạn, một quyển kể ra hơn 70 giống trúc.

[←268]

Hoặc « *Tháng giêng trồng tre, tháng hè trồng chuối* ».

[←269]

Dệt có những đường chạy ngang dọc ở bốn bề.

[←270]

Người đời Tống. Sách chép các việc vặt, gồm có 10 quyển.

[←271]

Niên hiệu vua Tống Huy-Tông (1119-1126).

[←272]

30 tháng chạp.

[←273]

Sách của Lục-Hữu đời Nguyên soạn gồm 2 quyển. Hữu có hiệu là Nghiện Sinh Bắc.

[←274]

Tức Trình-Hạ đời Tống.

[←275]

Nghĩa là ếp cuối năm này sang đầu năm khác mới nở.

[←276]

Sách của Triệu-Công (hay Triệu-Vương) và Tăng-Cổn đời Đường soạn nói về Giao-Châu.

[←277]

Có tên là Quảng nhĩ của Trương-Ấp đời Ngụy soạn gồm. Về sau có nhiều nhà chú thích.

[←278]

Một quyển, bảo của Sư-Khoáng đời xuân Thu làm, chỉ là bày đặt.

[←279]

Của Lục-Điền đời Tống soạn, 20 quyển, vật loại đầy đủ.

[←280]

Một bản trong loại Vĩ thư.

[←281]

Có bảy thứ : Dịch vĩ, Thư vĩ, Thi vĩ, Lễ vĩ, Xuân thu vĩ, Hiếu kinh vĩ, thác lời Khổng-Tử, của bọn nhà nho đời Tây-Hán nhân môn sấm vĩ thịnh hành, đặt ra.

[←282]

Quê làng Khánh-Hậu tỉnh Tân-An, vốn họ Hoàng có công giúp vua Gia-Long được ban quốc tính.

[←283]

Không hiểu có phải là sách Nguyệt lệnh minh nghĩa của Hoàng-Đạo-Chu đời Minh soạn chẳng ?

[←284]

Con là cha ngựa mẹ lừa sinh ra.

[←285]

Một quyển. Chu đi theo sứ bộ đời Nguyên Thành-Tông.

[←286]

Biệt hiệu Phan-Thanh-Giản.

[←287]

Của Thích-Đạo-Thế đời Đường soạn gồm 120 quyển.

[←288]

Quê làng Hạ-Dương, huyện Đông-Nghệ (Bắc-Ninh) đậu Cử nhân năm 1825.

[←289]

Tướng vua Tề-Hoàn-Công, lúc hàn vi vừa chăn trâu vừa đọc sách.

[←290]

Tức là lối lấy 12 giống động vật phối vào 12 chi, cũng gọi là thập nhị thuộc.

[←291]

Tức sao đầu ngư, 7 sao ở về bắc.

[←292]

Ở phía nam huyện Nhã-An và phía đông bắc huyện Vạn-Nguyên thuộc tỉnh Tứ-Xuyên đều có sản xuất thú gia ngư.

[←293]

của Bành-đại-Dực đời Minh soạn gồm có 228 quyển.

[←294]

Tục này rất thịnh hành ở các bộ lạc Mọi trên dãy Trường-Sơn.

[←295]

nay là Phúc-Kiến.

[←296]

của Khuất-đại-Quân đời Thanh, ghi chép sự vật ở Quảng-Đông.

[←297]

như con vẹm lúc nào trong bụng cũng có con cua nhỏ như hạt đậu, tục gọi là con lạ.

[←298]

Nay ở huyện Dương-Cốc, tỉnh Sơn-Đông nước Tàu.

[←299]

Người đời Tống. Sách ấy viết vào hồi cáo lão, nói về lễ trời đất vạn vật.

[←300]

Tức Kinh-Châu (nay là Hồ-Nam Hồ-Bắc và một phần Quý-Châu, Quảng-Đông, Quảng-Tây) và Ba-châu (nay huyện Ba-Trung thuộc Tứ-Xuyên) ở Tàu.

[←301]

Sách gồm 30 quyển kể thổ âm chỉ tên các vật mỗi nơi một khác. Tác giả đầu khoảng đời Hán.

[←302]

Tức nay là tỉnh Sơn-Tây, Hà-Nam, Trục-Lệ ở Tàu.

[←303]

Hoặc tò vò

[←304]

Xem ở trước.

[←305]

Sách gồm những chuyện hoang đản, có Trương-Hoa đời Tấn chú thích nhưng không chắc là của Đông-Phương-Sóc.

[←306]

Xem Việt-Nam Cổ Văn Học Sử quyển III mục chú thích có dẫn điển tích chữ cà cuống.

[←307]

Quê làng Di-Luân, huyện Bình-Chính (Quảng-Bình) đậu cử nhân năm 1837.

[←308]

Có tên là diếp cá.

[←309]

Thứ cây lá hình như lông chim, trái tròn mà lép

[←310]

Sách của Tống-Từ đời Tống soạn. Xưa, nước Ta và Tàu đều dùng nó khám
án mạng.

[←311]

Ở Đan huyện có một nông phu, vợ đưa cơm ra đồng cho ăn, ăn xong thì chết. Bố chồng kiện với quan. Người đàn bà bị khảo đả, khai bậy. Sau nhờ có họ Hứa ở Sơn-Đông lấy lễ ôn tồn tra hỏi thì nữ tù khai rằng : « *gạo làm cơm, cá kho nước, đi qua rừng cây kính, chứ không gì khác* ». Bèn bảo mua cá làm cơm, bỏ hoa kính vào, cho chó lợn ăn đều chết hết. Án ấy mới rõ.

[←312]

Quê làng Thương-Cốc, huyện Gia-Lộc (Hải-Dương), có tên là Nguyễn-Quý-Tân đậu Tiến-sĩ năm 1842.

[←313]

Của Bành-Thừa đời Tống soạn, gộp những di văn dật sự đời Tống, gồm 10 quyển.